

UBND TỈNH NAM ĐỊNH
SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

KỶ YẾU HỘI THẢO

**“50 NĂM NỀN VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TỈNH NAM ĐỊNH
SAU NGÀY ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT
(30/4/1975 - 30/4/2025)”**

Nam Định, tháng 4-2025

LỜI NÓI ĐẦU

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đã đưa đất nước ta bước sang một trang sử mới: Hòa bình, thống nhất, độc lập, tự do, đổi mới và phát triển; đồng thời cũng mở ra cho nền văn học, nghệ thuật (VHNT) nước nhà một giai đoạn mới, phát triển trong tính tổng thể, toàn vẹn, tiến bộ và cách mạng. Là vùng đất giàu truyền thống văn hóa và cách mạng, quê hương Nam Định đã sản sinh ra nhiều danh nhân tiêu biểu có đóng góp quan trọng đối với sự nghiệp VHNT cả nước.

Ngày 12/4/1976, UBND tỉnh Hà Nam Ninh ban hành quyết định thành lập “Ban Vận động thành lập Hội Văn nghệ tỉnh Hà Nam Ninh”. Tháng 7/1977, Đại hội VHNT tỉnh Hà Nam Ninh khoá I (1977-1983) được tổ chức thành công. Thời gian đầu, Hội VHNT tỉnh Hà Nam Ninh có hơn 100 hội viên và chỉ có 01 chi hội chuyên ngành VHNT Trung ương. Đội ngũ văn nghệ sĩ đã đoàn kết, thống nhất, từng bước vượt qua khó khăn, thách thức trong sinh hoạt, sáng tác. 50 năm sau ngày đất nước thống nhất, đội ngũ văn nghệ sĩ Nam Định đã nắm bắt thời cơ, vận hội, phát huy năng lực sáng tác để cho “ra đời” nhiều công trình VHNT có giá trị, làm phong phú thêm cho sự nghiệp VHNT tỉnh nhà, tạo vị thế xứng đáng trong nền VHNT cả nước. Hiện nay, Hội VHNT tỉnh có gần 300 hội viên; trong đó có 02 nghệ sĩ nhân dân, 29 nghệ sĩ ưu tú. Chất lượng hội viên không ngừng được nâng cao, sinh hoạt ở 07 bộ môn chuyên ngành gồm: Văn xuôi, thơ, nguyên cứu - phê bình, âm nhạc - múa, sân khấu, nhiếp ảnh, mỹ thuật. Nhiều hội viên thuộc các chi hội chuyên ngành VHNT Trung ương như: Chi hội Nhà văn Việt Nam, Chi hội Mỹ thuật Việt Nam, Chi hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Chi hội Nhiếp ảnh Việt Nam, Chi hội Nhạc sĩ Việt Nam, Chi hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam...

Căn cứ Kế hoạch số 596/KH-SVHTTDL, ngày 26/3/2025 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc tổ chức Hội thảo “50 năm nền văn học, nghệ thuật tỉnh Nam Định sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025)”; Sở VHTTDL tổ chức biên tập, xuất bản Kỷ yếu Hội thảo gồm các bài viết, tham luận của các cơ quan quản lý nhà nước về VHNT, tác giả, nhà nghiên cứu, nhà phê bình VHNT ở Trung ương và địa phương... tại Hội thảo tổ chức ngày 12/4/2025.

Các bài viết, tham luận tập trung khẳng định những thành tựu, khó khăn, bài học kinh nghiệm và đề ra nhiệm vụ, giải pháp phát triển VHNT của tỉnh trong thời gian tới. Đồng thời, góp phần nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ về vị trí, vai trò, những đóng góp quan trọng của VHNT và đội ngũ văn nghệ sĩ đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển tỉnh Nam Định, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; tiếp tục quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, của Tỉnh ủy về văn hóa, văn nghệ, từ đó xác định rõ trách nhiệm đối

với đất nước, với Nhân dân trong giai đoạn phát triển mới; cổ vũ, động viên, phát huy tài năng, tâm huyết của đội ngũ văn nghệ sĩ trong tỉnh tiếp tục sáng tạo những tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, góp phần bồi đắp, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển quê hương, đất nước.

Xin trân trọng giới thiệu Kỷ yếu Hội thảo “50 năm nền văn học, nghệ thuật tỉnh Nam Định sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025)” cùng bạn đọc./.

BAN TỔ CHỨC

MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
1	Phát biểu đề dẫn Hội thảo “50 năm nền văn học, nghệ thuật tỉnh Nam Định sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975-30/4/2025). <i>Lãnh đạo Sở VHTTDL Nam Định</i>	6
2	Công tác tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về văn học nghệ thuật trên địa bàn tỉnh Nam Định. <i>Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ Nam Định</i>	10
3	Nửa thế kỷ như là sự mở rộng những chân trời văn học (Nhìn từ Văn Cao và Trần Dần - hai người thơ Nam Định). <i>PGS.TS Phạm Xuân Thạch Trưởng Khoa Văn học, Trường Đại học KHXH&NV, Đại học QG Hà Nội</i>	15
4	Từ trường hợp nhà phê bình và nhà viết kịch Xuân Trình nghĩ về phẩm chất của kẻ sĩ hiện đại. <i>PGS.TS Trần Văn Toàn Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội</i>	25
5	50 năm văn học nghệ thuật Nam Định bảo tồn và phát triển. <i>Đạo diễn-NSUT Đào Quang Nguyên Chủ tịch Hội VHNT tỉnh Nam Định</i>	36
6	Âm nhạc Nam Định trên chặng đường 50 sau ngày thống nhất đất nước. <i>Nhạc sĩ-NSUT Kiều Khắc Dư Chủ tịch Hội VHNT tỉnh Nam Định</i>	44
7	Công tác quản lý nhà nước về văn học nghệ thuật trên địa bàn tỉnh Nam Định. <i>Lê Thị Hạnh Phó Trưởng phòng Quản lý Văn hoá, Sở VHTTDL Nam Định</i>	52
8	Nguyễn Khải - Một ngôi bút nổi bật ở “tính vấn đề”. <i>PGS.TS Thái Phan Vàng Anh Khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế</i>	58
9	Đôi điều suy nghĩ về hoạt động mỹ thuật Nam Định từ sau ngày thống nhất đất nước. <i>Họa sĩ. Vũ Xuân Dương Phó Chủ tịch Hội VHNT tỉnh Nam Định</i>	67
10	Xuân Trình - Người khơi dậy những khát khao đổi mới cho kịch nói Việt Nam. <i>TS Đỗ Thị Thanh Nga Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam</i>	69
11	Thực trạng công tác đào tạo nguồn nhân lực nghệ thuật tại Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật và Du lịch Nam Định giai đoạn 1975-2025. <i>Th.S Trần Hữu Toàn Hiệu trưởng Trường Cao đẳng VHNT&DL Nam Định</i>	76
12	Sự thử nghiệm nguyên lý trò chơi trong tiểu thuyết Blogger, một đóng góp của Phong Điệp cho văn học Nam Định trên con đường đổi mới, hội nhập quốc tế. <i>Th.S Trịnh Thị Quỳnh Giảng viên Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định</i>	82

13	Sân khấu Nam Định 50 năm phát triển, trưởng thành. <i>Phạm Khải Hoàn</i> <i>Nguyên Giám đốc Nhà Văn hoá 3/2 (nay là Trung tâm VHĐATL tỉnh)</i>	91
14	Nhiếp ảnh nghệ thuật Nam Định 50 năm hội nhập cùng đất nước. <i>NSNA Đinh Cường Quang</i> <i>Trưởng bộ môn Nhiếp ảnh, Hội VHNT tỉnh Nam Định</i>	96
15	Văn xuôi Nam Định (từ 1975 đến nay) phác thảo diện mạo và thành tựu. <i>Nguyễn Văn Nhượng</i> <i>Giáo viên Trường THCS Giao Hải - Hội viên Hội VHNT Nam Định</i>	102
16	Ứng dụng chuyển đổi số trong việc bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống. <i>Nguyễn Văn Thanh</i> <i>Phó Trưởng phòng Quản lý Văn hoá, Sở VH-TT-DL Nam Định</i>	112

**PHÁT BIỂU ĐỀ DẪN HỘI THẢO “50 NĂM NỀN VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT
TỈNH NAM ĐỊNH SAU NGÀY ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT
(30/4/1975 - 30/4/2025)**

Lãnh đạo Sở VH TTDL Nam Định

Kính thưa các đồng chí Lãnh đạo!

Kính thưa các quý vị đại biểu, các nhà văn, nhà thơ, các nghệ sĩ và toàn thể quý vị có mặt tại Hội thảo!

Hôm nay, trong không khí tung bừng của toàn Đảng, toàn quân và dân ta đang chuẩn bị chào đón sự kiện Kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch long trọng tổ chức Hội thảo “50 năm nền văn học nghệ thuật tỉnh Nam Định sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025)”. Đây là dịp để chúng ta cùng nhau nhìn lại chặng đường phát triển, những dấu ấn đầy tự hào của nền văn học nghệ thuật tỉnh nhà trong suốt nửa thế kỷ qua, đồng thời đề ra những phương hướng phát triển trong tương lai.

Trước hết cho phép tôi được trân trọng gửi lời kính chúc sức khoẻ và lời cảm ơn sâu sắc đến các đồng chí Lãnh đạo, quý vị đại biểu, các nhà nghiên cứu, các văn nghệ sĩ, các đơn vị có liên quan đã quan tâm, dành thời gian tham dự Hội thảo hôm nay.

Kính thưa các quý vị!

Kể từ sau năm 1975, Nam Định, mảnh đất giàu truyền thống văn hoá, lịch sử đã không ngừng phát triển trên mọi lĩnh vực của đời sống, đặc biệt trong sự nghiệp văn học nghệ thuật. Mặc dù có những khó khăn, thách thức trong bối cảnh xã hội và đất nước thay đổi nhưng nền văn học nghệ thuật của tỉnh vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ, phản ánh được những giá trị cốt lõi của cuộc sống, con người, quê hương, đất nước.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, tỉnh Nam Định đã sản sinh ra nhiều danh nhân văn hóa tiêu biểu có đóng góp quan trọng, tạo vị thế xứng đáng trong nền văn học nghệ thuật (VHNT) chung của cả nước với những tác phẩm, công trình sáng tác, nghiên cứu VHNT nổi tiếng, có sức sống lâu bền trong chiều dài lịch sử văn hóa dân tộc và thế giới, thể hiện sự sáng tạo không ngừng nghỉ của các văn nghệ sĩ trong việc phản ánh những thay đổi của xã hội và những cảm xúc, khát vọng của con người. Trong quá trình chỉ đạo, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã luôn quan tâm, chỉ đạo sát sao, thúc đẩy sự phát triển VHNT của tỉnh thời kỳ mới, phù hợp với sự phát triển chung của xã hội; tạo điều kiện cho đội ngũ văn nghệ sĩ của tỉnh phát huy sức sáng tạo; đẩy mạnh các hoạt động biểu diễn, quảng bá, giới thiệu các tác phẩm VHNT đến với công chúng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân trong và ngoài tỉnh.

Trong những năm qua, các hoạt động văn hóa, văn nghệ của tỉnh Nam Định đã phát triển cả về bề rộng và chiều sâu: thường xuyên tổ chức các cuộc thi, liên hoan văn nghệ quần chúng từ cấp cơ sở đến tỉnh; duy trì tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ trong các sự kiện, kỷ niệm các ngày lễ lớn như: Chương trình nghệ thuật tại lễ kỷ niệm 750 năm Thiên Trường - Nam Định, 100 năm ngày sinh cố Tổng Bí thư Trường Chinh, 60 năm Ngày Bác Hồ về thăm Nam Định, tổng kết 10 thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới toàn quốc, chương trình nghệ thuật “Tết quê hương”, kỷ niệm Ngày Giải phóng miền Nam 30/4, Ngày quốc tế lao động 1/5, Ngày sinh nhật Bác 19/5, Ngày hội văn hóa thể thao nhân kỷ niệm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh 2/9... tạo khí thế phấn khởi trong toàn dân góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của đất nước.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã kết luận chỉ đạo: “Xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là nền tảng tinh thần, động lực phát triển và soi đường cho quốc dân đi; phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, thịnh vượng, tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện thành công mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI”. Văn hóa được khẳng định là một lĩnh vực trọng yếu của quốc gia trong quá trình phát triển. Để khơi dậy được giá trị văn hóa dân tộc, đóng góp trực tiếp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi phải phát huy được vai trò của các chủ thể, trong đó cần đặc biệt quan tâm đến vai trò của đội ngũ trí thức lĩnh vực văn học, nghệ thuật.

Để VHNT tỉnh Nam Định phát triển và đáp ứng những yêu cầu mới, với tinh thần “Đoàn kết, đổi mới, sáng tạo và nhân văn, đồng hành cùng sự nghiệp xây dựng, phát triển và hội nhập của quê hương văn hiến Nam Định”, VHNT tỉnh đang tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ và các loại hình sáng tác; tổ chức có hiệu quả các chuyến đi thực tế, tham dự các trại sáng tác VHNT của Trung ương, của tỉnh và các bộ môn, tạo cảm hứng sáng tác cho hội viên; mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức mọi mặt cho hội viên; huy động nguồn lực xã hội hoá trong hoạt động VHNT; xây dựng quy chế quản lý Quỹ hỗ trợ sáng tác VHNT trong từng giai đoạn hợp lý để đầu tư cho các tác phẩm chiều sâu; thu hút các nguồn lực hỗ trợ cho sự nghiệp phát triển VHNT trong thời kỳ mới; tăng cường phát triển các kênh giới thiệu các tác phẩm VHNT, quảng bá các tác phẩm VHNT đến công chúng, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển VHNT, đồng hành cùng phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và hội nhập quốc tế.

Hiện nay, tỉnh Nam Định đã có một giải thưởng riêng về lĩnh vực văn học, nghệ thuật dành cho đội ngũ văn nghệ sĩ là Giải thưởng Lương Thế Vinh. Giải thưởng mang tên một trong những bậc tài danh của dân tộc Việt Nam và quê hương Nam Định - Trạng nguyên Lương Thế Vinh, được tổ chức định kỳ 5 năm một lần nhằm ghi nhận và biểu dương kết quả lao động sáng tạo trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật của văn nghệ sĩ Nam Định, cùng văn nghệ sĩ cả nước góp phần vào sự nghiệp đổi mới - phát triển văn học nghệ thuật. Đây là giải thưởng cao nhất và danh giá nhất của tỉnh dành cho lĩnh vực sáng tác Văn học nghệ thuật, nhằm ghi nhận và vinh danh văn nghệ sĩ là công dân của tỉnh Nam Định. Hội VHNT tỉnh hiện có hơn 270 hội viên ở 7 bộ môn, gồm: văn xuôi, thơ, nghiên cứu - sưu tầm, âm nhạc - múa, nhiếp ảnh, mỹ thuật, sân khấu. Hội VHNT tỉnh thường xuyên chăm lo bồi dưỡng, làm tốt công tác định hướng tư tưởng cho đội ngũ văn nghệ sĩ, động viên, khuyến khích các văn nghệ sĩ tích cực sáng tác, phản ánh sinh động, phong phú, đa dạng sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc, công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển của quê hương. Hội viên Hội VHNT tỉnh đã sáng tác, xuất bản, quảng bá tới công chúng các tác phẩm VHNT với nhiều loại hình: tiểu thuyết, tập truyện ký, tập thơ, công trình nghiên cứu - phê bình, công trình đạo diễn, tác phẩm âm nhạc và hàng nghìn tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh với các chủ đề về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng NTM; chủ quyền biển, đảo quê hương; giới thiệu hình ảnh mảnh đất, con người, những nét văn hóa truyền thống trên quê hương Nam Định, hàng trăm tác phẩm được trao giải thưởng, huy chương tại các cuộc thi, liên hoan, triển lãm do các Hội Mỹ thuật Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam tổ chức. Nhiều tác phẩm đạt giải cao tại các cuộc thi quốc gia, quốc tế và khu vực.

Từ những tác phẩm văn học đặc sắc, những buổi biểu diễn nghệ thuật ấn tượng, đến những sáng tạo trong lĩnh vực mỹ thuật, điện ảnh và âm nhạc, văn học nghệ thuật Nam Định đã góp phần làm phong phú thêm bức tranh văn hoá tinh thần cho nhân dân Thành Nam và cả nước, đồng thời xây dựng, bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống, tinh thần nhân văn của dân tộc.

50 năm qua, với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và các cấp uỷ, chính quyền, đội ngũ văn nghệ sĩ Nam Định đã từng bước vượt qua khó khăn, thách thức không ngừng nỗ lực sáng tạo các tác phẩm văn học, nghệ thuật giá trị nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ ngày càng cao của công chúng, từ đó làm phong phú thêm cho sự nghiệp văn học nghệ thuật tỉnh nhà, tạo vị thế xứng đáng trong nền văn học nghệ thuật Việt Nam. Chính các văn nghệ sĩ là những người đã và đang tạo ra những tác phẩm có giá trị, thể hiện tình yêu quê hương đất nước, cũng như những trăn trở, khát vọng đổi mới của quê hương, đất nước.

Trong bối cảnh chung của quá trình hội nhập quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, văn học nghệ thuật Nam Định đang đứng trước cả cơ hội và thách thức làm thế nào để văn học nghệ thuật Nam Định tiếp tục phát huy truyền thống, đồng thời bắt kịp xu hướng hiện đại, là câu hỏi lớn đặt ra cho cả các nhà quản lý và các văn nghệ sĩ. Tại Hội thảo ngày hôm nay không chỉ là dịp để chúng ta cùng nhau ôn lại những dấu mốc đáng nhớ của nền văn học nghệ thuật Nam Định, mà còn là cơ hội để chúng ta thảo luận, trao đổi và tìm ra những giải pháp phát triển nền văn học nghệ thuật của tỉnh trong tương lai. Với sự đóng góp tài năng, sự nhiệt huyết của các nhà nghiên cứu, các văn nghệ sĩ, chắc chắn rằng chúng ta sẽ có những bước tiến mới trong việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá nghệ thuật đặc sắc của Nam Định.

Tôi tin tưởng rằng, với sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của các đồng chí Lãnh đạo, sự nhiệt huyết, tài năng của các văn nghệ sĩ, Hội thảo sẽ thành công tốt đẹp. Mong rằng qua Hội thảo này, chúng ta sẽ có những sáng kiến, những ý tưởng mới để phát triển nền văn học nghệ thuật Nam Định trong những năm tiếp theo, góp phần làm giàu thêm kho tàng văn học nghệ thuật của tỉnh nhà và của dân tộc.

Cuối cùng, một lần nữa tôi xin kính chúc các đồng chí Lãnh đạo, các quý vị đại biểu, các nhà nghiên cứu, các văn nghệ sĩ luôn mạnh khoẻ, hạnh phúc. Chúc Hội thảo của chúng ta hôm nay thành công tốt đẹp./.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC CHỦ TRƯỞNG, NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VỀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH

Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Nam Định

Văn học, nghệ thuật là một lĩnh vực đặc biệt của đời sống tinh thần xã hội, góp phần hun đúc nên phẩm chất, nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến văn học, nghệ thuật, luôn coi đây là một “mặt trận” quan trọng của cách mạng Việt Nam. Trong bức thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận”. Từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta luôn quan tâm đến sự phát triển của văn học nghệ thuật và xác định văn học nghệ thuật không đơn thuần chỉ là truyền tải cái đẹp, giúp con người biết thưởng thức cái đẹp mà còn hướng con người đến cách sống đẹp. Nghĩa là, văn học, nghệ thuật có thể giúp con người tự nhận thức chính mình, vượt lên bản thân mình để chia sẻ, cảm thông và có những hành động tốt đẹp vì cộng đồng. Đảng ta khẳng định: “Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa; là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam”.

Nằm ở trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng, Nam Định là tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng; có bề dày lịch sử, văn hóa đặc sắc và truyền thống cách mạng hào hùng. Với 1.670 km² diện tích tự nhiên, dân số gần 2 triệu người, 175 xã, phường, thị trấn; là tỉnh có bờ biển dài với 72 km², hệ thống đường giao thông đa dạng khoảng 7.000 km đường bộ, trên 400 km đường sông và đường biển, 42 km đường sắt, rất thuận tiện cho việc phát triển kinh tế và giao lưu văn hóa giữa Nam Định với các tỉnh trong khu vực và cả nước. Là vùng đất giàu truyền thống văn hóa và cách mạng, quê hương văn hiến Nam Định đã sản sinh ra nhiều danh nhân tiêu biểu có đóng góp quan trọng đối với sự nghiệp văn học nghệ thuật của cả nước như nhà thơ Nguyễn Bính, Trần Tế Xương, nhạc sĩ Văn Cao, nhà văn Nguyên Hồng... Các tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật của các thế hệ văn nghệ sĩ Nam Định luôn thể hiện giá trị nhân văn, là nguồn động lực to lớn, bất nhứt, cổ vũ, đồng hành với công cuộc đổi mới và phát triển đất nước, góp phần xây dựng vững chắc nền tảng tinh thần xã hội.

Xác định văn học nghệ thuật có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển văn hóa, con người, thể hiện khát vọng hướng tới các giá trị “chân - thiện - mỹ”, góp phần xây dựng nền tảng tinh thần xã hội, trong những năm qua, các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền trong tỉnh thường xuyên quan tâm, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thể chế hóa chính sách và nguồn lực cho phát triển văn học, nghệ thuật. Do đó, tự do, dân chủ trong sáng tạo văn học, nghệ

thuật của tỉnh được bảo đảm, tôn trọng và phát huy. Hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật ngày càng sôi động, phong phú về nội dung, đa dạng về phương thức thể hiện. Đội ngũ văn nghệ sĩ không ngừng lớn mạnh về nhiều mặt, các văn nghệ sĩ được tạo điều kiện tham gia các đợt sinh hoạt chính trị, đi thực tế, các trại sáng tác, hỗ trợ tác phẩm, tham dự các cuộc trưng bày, triển lãm, quảng bá, giới thiệu văn học nghệ thuật. Phong trào văn nghệ quần chúng được đẩy mạnh, từng bước đáp ứng nhu cầu hoạt động và thụ hưởng của đông đảo quần chúng nhân dân. Từ 2014 đến nay, Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh đã tổ chức trên 20 trại sáng tác với gần 1.000 tác phẩm được ra đời; 289 đầu sách của hội viên và gần 18 nghìn cuốn Tạp chí Văn nhân được xuất bản; 500 tác phẩm âm nhạc, 900 tác phẩm mỹ thuật, 700 tác phẩm nhiếp ảnh, 5 vở diễn, 12 tập kịch sân khấu được giới thiệu, công diễn, quảng bá tới công chúng;... Hàng năm, lực lượng hội viên sáng tác từ 500-700 tác phẩm trên các lĩnh vực văn học nghệ thuật có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương và nhu cầu thưởng thức văn hóa, văn nghệ của công chúng. Các đơn vị nghệ thuật thuộc Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh đầu tư kịch bản, dàn dựng các trích đoạn, vở diễn để công diễn đến công chúng, lựa chọn tham dự các cuộc thi, liên hoan nghệ thuật sân khấu (chèo, cải lương, kịch nói) toàn quốc và đạt nhiều giải thưởng cao.

Những kết quả nổi bật đó là sự lãnh đạo, chỉ đạo thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, quan điểm của Đảng về văn học, nghệ thuật thành phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, trong đó có vai trò quan trọng của công tác tuyên truyền, hướng dẫn triển khai đường lối, quan điểm, chỉ thị, nghị quyết của Đảng của các cấp ủy, tổ chức đảng đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, đặc biệt:

Trong thời gian qua, ngành Tuyên giáo của tỉnh tiếp tục tham mưu giúp cấp ủy các cấp lãnh đạo, chỉ đạo, đổi mới, nâng cao chất lượng việc tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Đảng, trong đó có các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, như: Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008, Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới”, Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Kết luận của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng...; hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến nội dung các nghị quyết, chỉ thị trên các phương tiện thông tin đại chúng bằng các hình thức đa dạng, phù hợp; tuyên truyền, phổ biến qua sinh hoạt của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí của tỉnh đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân; tham mưu cấp ủy chỉ đạo, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa - văn nghệ mừng Đảng, mừng Xuân đảm bảo vui tươi, lành mạnh, an

toàn, tiết kiệm; vận động cán bộ, đảng viên, các văn nghệ sỹ, nhà báo và hội viên tham gia dự thi Giải báo chí toàn quốc về xây dựng Đảng (Giải Búa liềm vàng)¹. Hằng năm, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy ban hành hướng dẫn công tác văn hóa văn nghệ, trong đó định hướng nội dung một số hoạt động văn hóa - văn nghệ mừng Đảng, mừng Xuân, chào mừng các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, của tỉnh, chương trình, hoạt động văn hóa, văn nghệ tập trung phản ánh truyền thống văn hóa, mảnh đất, con người, tình yêu quê hương, đất nước; ca ngợi Đảng, Bác Hồ kính yêu; những cách làm hay, điển hình tiên tiến trong học tập, công tác và trong cuộc sống; những thành tựu trong xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Một số hoạt động văn học - nghệ thuật tiêu biểu như Triển lãm Báo xuân; Triển lãm “Ảnh nghệ thuật Nam Định”; Ngày thơ Việt Nam tỉnh hằng năm²... Qua việc chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ góp phần cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tiếp tục phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, củng cố, bồi đắp niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Báo Nam Định, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tin bài với nhiều hình thức phong phú, sinh động nhằm tuyên truyền công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể trong việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về văn hóa, văn nghệ; phản ánh đa dạng, có chiều sâu các vấn đề về văn hóa, văn học, nghệ thuật; phổ biến nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị trên phương tiện truyền thông, trên Báo Nam Định có chuyên trang 3 các số báo Thời sự và số Cuối tuần với các chuyên mục: “Văn hóa và Phát triển”, “Văn hóa và Đạo đức”; “Tin văn hóa”; Chuyên mục Văn hóa - nghệ thuật; Đất nước - Con người... Đài Phát thanh - Truyền hình có chuyên mục “Góc nhìn văn hóa”, “Câu chuyện văn hóa”...

Thực hiện Chỉ thị số 42/CT-BTTTT, ngày 01/8/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc “Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về văn học, nghệ thuật trên báo chí”, các cơ quan báo chí của tỉnh đã tăng cường đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”; tinh thần Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Trong đó chú trọng và đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về văn học, nghệ thuật đảm bảo theo đúng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực đấu tranh chống các

¹ Năm 2024, toàn tỉnh có 435 tác phẩm dự Giải, trong đó lựa chọn 113 tác phẩm tham dự Giải Trung ương (tăng 21 tác phẩm so với năm 2022) với 4 loại hình: Báo viết, Báo hình, Báo điện tử, Phát thanh)

² Ngày thơ Việt Nam tỉnh Nam Định năm 2024 với Chủ đề “Bản hoà âm đất nước”; năm 2025 với chủ đề “Tổ quốc bay lên”.

quan điểm sai trái, thù địch, chống âm mưu diễn biến hòa bình trong lĩnh vực tư tưởng; tăng cường tuyên truyền nhằm loại bỏ những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu đối với văn hóa, văn nghệ; phản ánh sinh động, cổ vũ động viên cán bộ, nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc. Các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về văn hóa, văn học, nghệ thuật đã được các cơ quan báo chí chủ động thông tin đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch đã tác động tích cực đến dư luận xã hội, đến tư tưởng, tình cảm, cảm hứng sáng tạo và trách nhiệm công dân của các văn nghệ sĩ, lực lượng quyết định tạo nên những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh triển khai thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về văn hóa, văn học nghệ thuật trong đội ngũ văn nghệ sĩ; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, cổ động, trưng bày triển lãm, điện ảnh, văn nghệ quần chúng và biểu diễn nghệ thuật, văn hóa - văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị. Nhiều hoạt động được triển khai thực hiện như tổ chức Ngày sách Việt Nam tỉnh Nam Định; Liên hoan Nghệ thuật quần chúng tỉnh Nam Định; Cuộc thi “Ảnh nghệ thuật Nam Định”... Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh và Triển lãm tổ chức các đợt phim, tuần phim tuyên truyền, kỷ niệm các sự kiện chính trị, xã hội, các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh tại Rạp Tháng Tám và Tiền sảnh Nhà Văn hóa 3-2. Các bộ phim được chiếu miễn phí, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tạo không khí vui tươi phấn khởi trong nhân dân. Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tập trung dàn dựng, nâng cấp các tiết mục, trích đoạn, vở diễn, chương trình nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ nhân dân, biểu diễn nghệ thuật đường phố, biểu diễn tại các trường học và các địa phương trong, ngoài tỉnh. Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh đã mở các lớp tập huấn, hội thảo, tọa đàm nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ văn nghệ sĩ. Tiêu biểu như các cuộc Hội thảo: “Xây dựng nền văn học nghệ thuật tỉnh Nam Định trong tình hình mới”, “Giải pháp nâng cao chất lượng Tạp chí Văn nhân”; tọa đàm sáng tác đề tài “Xây dựng nông thôn mới”, “Biển, đảo Việt Nam”, “Anh bộ đội Cụ Hồ”; các cuộc triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh, tổ chức hội thi, hội diễn, dàn dựng chương trình, biểu diễn sân khấu, giới thiệu tác giả - tác phẩm...

Có thể nói, trong thời gian qua công tác công tác tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về văn học nghệ thuật trên địa bàn tỉnh được các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt và đạt được những kết quả tích cực. Trong thời gian tới, để tiếp tục xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới, vừa đảm bảo phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa đảm bảo tự do, dân chủ trong sáng tạo, cần quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tiếp tục quán triệt sâu sắc, toàn diện và đồng bộ hơn nữa đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng về văn hóa, văn học, nghệ thuật; đặc biệt là quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, chỉ đạo của đồng chí cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện của nền văn học, nghệ thuật tỉnh Nam Định trong thời gian tới.

Hai là, phát huy tính tích cực của hệ thống thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa, văn học, nghệ thuật. Tăng cường việc sử dụng công nghệ thông tin, mạng internet, nền tảng xã hội trong tuyên truyền, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật để định hướng tư tưởng và thẩm mỹ cho quần chúng Nhân dân, đặc biệt là các tầng lớp thanh niên, thiếu niên góp phần đấu tranh chống lại sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại, gây hủy hoại đạo đức xã hội.

Ba là, tiếp tục làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; chủ động nắm bắt tình hình, diễn biến tư tưởng của đội ngũ văn nghệ sĩ, kịp thời phát hiện những vấn đề nhạy cảm, bức xúc trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật trên địa bàn tỉnh. Phát huy vai trò nòng cốt của đội ngũ văn nghệ sĩ tham gia xây dựng và bảo vệ nền văn hóa, văn học, nghệ thuật dân tộc, góp phần tích cực triển khai hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Bốn là, tiếp tục củng cố tổ chức và đổi mới hoạt động của Hội Văn học Nghệ thuật các cấp theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả, tập hợp được đông đảo văn nghệ sĩ tham gia, phát triển hội viên cả về số lượng và đảm bảo chất lượng; khuyến khích tự do sáng tạo, thực thi quyền tác giả. Tăng cường hoạt động giao lưu, hợp tác phát triển văn học, nghệ thuật với các địa phương, nhất là địa phương có nền văn học, nghệ thuật phát triển và các địa phương nước ngoài có ký kết hợp tác phát triển với tỉnh; chú trọng liên kết, trao đổi về đào tạo, bồi dưỡng tài năng văn học, nghệ thuật, nhất là tài năng trẻ; tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ văn nghệ sĩ hợp tác, giao lưu, tiếp cận với các xu hướng, sản phẩm văn học, nghệ thuật mới, tiến bộ trên thế giới.

Năm là, phát huy vai trò, hiệu quả của các thiết chế văn hóa sẵn có trong phát triển các hoạt động văn nghệ quần chúng, đáp ứng nhu cầu về hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân. Tăng cường đầu tư kinh phí, tạo cơ chế, chính sách cho các hoạt động văn học, nghệ thuật. Nghiên cứu đề xuất xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp với văn nghệ sĩ, nhất là các chính sách thu hút các tài năng trẻ; hỗ trợ các hoạt động triển lãm, thực tế sáng tác, biểu diễn công bố những tác phẩm âm nhạc, sân khấu của các hội viên./.

NỬA THẾ KỶ NHƯ LÀ SỰ MỞ RỘNG NHỮNG CHÂN TRỜI VĂN HỌC (Nhìn từ Văn Cao và Trần Dần - hai người thơ Nam Định)

PGS.TS Phạm Xuân Thạch
Trưởng Khoa Văn học, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

Năm 1988, hai năm sau Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, **Lá**, tập thơ đầu tiên của Văn Cao được xuất bản sau 32 năm, tính từ thời điểm trường ca **Những người trên cửa biển** của Văn Cao được in trong tuyển tập **Cửa biển** do Nhà Xuất bản Văn nghệ xuất bản cùng ba trường ca khác của Hoàng Cầm, Lê Đạt, Trần Dần. Trong ba mươi năm ấy, công việc chính của Văn Cao là vẽ bìa sách, một không gian sáng tạo đặc biệt, “cửa hẹp” dành cho những nghệ sĩ như ông, như Sỹ Ngọc, Bùi Xuân Phái. Mấy năm sau, tuyển tập (thực ra là tổng tập) **Văn Cao: Thơ** được xuất bản vào năm 1994 và đến năm 1996, ông được tặng thưởng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật, giải thưởng cao quý nhất, sự ghi nhận cao nhất của Nhà nước đối với công hiến của một tài năng văn nghệ. Đối với Trần Dần, mọi sự chậm hơn “một nhịp”. Cuối những năm 1980, cùng với Lê Đạt, Phùng Quán, Hoàng Cầm, ông được khôi phục tư cách hội viên Hội Nhà văn Việt Nam không lâu trước khi ông qua đời vào năm 1997. Phải đến 1990, **Bài thơ Việt Bắc**, “trường ca - lựa” được viết từ cuối những năm 1950 của ông, mới được tái bản. Rồi lần lượt những kiệt tác thơ của ông, **Cổng tỉnh** (Thơ - tiểu thuyết, dựa khúc trường thiên); **Mùa sạch** được xuất bản vào các năm 1994 và 1998. Đến năm 2007, Trần Dần được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật sau khi ông mất 10 năm.

Giữa Trần Dần và Văn Cao có rất nhiều điểm chung. Cùng có quê hương ở tỉnh Nam Định, các ông đều thuộc lớp những văn nghệ sĩ xuất hiện vào giai đoạn cuối cùng của văn nghệ Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Giống như Nguyễn Đình Thi, Hoàng Cầm,... về cơ bản có thể coi các ông là những văn nghệ sĩ được trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Ngay sau năm 1954, các ông là những người chủ trương những cách tân mạnh mẽ trong văn nghệ Việt Nam mà ở đây, trong phạm vi tiểu luận này, chúng ta sẽ chỉ bàn đến những cách tân của các ông đối với thơ Việt. Những cách tân đó tạo nên nhiều phản ứng khác nhau trong giới văn nghệ và quản lý văn nghệ kéo dài từ trong kháng chiến đến những năm 1957 - 1958, thời điểm xảy ra cuộc đấu tranh chống nhóm Nhân văn giai phẩm. Biến cố này khiến các ông đã chịu sự lưu vãng trong một thời gian dài, suốt thập niên 60 và 70 của thế kỷ trước. Tất cả các bản thảo thơ của Trần Dần và Văn Cao đều chỉ được xuất bản sau 1986. Nhưng ngay cả trong hoàn cảnh hết sức ngặt nghèo ấy, những cách tân thơ ca vẫn được các ông tiếp tục theo đuổi và vẫn tạo nên một trường ảnh hưởng trong đời sống văn chương. Câu hỏi đặt ra là trong những cách tân đó, liệu có vai trò của các yếu tố địa - văn hoá liên quan đến

nguồn gốc Nam Định? Và sự xuất hiện trở lại của Văn Cao và Trần Dần trong đời sống văn chương liệu có thể coi như một tiến trình điển hình của văn học Việt Nam sau năm 1975: kết nối lại những tiến trình cách tân đã được khởi động từ những thập niên 50, 60, 70 của thế kỷ trước. Hơn thế nữa, liệu có thể coi đây là một trong những thành tựu của văn học Việt Nam trong nửa thế kỷ vừa qua? Qua phân tích di sản thơ Văn Cao và Trần Dần, hai nhà thơ gắn bó với Nam Định, đặc biệt qua các trường ca *Những người nơi cửa biển* (Văn Cao) và *Đi! Ta đi, đây Việt Bắc!*; *Cổng tỉnh*; *Mùa sạch, lịch Việt Nam* (Trần Dần), tiểu luận sẽ tìm câu trả lời cho những câu hỏi nói trên.

NHỮNG ÁM ẢNH ĐẠI DƯƠNG VÀ ĐÔ THỊ

Năm 2023, nhân 100 năm ngày sinh của Văn Cao, trong một bài viết về thơ của ông, tôi cho rằng đó là “thơ của một vì sao mơ giấc mơ biển cả”. Đó là điều khiến Văn Cao và Trần Dần rất gần nhau. Những vì sao và đại dương là những hình ảnh trở đi trở lại trong thơ các ông. Và bao trùm thơ ca của các ông là một nỗi ám ảnh đô thị. Ngay sau kháng chiến chống Pháp, Trần Dần bước vào đời sống thi ca với *Nhất định thắng*, bài thơ sẽ thành một thứ định mệnh của cuộc đời ông. Mở đầu bài thơ ấy là một không gian đô thị:

Tôi ở phố Sinh Từ
Hai người
một gian nhà chật.
Rất yêu nhau sao cuộc sống không vui?
Tổ quốc hôm nay
tuy gọi sống hoà bình
Nhưng mới chỉ là năm thứ nhất

(*Nhất định thắng*)

Đây là phố Sinh Từ trong những ngày mưa phùn, màn mưa ám vào thơ của ông, “không thấy phố, không thấy nhà”, và rồi sẽ “chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ”. Một năm sau, người đồng chí thơ của ông, khi viết trường ca *Những người trên cửa biển*, cũng mở đầu bằng hình ảnh của Hải Phòng:

Sinh ra tôi đã có Hải Phòng
Đầu nhà mới trồng cây mận
Bãi sù bãi bồi thành bến
Nhà máy xi măng đã dựng bên sông

Trần Dần và Văn Cao thuộc về một thái cực những nhà thơ chịu một lực hút rất mạnh về phía đô thị và ở thái cực bên kia là người bạn thơ “cùng một lứa bên trời lận đận” của các ông: Hoàng Cầm. Hoàng Cầm bước chân vào thơ kháng chiến bằng giấc mơ sông Đuống và trong những năm đau khổ nhất của đời ông, ông đã mơ giấc mơ *Về Kinh Bắc*, được ghi lại trong một tập bản thảo hoàn thành từ đầu những năm 1960 mà phải hơn 30 năm sau mới được xuất bản chính thức.

Cúi lạy Mẹ con trở về Kinh Bắc

Chiều xưa giẻ quạt voi lông
 Thân cau cụt vẫy đuôi mèo trắng mốc
 Chuồn chuồn khiêng nắng sang sông

Và thực ra, hướng về đô thị cũng đã là một cuộc ngược dòng bởi cùng với Đề cương văn hoá Việt Nam năm 1943 và hai cuộc chiến tranh suốt ba thập niên, nông thôn được hình dung như cội nguồn của căn tính dân tộc và tìm về nông thôn là một nguồn mạch lớn của toàn bộ văn chương Việt Nam từ khi Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập đến thống nhất đất nước năm 1975.

Đối với Trần Dần, sau “trường ca - lục” **Đi! Đây Việt Bắc** viết năm 1957 như một đối thoại - thơ với **Việt Bắc** của Tố Hữu thì gần như đô thị sẽ chiếm trọn vẹn phần đời thơ còn lại của ông. Bộ đôi trường ca tiếp theo **Đi! Đây Việt Bắc** gồm **Cổng tỉnh**, thơ tiểu thuyết mang tính cách tự truyện về Trần Dần trước cách mạng và **Mùa sạch, Lịch Việt Nam**, viết năm 1964 ghi lại “quang cảnh sinh hoạt tập nập và lao động anh hùng của nhân dân miền Bắc” những năm 1960 đều mang nặng cảm hứng đô thị. Đặc biệt, **Cổng tỉnh** lấy không gian là thành phố quê hương ông với những “bụi Cửa Trường”, “đường Hàng Song”, “phố Hàng Kênh”, “ngõ Chỉ”. Nếu như **Cổng tỉnh** còn mang dấu vết của một đô thị sa đoạ, một đô thị bị nguyên rửa mà người thanh niên bị vút vào, cô độc đến hoá rồ trong đó vì bức bối và vô lý tưởng thì **Mùa sạch** nhìn phần đẹp đẽ của một chế độ mới trong không gian đô thị, nơi lớp từ chính trị được thăng hoa trong một thể nghiệm chữ độc đáo. Hành trình thơ của Văn Cao cũng tương tự Trần Dần. Văn Cao bước vào cách mạng với một bài thơ đô thị: **Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc**. Vào kháng chiến, người thơ Văn Cao tiếp tục hành trình lột xác của mình với một bài thơ đô thị: **Ngoại ô mùa đông năm 1946**. Có thể xếp hai văn bản này của Văn Cao cạnh **Cổng tỉnh** của Trần Dần và có thể nhận ra rất nhiều điểm chung. Cùng là một tinh thần thời đại ấy, cái cảm hứng phủ định triệt để những gì là quá khứ. Nhưng nếu như Trần Dần có một cuộc hành hương tâm tưởng về Việt Bắc của 9 năm kháng chiến mà ông đã đi qua thì Văn Cao sau năm 1954 cơ bản, vận động trong không gian đô thị. Đô thị đi cả vào cơn mơ độc đáo nhất của ông trong những năm tháng lưu văn: **Năm buổi sáng không có trong sự thật**.

Cùng với đô thị, có những hình ảnh thơ trở đi trở lại trong thơ các ông: đại dương và những vì sao. Năm 1957, trong cuộc đối thoại - thơ với Tố Hữu, Trần Dần dành chương cuối cùng cho khát vọng “hãy đi mãi”. Và trong khát vọng ấy, đại dương, những con tàu, dây neo là một biểu tượng cho những xung năng sáng tạo dữ dội trong ông:

Tất cả
 mọi điều xỉ nhục
 không đau bằng
 cái nhục:
 mốc meo!

Trần Dần. Nếu như đại dương là hiện thân cho khát vọng về một “chân trời” thứ

Trần Dần đã mơ cho “những người bay” của tự do sáng tạo thì vì sao là hiện thân của nỗi cô đơn cùng cực mà các ông đã chịu trong cảnh lưu đầy suốt những năm tháng lưu vãn. Đây là vì sao - giấc mơ mà Văn Cao đã từng tưởng tượng trong thình lạng:

Dưới mái nhà
 Một người đang ngủ
 Mơ giấc mơ của những vì sao
 Những vì sao đang kể chuyện
 Giấc mơ của mái nhà
 Giấc mơ của một người đang ngủ.

Và Trần Dần đã mơ về những vì sao trong những **Sổ bụi** của ông:

Sao nào mọc - sao nào tàn? Vì ai? Vì gì sao tàn sao mọc?
 Thời gian đầy túi, con mắt tò mò.
 Gặp một ngôi sao tư lự, một ngôi sao khác trầm ngâm. Ngôi sao thứ ba ảo não.
 Với riêng tôi, tôi không chờ gì hết. Tôi tội ở ngoài thời mình. Tôi tội.
 Hãy ôm thế giới này, tha thứ cho nó. Hãy thấp sáng mọi chòm sao cũ! Cả những vì sao đã tắt lụi từ lâu.

Những vì sao và đại dương là những nỗi ám ảnh thường trực trong thơ Văn Cao và Trần Dần, nỗi ám ảnh của những người cùng thân phận.

MỘT SUY NGHĨ VỀ ĐỊA PHƯƠNG TÍNH - CÂU CHUYỆN KHÁC VỀ NAM ĐỊNH

Trong một cái nhìn lướt qua thi nghiệp của Văn Cao và Trần Dần, có thể nhận thấy một sự gần gũi nhất định về khí chất thơ giữa hai người khổng lồ của văn nghệ Việt Nam thế kỷ 20. Sự gần gũi ấy xuất phát từ cùng một tương đồng cảnh ngộ. Điều đó dễ hiểu. Nhưng có lẽ, nếu hình dung như Trương Tửu đã từng suy nghĩ về thơ văn Nguyễn Công Trứ và địa phương tính Nghệ Tĩnh thì sự gần gũi đó cũng gắn với một thứ “địa phương tính” thuộc về bản quán: vùng văn hoá Nam Định. Nhưng câu chuyện có lẽ phải bắt đầu bằng những cửa biển (xin nhớ, trường ca của Văn Cao: **Những người trên cửa biển**).

Nếu ngược lại lịch sử Việt Nam, có hai cái tên sẽ lặp đi lặp lại qua nhiều triều đại, hai cửa biển Thần Phù và Đại Ác. Đây là hai cửa biển gắn với hai đường nước quan trọng của hệ thống sông ngòi thuộc delta sông Hồng. Đại Ác đã xuất hiện từ thời Bắc thuộc trong khi đó Thần Phù muộn hơn, nhưng tần số xuất hiện cũng không hề ít. Những cuộc hành binh từ Đại Việt vào phương Nam hoặc những cuộc tấn công từ Chiêm Thành vào Đại Việt, nhiều lần, gắn với những cửa biển này. Đây là hai cửa biển nổi tiếng hung dữ với địa hình và thủy văn phức tạp. Nhiều cuộc tấn công của Chiêm Thành vào Đại Việt đã thất bại vì thiên tai ở hai cửa biển này. Trong khi đó, nhiều cuộc hành quân từ Đại Việt vào phương Nam

cũng gặp khó khăn ở hai cửa biển này và nhiều lần phải có “âm phù” mới có thể vượt qua được. Thần Phù ngày nay nằm sâu trong nội địa khoảng 10km, thuộc khu vực giữa Yên Mô của Ninh Bình và Nga Sơn của Thanh Hoá với dấu tích là chùa Thần Phù ở cả Thanh Hoá và Ninh Bình. Trong khi đó Đại Ác từ thời Lý đã được đổi tên thành Đại An (một hình thức ma thuật bằng ngôn từ), nay nằm trong địa bàn huyện Nghiã Hưng, một huyện ven biển của tỉnh Nam Định. Ngày nay, khó có thể hình dung về hai cửa biển hiểm yếu này khi cả hai đã nằm sâu trong đồng bằng, kết quả của quá trình bồi đắp của đồng bằng sông Hồng với hướng tiến lần ra vịnh Bắc Bộ. Cũng không nên quên rằng Phố Hiến, một địa danh thuộc Hưng Yên ngày nay và hiện nằm sâu trong delta sông Hồng chỉ cách Hà Nội chưa đến 60km về phía Đông Nam đã từng là một thương cảng quan trọng của delta sông Hồng trong các thế kỷ 17 - 18, là nơi đón nhận các luồng thương mại biển với thế giới bên ngoài của Đàng Ngoài khi đó. Điều đó cho thấy phần ven biển của delta sông Hồng còn tương đối trẻ, là kết quả của các quá trình biến thoái, bồi đắp và sự mở rộng nhân tạo bằng hệ thống đê do các triều đại quân chủ từ Lý đến Nguyễn chủ trì.

Câu chuyện về cửa Thần Phù, cửa Đại Ác/An và Phố Hiến không chỉ nhắc chúng ta về quá trình kiến tạo của delta sông Hồng trong hơn mười thế kỉ vừa qua mà còn nhắc chúng ta về tầm quan trọng của các đường nước (bao gồm cả đường sông và đường biển) trong lịch sử quốc gia thời quân chủ. Nếu nhìn vào việc cho đến thời Nguyễn, việc chuyên chở gạo, một hàng hoá có khối lượng lớn, từ miền Bắc vào Huế vẫn được ty tào vận, một cơ quan vận tải của triều đình, thực hiện thông qua tuyến đường kết hợp sông và duyên hải thì mới thấy rằng trong những thế kỷ quá khứ đó, việc vận chuyển bằng đường nước có một vai trò hết sức quan trọng đối với sự vận hành quốc gia, khi mà đường bộ, có lẽ do sự kiến tạo của đồng bằng và do những giới hạn công nghệ nên chưa chiếm tỷ trọng lớn về giao thông như ngày nay. Có thể hình dung về một mạng lưới giao thông của delta sông Hồng nương theo hệ thống sông Hồng (cửa Đại Ác/An) và sông Đáy (cửa Thần Phù) để kết nối Thăng Long với các vùng duyên hải rìa delta sông Hồng bên bờ vịnh Bắc Bộ và với những vùng lãnh thổ phía Nam nằm trên vùng mà ngày nay là Trung Bộ và Nam Bộ Việt Nam. Đây cũng là con đường kết nối thương mại giữa Việt Nam và các quốc gia trong khu vực, bao gồm cả Trung Hoa lẫn các quốc gia Đông Nam Á. Tất nhiên, với Trung Hoa, còn có con đường men theo thung lũng sông Hồng và con đường đi xuyên qua những dải đồng bằng giữa núi nổi Thăng Long với tỉnh Lạng Sơn ngày nay. Và tất nhiên, cũng không nên quên rằng cho đến cuộc xâm lược Bắc Kỳ của Pháp cuối thế kỷ 19 thì phương tiện chính vẫn là các pháo thuyền và đến những năm 1910, 1920, nhà tư sản Việt Nam Bạch Thái Bưởi đã làm nên sự nghiệp của mình bằng các tuyến vận tải sông (hành khách và hàng hoá) Hà Nội - Nam Định và Hà Nội - Vinh (kết hợp sông - biển). Trước khi đường sắt Hà Nội -

Sài Gòn được thông tuyến thì vận tải đường nước vẫn có một tỉ trọng lớn trong bức tranh tổng thể giao thông Việt Nam thời Pháp thuộc.

Với một phác hoạ sơ lược như trên, có thể có một hình dung về Nam Định trong thời kỳ quân chủ và thời kỳ đầu thuộc địa Đông Dương thuộc Pháp như một đầu mối về giao thông quốc nội và quốc tế, một khu vực kinh tế năng động, một vùng đất có bề dày lịch sử và tích lũy văn hoá đủ để tạo thành một bản sắc. Những chuyển dịch về ngoại thương từ giữa đời Lý từ các hải cảng Hoan, Diễn ra vùng rìa Đông Bắc delta sông Hồng với sự nổi lên của Vân Đồn cùng với tiến trình bồi đắp của đồng bằng đã làm thay đổi diện mạo của vùng ven bờ vịnh Bắc Bộ trên lãnh thổ Đại Việt. Từ Đinh cho đến Lê nhiều cự tộc với thế lực kinh tế và chính trị đủ mạnh để tham gia vào đời sống chính trị hoặc chủ trì đời sống chính trị đã xuất phát từ khu vực này. Đinh Bộ Lĩnh là con nuôi của một sứ quân ở Bồ Hải Khẩu, một địa danh gắn liền với tính chất biển/nước và bản thân Hoa Lư đầu ngày nay nằm sâu trong đất liền thì ở giai đoạn sơ khởi của quốc gia Đại Việt cũng là một khu vực có quan hệ không hề xa xôi với biển. Cho đến giai đoạn cuối của vương triều, vua Trần vẫn dặn con: “nhà ta người miền dưới” (vùng biển trong thế so sánh với vùng cao của delta đã ổn định về địa chất). Mặc cũng có nguồn gốc từ những vùng ven biển. Trong thời quân chủ, Nam Định hội tụ được nhiều ưu thế về phát triển: một vùng đồng bằng phì nhiêu và ổn định lâu đời hơn các dải đồng bằng tân tạo của Thái Bình và rìa đông Ninh Bình; trung tâm của con đường giao thông thuỷ mang tính huyết mạch và vì thế nên là trung tâm của nội và ngoại thương; và là đất quê hương của một triều đại (có thể so sánh với Thanh Hoá trong giai đoạn hậu kỳ Trung đại). Với sự phát khởi của triều Trần, Nam Định khẳng định như một trung tâm kinh tế, văn hoá và chính trị quan trọng bậc nhất delta sông Hồng song hành cùng Thăng Long. Truyền thống và sự thuận lợi về kinh tế đủ tạo nên cho vùng đất này những cự tộc cho đến thời hiện đại. Chính trị và kinh tế là đòn bẩy cho sự tích lũy về văn hoá của Nam Định nhưng đồng thời, tính chất “thứ hai”, song hành với Thăng Long, hơn nữa lại gắn với thương mại và đường nước tạo nên tính chất cởi mở của vùng đất này. Tính chất là đô thị quan trọng thứ hai của delta sông Hồng của Nam Định được duy trì cho đến hết thời quân chủ. Chỉ đến thời thuộc Pháp, tính chất đó mới bị cấu trúc lại với sự chia sẻ vị thế với Hải Phòng, một đô thị có sự đột khởi gắn với thời kỳ thuộc địa. Nhưng vẫn cần nhớ rằng, dù trong thời Pháp thuộc, trung tâm đường nước của delta sông Hồng đã chuyển sang Hải Phòng, và đầu không còn tính độc tôn nhưng Nam Định vẫn là một trung tâm công nghiệp lớn của miền Bắc Việt Nam cùng với Hà Nội, Vinh và Hải Phòng. Tính chất đặc biệt đó tạo nên một truyền thống đô thị hoá đặc biệt lâu đời của Nam Định, một sự cởi mở với các tiến trình ngoại lai và mang tính cách hiện đại. Nam Định là mảnh đất đón những di dân là ngư dân và thương nhân cuối thời Lý để từ đó tạo nên triều Trần. Nam Định cũng là nơi đạo Công giáo đến sớm và gặp nhiều thuận lợi trong truyền giáo nên có số tín đồ đông đảo và có

truyền thống Phúc Âm lâu đời. Nhìn vào bức tranh tôn giáo tín ngưỡng của Nam Định có thể nhận thấy một tình trạng khoan dung tôn giáo ở mức độ cao khi tỉnh vừa là trung tâm của Đạo Mẫu bản địa, vừa là một vùng Công giáo lâu đời đồng thời cũng có truyền thống Khổng giáo và Phật giáo sâu sắc. Tôi cho rằng chính điều kiện lịch sử, văn hoá, xã hội đặc biệt đó đã tạo nên cho Nam Định một thứ “địa phương tính” nhạy cảm và dễ chấp nhận sự đổi mới, một tinh thần khai phóng đặc biệt trong nhiều lĩnh vực.

KHÔI PHỤC CHO NHỮNG CÁCH TÂN BỊ BỎ ĐỎ

Cùng hấp thụ “địa phương tính” của vùng văn hoá gốc gác (Hải Phòng nơi Văn Cao sống cho đến tuổi thanh niên có một cái gì rất gần với Nam Định nơi Trần Dần sống cho đến khi thi Thành chung), Văn Cao và Trần Dần trở thành những nhà cách tân thơ quan trọng của thơ Việt Nam hậu bán thế kỷ 20. Nối tiếp dòng mạch đã được khởi từ những năm đầu kháng chiến mà sau đó không nhiều người tiếp tục (người thì từ bỏ để xuôi theo thẩm mỹ thời đại như Nguyễn Đình Thi từ bỏ thơ không vần, người hy sinh trong chiến tranh như Trần Mai Ninh), cả hai ông là những người trung thành với thơ tự do như một cách thức mở rộng những biên độ biểu đạt của thơ ca và như một cách thức vượt qua Thơ mới. Thơ mới, bản thân nó đã là một cuộc cách mạng nửa chừng khi mà thơ tự do chỉ chiếm một tỉ trọng không lớn trong di sản của phong trào này và đến giai đoạn hậu kì, thậm chí Thơ mới còn có khuynh hướng trở về với những thể thơ truyền thống mà những trường hợp dễ nhận ra là Vũ Hoàng Chương và Nguyễn Bính. Trong kháng chiến, năm 1949, khi thơ không vần của Nguyễn Đình Thi bị phê bình rất nặng nề trong Hội nghị tranh luận văn nghệ Việt Bắc thì Văn Cao là một trong số hiếm hoi những người bảo vệ khuynh hướng tìm tòi này của Nguyễn Đình Thi. Sau Điện Biên Phủ, Trần Dần sẽ là lí thuyết gia quan trọng nhất của phong trào Nhân văn giai phẩm về phương diện mỹ học thơ ca. Đọc những tiểu luận đính kèm của ông trong *Đi! Đây Việt Bắc* hay những phần nhật ký nghệ thuật trong di cảo của ông, có thể thấy, ông là một nhà cách mạng có ý thức trong công cuộc đổi mới thơ ca. Hãy đọc lại những suy tư của Trần Dần trong những ngày tháng ấy:

Bây giờ tôi muốn một thứ Thơ như thể nào đó giải quyết được một số mâu thuẫn giữa tôi với người ta và giữa tôi với tôi. Tôi muốn nhiều nghĩa, mờ ảo, mà người ta muốn nghĩa rõ ràng rành mạch. Vì vậy, tôi muốn một thứ Thơ nào đó có một nghĩa rõ ràng và kèm theo muôn vàn nghĩa khác.

Tôi muốn một thứ Thơ không có vần, không có kỷ luật - người ta thích đọc Thơ dễ đọc, có vần. Vì vậy, tôi muốn một thứ Thơ nào đó rất tự do nhưng rất có nhịp điệu chắc chắn, cái nhịp đó có đủ sức mạnh và âm điệu để tự nó có thể sinh tồn - chỗ có vần, chỗ không có vần. Nó rất nhịp nhàng, nhưng đó là cái nhịp nhàng tạo nên bằng những cái gò ghề, khúc khuỷu, chồi tai, rúc óc. Nhưng mà những cái đó lại nhịp nhàng. Nghĩa là tất cả những cái xóc hóp lại thành cái êm. Một cái êm rất xóc.

Tôi thích thơ phải có buồn có tủi, có suy nghĩ có thâm thía, có chua xót, có đau khổ, có bi kịch, có máu có mồ hôi. Thơ đầm nước mắt. Giọt mực là giọt máu, giọt mồ hôi.

Người ta muốn Thơ phải rõ ràng, phần khởi, hồng hào, êm ả. Vì vậy bây giờ tôi muốn một thứ Thơ nào đó có cái phần khởi của những giọt nước mắt, của mồ hôi và máu đào. Phần khởi của những khói bụi, đất cát, thuốc súng, xác chết, nhà thiêu, bãi cháy, bom xé đạn thiêu. Phần khởi của những thất vọng, những điều tàn, những chia ly, tan rã và thất bại. Tôi muốn một thang thuốc ngọt hợp bởi những vị đắng và cay nhất của trái đất.

Tôi thích thơ Thời sự, theo sát cái hồi hộp, lo lắng của Đảng tôi, dân tôi, triệu triệu quả tim dân chúng và quân đội, chiến sĩ và cán bộ, lãnh tụ và quần chúng.

Tôi lại thích Thơ không thời sự, Thơ bao trùm đất nước và thời gian, Thơ ăn lấn sang mọi thể kỉ, và Thơ nhập cả vào cái biện chứng bao la của sự vật.

Đọc những điều Trần Dần viết về thơ từ những năm sau hoà bình lập lại đó, có thể cảm nhận được những day dứt nhận đường mà Nam Cao đã trần trở trong **Nhật ký ở rừng** từ những năm đầu kháng chiến chống Pháp và sẽ còn ẩn hiện trong những Nhật ký của Nguyễn Huy Tưởng viết trong những năm sau 1954. Một nhà văn thuộc thế hệ sau Trần Dần đã gọi ông là “thủ lĩnh trong bóng tối”. Điều đó hoàn toàn đúng trong ý nghĩa nghệ thuật của nó. Bởi lẽ, trong thế hệ những người cách mạng thơ sau 1954, Trần Dần là người có ý thức sâu sắc và đầy đủ nhất về sự thực hành nghệ thuật của mình. Ông ý thức rất rõ về sự dang xé giữa hai thái cực mang tính mỹ học mà người làm thơ phải đối diện, giữa một bên là tính “rõ nghĩa”, sự “dễ đọc, có vần”, tính “rõ ràng, phần khởi, hồng hào, êm ả”, tính “thời sự” của thơ phục vụ chính trị với một cách hình dung về tính “đại chúng” và bên kia là nhu cầu thể nghiệm và sáng tạo về một thứ thơ tự tổ chức nhịp điệu nội tại trong văn bản của mình, một thứ thơ tạo nên những trường nghĩa mới, một thứ thơ dung hợp cả những xúc cảm mãnh liệt nhất của con người và vượt lên tính thời sự để đạt đến tính nhân loại của những chiêm nghiệm. Trần Dần tìm kiếm con đường hoà giải giữa hai thái cực đó. Cả khi viết Mùa sạch, Lịch Việt Nam, thể nghiệm thơ mà theo Như Huy là nghệ thuật ý niệm thì Trần Dần vẫn không hề cắt đứt những sợi dây với thực tại xã hội và nghệ thuật ở thời mà ông đang sống:

Tôi nhất thích công tác ở quả đất mùa
 Miền miền sấm uất thị thành mùa
 Bộ hành như giáo mác tua mùa
 Tàu mùa tập nập còi mùa
 Trong mát mặt trời mùa
 Ngực mùa len lùa phổ mùi mùa

Suốt cuộc đời, Trần Dần trung thành với những quan niệm thơ cả của mình. Ông cởi mở thế giới thơ với lớp ngôn từ đương đại thời ông sống, kể cả lớp ngôn

từ chính trị. Ông không hề quay lưng lại với thực tại Việt Nam mà ông đang sống, ngay cả trong những thể nghiệm thơ cô độc nhất. **Mùa sạch** được viết với lời đề từ “Mừng tuổi thọ và công đức trong sáng của Hồ Chủ tịch, của Đảng”. Ông là một nhà thơ - công dân thực hành nghĩa vụ công dân thơ theo thiên chức nhà thơ mà ông quan niệm. Khác với Văn Cao coi thơ như một phương tiện của đời sống, một bản ghi những đau khổ, dằn vặt của những năm tháng lưu vãng, Trần Dần thực hành thơ như một lao động chữ, trong một tâm niệm “chữ bầu nên nhà văn”. Cùng đi trên con đường của thơ tự do, cùng tiếp tục khúc biến tấu của những kết hợp hình ảnh để tạo cho thơ tính lập thể ngữ nghĩa nhưng Trần Dần đi tiếp con đường thơ trong việc khai thác vẻ đẹp bản thể của ngôn từ trong thơ. Ông tìm kiếm những cấu trúc mới và những khả năng biểu cảm mới cho thơ trong **Con Trắng** và **Jò Joacx** trong khi vẫn đi tiếp đến tận cùng những khả năng liên tưởng thơ trong **Thơ Mini** và những **Sổ bụi**. Cái tư cách một người thủ lĩnh ở Trần Dần thể hiện ở khả năng kiên định đi hết con đường mà rất nhiều người đã phải bỏ dở.

Tròn 50 năm thống nhất đất nước. Sự kiện 1975 vừa là một sự hoàn tất một tiến trình nhưng cũng là một sự khởi đầu của một tiến trình kéo dài suốt 11 năm, cho đến tận 1986. Thống nhất đất nước mở đường cho đổi mới để thực hiện trọn vẹn mục tiêu của cuộc trường chinh của dân tộc: một quốc gia thịnh vượng, độc lập và tự do. Sau ba mươi năm, những “sổ bụi” của Trần Dần và Văn Cao được xuất bản. Bản thân tác giả của những “sổ bụi” ấy đã nhận được sự vinh danh như các ông xứng đáng được nhận. Sự tái bản và vinh danh đó, giống như trường hợp của Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Cung, Phùng Quán ở những mức độ khác nhau, góp phần làm di sản của các ông có thể tái hoà nhập một cách chính thức với đời sống văn nghệ Việt Nam đương đại. Thực ra thì ngay cả trong những năm tháng lưu vãng, các ông vẫn chưa bao giờ thôi toả ra một trường lực đặc biệt ảnh hưởng đến không ít văn nghệ sĩ thế hệ sau. Nhưng một sự công nhận một cách chính thống vẫn có ý nghĩa đặc biệt. Ở khía cạnh đó, có thể coi một trong những thành tựu của 50 năm vừa qua chính là sự mở rộng những chân trời thơ ca - nghệ thuật, tái kết nối và khơi mở những nguồn mạch từng nhiều năm khuất lấp của đời sống văn nghệ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Trần Dần, *Đi! Đây Việt Bắc*, NXB Hội nhà văn, TT Văn hoá và truyền thông Nhã Nam, Hà Nội, 2009.
- Trần Dần, *Thơ*, NXB Đà Nẵng, TT Văn hoá và truyền thông Nhã Nam, Hà Nội, 2006.
- Văn Cao, *Tuyển tập Văn Cao, thơ*, NXB Văn học, Hà Nội, 1994.
- Li Tana, *A Maritime Vietnam, From Earliest times to the Nineteenth century*, Australian National University, 2024.
- Kenneth R. Hall, *Maritime trade and state development in early southeast Asia*, Honolulu, University of Hawaii Press. 2019

TỪ TRƯỜNG HỢP NHÀ PHÊ BÌNH VÀ NHÀ VIẾT KỊCH XUÂN TRÌNH NGHĨ VỀ PHẨM CHẤT CỦA KẺ SĨ HIỆN ĐẠI

PGS.TS Trần Văn Toàn

Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội

1. Xuân Trình (1936 - 1991) là một trong những gương mặt tiêu biểu của nền văn học kịch Việt Nam từ giai đoạn chống Mỹ đến cao trào đổi mới. Tiêu biểu không chỉ ở số lượng, chất lượng của tác phẩm mà còn ở cách dư luận đánh giá, nhìn nhận những tác phẩm của Xuân Trình. Về đại thể, sự tiếp nhận những sáng tác của Xuân Trình có thể chia làm hai chặng: trước và sau 1985. Trước 1985, người ta thấy dường như có một sự không ăn khớp giữa việc đánh giá Xuân Trình với tư cách con người của tổ chức và con người sáng tác. Ở phương diện con người của tổ chức Xuân Trình luôn được tin cậy, ghi nhận. Ông được vinh dự trở thành đảng viên (1968), được tin cậy giao nhiệm vụ thư ký của Tạp chí sân khấu (1976), sau đó là Tổng Biên tập của Tạp chí này (1983). Cũng năm 1983 ông là Phó Tổng thư ký Hội Nghệ sĩ Sân khấu. Những ghi nhận này là hoàn toàn xứng đáng với cống hiến của Xuân Trình - người luôn đau đầu với sự nghiệp chung, luôn có tinh thần tự nhiệm, luôn cho thấy một tầm nhìn xa rộng trong hoạt động tổ chức và lãnh đạo văn nghệ. Nhưng sự tiếp nhận đánh giá những sáng tác của ông thì lại không hề xuôi chèo mát mái. Vở *Quê hương Việt Nam* (1967) là một khúc tráng ca về tinh thần bất khuất của người dân Vĩnh Linh trước bom đạn để giữ làng nhưng cũng chỉ được lên sân khấu một thời gian rồi phải dừng lại bởi có ý kiến cho rằng hiện thực cuộc chiến trong vở kịch khốc liệt quá, dễ khiến thanh niên nao núng khi ra chiến trường.³ Liên tiếp các vở kịch sau đó như: *Lập xuân* (1970), *Bạch đàn liễu* (1973), *Ngôi nhà trong thành phố* (1973), *Hận thù từ đâu tới* (1974), *Thời tiết ngày mai* (1978) đều nhận được những nhận xét không thuận chiều.⁴ Thậm chí, *Thời tiết ngày mai* dù đã được dàn dựng công phu nhưng đến phút chót vẫn không được cho phép tham gia Hội diễn toàn quốc năm 1980.⁵ Thực tế ấy khiến Xuân Trình đã có lúc nghi ngờ vào vốn sống vào cách nhìn của chính mình. Trước khi có được một kết thúc có hậu, *Mùa hè ở biển* cũng vẫn tiếp tục phải chịu đựng những sóng gió trong tiếp nhận. Vở kịch viết năm 1981 nhưng trong một thời gian dài không đoàn kịch nào dám đưa lên sân khấu vì “sợ động chạm”. Mãi đến giữa năm 1984, Hoàng Khuông, Trưởng đoàn Kịch nói Hà Nam Ninh, mới quyết định dàn dựng vở kịch để tham dự hội diễn Sân khấu chuyên

³ Trần Mỹ Hiền (2019), “Nhớ Xuân Trình, người tiên phong đổi mới sân khấu”, Nguồn: <https://cand.com.vn/Kinh-te-Van-hoa-The-Thao/Nho-Xuan-Trinh-nguoi-tien-phong-doi-moi-san-khau-i545633/>

⁴ Phan Trọng Thường (1987), “Xuân Trình - từ số phận “lông đong” của những vở kịch đến những thành công gần đây”, trong sách *Văn chương tiến trình - tác giả - tác phẩm*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2001, tr.325 - 329.

⁵ Lê Huy Quang (2019), “Nhà văn, nhà viết kịch, nhà báo Xuân Trình: “Ngày mai trời sẽ âm dần lên””, Nguồn: <https://suckhoedoisong.vn/nha-van-nha-viet-kich-nha-bao-xuan-trinh-ngay-mai-troi-se-am-dan-len-169157647.htm>

nghiệp toàn quốc 1985. Mặc dù bối cảnh xã hội những năm 1984 - 1985 đã có nhiều thay đổi nhưng vở kịch một lần nữa phải nhận không ít những nghi ngờ phê phán đến độ trong quá trình dàn dựng đã có lúc Xuân Trinh nản lòng, xin rút lại kịch bản. Ở thời điểm quyết định, phải nhờ vào sự ủng hộ của Bộ trưởng Trần Văn Phác, Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Văn An, Phó Chủ tịch phụ trách Văn xã Trịnh Minh, Phó Giám đốc Sở Văn hóa Lê Huệ và sự năng nổ trong tổ chức của đoàn trưởng Hoàng Khuông vở kịch mới được duyệt để tham dự hội diễn.⁶ Sự thành công vang dội của vở kịch này, vì thế, không chỉ là sự ghi nhận cho riêng nó mà còn là sự ghi nhận cho cả một hành trình sáng tác, một lối viết mà Xuân Trinh kiên nhẫn theo đuổi trong suốt 2 thập kỉ.

Lí giải cho một sự lệch pha này, Phan Trọng Thường cho rằng kịch Xuân Trinh “thường đi trước trong cách đặt vấn đề, phát hiện vấn đề và lí giải vấn đề”.⁷ Từ cách đặt vấn đề này, tiểu luận của chúng tôi sẽ hướng tới tìm hiểu nguyên nhân nào đã khiến nhà viết kịch có được khả năng “đi trước” này. Đồng thời, trên cơ sở đó, đi sâu vào vấn đề dân chủ - một trong những chủ đề tiêu biểu cho khả năng “đi trước” trong những sáng tác của Xuân Trinh. Làm sáng tỏ vấn đề này, theo chúng tôi, sẽ giúp hiểu rõ hơn về bức tranh văn học một thời cũng như cắt nghĩa sâu xa hơn về một mô hình nhân cách của người cầm bút.

2.

2.1. Mỗi thời đại, mỗi giai đoạn đều được đặc trưng bởi một bầu khí quyển riêng của mình. Được bao bọc bởi bầu khí quyển này, các cá nhân dù khác biệt đến đâu cũng vẫn luôn chia sẻ những mẫu số chung trong cách nói, cách nghĩ. Nếu một người không thể tự nắm tóc để nhấc mình lên khỏi mặt đất thì tương tự như thế, anh ta hầu như không thể tự mình thoát ra ngoài những giới hạn của một thời đại, một giai đoạn mà anh ta hiện diện trong đó. Vậy nên, hiểu thế nào về cái gọi là sự “đi trước” trong những sáng tác kịch của Xuân Trinh?

Như chúng ta đều biết, văn học Việt Nam giai đoạn từ sau 1965 đến 1975 và nổi dài đến trước 1985 được đặc trưng khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. Khí quyển này hóa thân thành những nguyên lý quy định cách người cầm bút nhìn nhận, lí giải, phản ánh hiện thực đời sống: nhân vật trung tâm của thời đại là con người được miêu tả trong những lẽ sống lớn, tình cảm lớn, con người mang trong mình những phẩm chất đẹp đẽ của cả cộng đồng; hiện thực cuộc sống dù đa dạng, phong phú đến đâu cũng tất yếu tuân theo nguyên lí của sự vận động cách mạng: từ nô lệ đến tự do, từ bóng tối đến ánh sáng, ... Nguyên lý này đưa lại cho sáng tác văn học những thành tựu rất đáng ghi nhận trên hầu hết các thể loại: thơ Tố Hữu, Chế Lan Viên, Phạm Tiến Duật, Thanh Thảo; tiểu thuyết và truyện ngắn của Nguyễn Thi, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Trung Thành... Nhưng với

⁶ Hoàng Khuông, “Mùa hè ở biển”, <https://xuantrinh.vn/mua-he-o-bien-hoang-khuong/>

⁷ Phan Trọng Thường (1987), Tlđd, tr.322

riêng thể loại kịch thì tình hình có khác. Với tư cách là nhà phê bình sân khấu, ngay từ những năm 70, Xuân Trinh đã ghi nhận một thực tế:

- Nhìn lại một số vở kịch đã được dựng hoặc đã in trong thời gian qua, chúng ta thấy chủ đề của những tác phẩm ấy thường chưa nổi rõ hoặc chưa lớn, vượt lên từ những sự việc và câu chuyện đang diễn trên sân khấu. Kịch của chúng ta thường mới dừng lại ở việc kể cho người xem một câu chuyện đẹp trong đời sống chiến đấu và sản xuất, mới chỉ dựng lên những nhân vật mang theo những phẩm chất tốt. Tất nhiên ở chừng mực như vậy, cũng đã giới thiệu được cho người xem những tấm gương sáng đáng noi theo. Song nếu chỉ dừng lại ở mức độ như vậy, thì tác dụng của một tác phẩm sân khấu không hơn gì một đoạn tin ngắn về một công việc tốt. Vì ý nghĩa của mỗi tác phẩm kịch mới chỉ khuôn trong phạm vi một câu chuyện, nên kịch ta xuất hiện nhiều mà dường như vẫn thấy thiếu. Ta viết về giao thông vận tải thì lại bỏ quên bưu điện, thủy lợi hay y tế... Tóm lại, chúng ta sẽ mãi chạy sau cuộc sống, “nhai lại” nó một cách đơn điệu.⁸

- Tại sao đời sống thì đa dạng, phong phú mà đi vào tác phẩm lại nghèo nàn, khái niệm. Những người anh hùng có thật ở ngoài đời thì đầy xúc động, hấp dẫn, đủ sức cho người ta tin. Nhưng khi bước vào tác phẩm lại thành nhạt nhẽo, khô héo. [...]. Nói chung, một cảm giác thiếu chân thực đang là nhược điểm lộ rõ trong nhiều tác phẩm sân khấu, cũng như trong chính tác phẩm của bản thân tôi.⁹

Dĩ nhiên, vấn đề Xuân Trinh đặt ra với kịch chống Mỹ cũng là vấn đề của cả nền văn học nhưng đó là điều chỉ được nhận ra ở các thể loại khác chừng 10 năm sau đó. Đặc điểm này, như những ghi nhận của Xuân Trinh, dường như đã được nhận biết trước tiên ở thể loại kịch. Nói cách khác, dường như những đặc điểm thể loại của kịch đã khiến thể loại này khó đáp ứng được những đòi hỏi của khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn? Có thể lí giải như thế này chăng: tính phi vật thể của các thể loại văn học khác (thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết...), ở một chừng mực nào đó, không phải là một thách thức với mô hình sáng tác dựa trên cảm hứng lãng mạn và khuynh hướng sử thi. Việc mô hình này trở nên lạc lõng với thực tiễn đời sống và cần phải “đọc lời ai điều” cho nó ở giai đoạn sau này là một vấn đề khác. Ở chính thời điểm 1965 - 1975, tính phi vật thể của ngôn từ văn học đã được người cầm bút khai thác để làm nên chất bay bổng, hào hùng của cả một nền văn học. Kịch bản văn học đương nhiên vẫn là sử dụng ngôn từ (và vì thế vẫn mang tính phi vật thể) nhưng bản mệnh đích thực của kịch bản văn học là để hướng tới sự hiện diện của nó trên sân khấu. Là thể loại trình diễn trên sân khấu, sức mạnh của kịch nằm ở vẻ đẹp của trí tuệ, ở tính vấn đề mà nó phát hiện, ở khả năng tác động trực tiếp đến nhận thức và tư tưởng của người xem. Cụ thể hơn, đó chính là khả năng phát hiện những mâu thuẫn trong hiện thực đời sống.

⁸ Xuân Trinh, “Nâng cao chất văn học của kịch chống Mỹ”, trong sách *Tuyển tập Xuân Trinh*, tr.506

⁹ Xuân Trinh, “Nghĩ về một tác phẩm kịch hay”, trong sách *Tuyển tập Xuân Trinh*, tr.587

Ở thời điểm của những năm chống Mỹ mâu thuẫn hiện lên trực tiếp nhất là mâu thuẫn địch ta. Nhưng đó chỉ là một mảng của hiện thực đời sống. Còn có một mảng hiện thực khác: hiện thực của chính chúng ta, hiện thực của “nội bộ nhân dân”. Ở mảng hiện thực này mâu thuẫn nằm ở đâu? Đó là mâu thuẫn gì? Đó có phải là mâu thuẫn có thể dễ dàng giải quyết bằng cái nhìn lạc quan, bằng xu thế vận động tất yếu? Đây cũng chính là mảng hiện thực mà ngòi bút của Xuân Trinh đặc biệt quan tâm. Chỉ có điều, ở mảng hiện thực này dường như mô hình sáng tác chủ đạo của giai đoạn này lại không thật phù hợp với những đòi hỏi đặc thù của thể loại. Nếu cứ miến cưỡng tuân thủ theo cái nhìn sử thi và cảm hứng lãng mạn thì kết quả trên sân khấu thật nghèo nàn như ta đã thấy ở những miêu tả đã dẫn trên. Nguyên nhân thì như chính Xuân Trinh đã chỉ ra:

- Trên sân khấu chỉ có một loại người tốt. Nếu giữa họ có sự khác biệt, thì chỉ là sự chênh lệch về mức độ của cùng một tư tưởng, một hành động. Hoặc nếu có một số nhân vật cần phải phê phán thì đó cũng chỉ là những người quá hăng, quá nhiệt tình nên đã coi nặng việc này mà xem nhẹ việc kia... Kết cấu của vở thường xoay quanh một chuyện hiểu lầm. Nếu không phải một trăm phần trăm, thì cũng chín mươi chín phần trăm kết thúc bằng cảnh “đại đoàn viên” vui vẻ.

- Khi viết kịch về người anh hùng, ta lược bỏ đi những mặt đối lập trong đời sống thực tế, rồi tưởng như thế là đề cao anh hùng. Song theo tôi, chính vì cách làm đó mà sự nghiệp và bản chất của anh hùng đã bị làm nhạt nhẽo, sơ lược đi.¹⁰

Chính từ đây mà nảy sinh một vấn đề lý luận mà nếu không giải quyết rõ ràng thì sẽ không thể mở đường cho thực tế sáng tác:

Trước thực tế này, hình như có hai quan điểm khác hẳn nhau. Một số cho rằng trong xã hội ta, sự nhất trí là cơ bản. Thế thì trong kịch không nhất thiết phải có sự đối lập gay gắt. Rằng đặc trưng của kịch là hành động chứ không phải là mâu thuẫn. Số người khác thì lại quả quyết: Những vở kịch không có mâu thuẫn kia chỉ nên xem là hoạt cảnh, là loại bút ký sân khấu, không thể gọi là kịch được.¹¹

Có thể thấy, cái quan niệm “đặc trưng của kịch là hành động chứ không phải là mâu thuẫn” chính là một cách để biện minh cho những tác phẩm kịch còn thiếu đi chất văn học đích thực trong sáng tác đương thời. Quan niệm này, đồng thời, cũng rất cần thiết để gò kịch vào trong cái khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn chung của giai đoạn văn học này. Từ một góc nhìn khác, nhận thức cho rằng “đặc trưng của kịch là hành động chứ không phải là mâu thuẫn” cũng chính là nguyên nhân sâu xa cho một thực trạng khác của văn học kịch chống Mỹ: “trong mấy năm qua sân khấu chống Mỹ vắng hẳn thể loại hài kịch, nhất là loại hài kịch viết về nội bộ nhân dân ta”.¹² Chúng ta đều biết, đối tượng của hài kịch chính là

¹⁰ Xuân Trinh, “Nâng cao chất văn học của kịch chống Mỹ”, Tlđđ, tr.507, 509

¹¹ Xuân Trinh, “Nâng cao chất văn học của kịch chống Mỹ”, Tlđđ, tr.507

¹² Xuân Trinh, “Kịch nói những năm chống Mỹ”, trong sách *Tuyển tập Xuân Trinh*, tr.595

cái tiêu cực, cái xấu, cái lạc hậu... của đời sống. Muốn phát hiện cái tiêu cực, cái xấu, cái lạc hậu ... “trong nội bộ nhân dân”, trong chính đời sống của chúng ta không thể không cần đến sự phân tích về những mâu thuẫn ngay trong nội tại của cơ chế, của bộ máy. Nhưng sẽ là không dễ dàng khi, một mặt, đi sâu nhận diện về tiêu cực, cái xấu, cái lạc hậu... trong chính chúng ta nhưng, mặt khác, vẫn giữ được trong tác phẩm cảm hứng lãng mạn và khuynh hướng sử thi - những quy phạm chính thống của thời đại. Không chấp nhận thực trạng sáng tác này, Xuân Trình quả quyết:

Khi chúng ta thừa nhận rằng quá trình tiến lên của xã hội loài người là quá trình đấu tranh chuyển hóa giữa những mặt đối lập, thì sao ta lại ngạc nhiên khi thấy trong cuộc sống, bên cạnh những điều tốt đẹp vẫn còn những cái chưa hoàn mỹ? Nếu như những vấn đề của đời sống cần phải được đặt ra trong thơ, văn, nhạc, họa thì về mặt này, kịch có một khả năng hơn hẳn các thể loại văn học nghệ thuật nói trên, vì bản thân kịch được cấu tạo nên bằng những mặt đối lập.¹³

- Sân khấu kịch nói của chúng ta cần đi đến khẳng định là không phải chỉ có thể mà rất cần thiết phải đi vào cuộc đấu tranh chống những gì là cản trở, những cái chưa tốt để khẳng định cái mạnh, cái mới của chế độ ta và cũng đồng thời làm chói ngời hơn lên những con người mới; những nhân tố mới đang ngày càng nảy sinh nhiều hơn trong cuộc sống chiến đấu và xây dựng chủ nghĩa xã hội những năm chống Mỹ.¹⁴

Rõ ràng, với Xuân Trình: bất luận cách nào cũng không thể hy sinh đặc trưng của thể loại kịch. Trái lại, phải đào sâu vào những đặc trưng thể loại của nó, vào sức mạnh khám phá những mâu thuẫn chiều sâu của kịch để nhận thức về vẻ đẹp của chế độ, để góp phần kiến tạo một xã hội mới giàu sức sống. Nguyên lý về “quá trình đấu tranh chuyển hóa giữa những mặt đối lập”, trên thực tế, là nguyên lý nền tảng của triết học Mác - Lênin được chuyển dẫn vào Việt Nam thời kỳ này. Lấy điểm tựa ở nguyên lý này, Xuân Trình bảo vệ cho đặc trưng phát hiện và tổ chức mâu thuẫn của thể loại kịch. Chính nhờ vào điều này mà nguyên lý của chủ nghĩa Mác khi vận dụng vào nghệ thuật, với Xuân Trình, không bị biến thành sơ lược, máy móc theo kiểu: ta thắng, địch thua; ta tận thiện, tận mỹ, địch là bè lũ hung bạo, xấu xa... Ngày nay nhìn lại, chúng ta thấy, con đường mà Xuân Trình lựa chọn cho những sáng tác của mình chính là sự chống lại sự khô cứng và giáo điều, chống lại sự đơn điệu của mô hình sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa. Đây, phải chăng, chính là nguyên nhân sâu xa làm nên khả năng “đi trước” trong những sáng tác của Xuân Trình như người ta vẫn thường nói. Đáng tiếc là sự mới mẻ và đột phá trong tư duy lý luận về thể loại này, cho đến nay, dường như vẫn chưa được nhận thức và đánh giá một cách thỏa đáng!

¹³ Xuân Trình, “Nâng cao chất văn học của kịch chống Mỹ”, Tlđđ, tr.508

¹⁴ Xuân Trình, “Kịch nói những năm chống Mỹ”, trong sách *Tuyển tập Xuân Trình*, tr.595 - 596

2.2. Vậy đâu là những “mặt đối lập” mà trên cơ sở đó Xuân Trình xây dựng những mâu thuẫn kịch của mình? Đây là một vấn đề phức tạp mà việc miêu tả, đánh giá cần thêm thời gian. Trong tiểu luận này chúng tôi chỉ tập trung đi sâu vào vấn đề dân chủ - một trong những chủ đề trung tâm trong sáng tác của Xuân Trình.

2.2.1. Phải nói ngay, dân chủ là niềm tự hào của chế độ mới. Từ thân phận tôi đòi, người dân trong chế độ mới trở thành chủ nhân ông, trở thành người làm chủ xã hội, làm chủ đất nước. Tinh thần này được khẳng định trong Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1959). Đây là cơ sở để Tố Hữu trong trường ca *Ba mươi năm đời ta có Đảng* khẳng định một cách đầy tự hào:

Những người lao động quang vinh

Chúng ta là chủ của mình từ đây

Nhưng thực tế cho thấy dân chủ không tự nhiên mà có được. Xây dựng một xã hội dân chủ không hề dễ dàng với những nếp ứng xử, suy nghĩ đã được định hình trong môi trường làng xã từ bao đời. Với *Bạch đàn liễu* (1973) lưu ý người ta ngay cả khi thiết chế hợp tác xã đã được hình thành, được xem là “hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động”¹⁵ hiểu theo nghĩa đó là cơ chế cho phép mọi người dân đều có quyền làm chủ thì dân chủ vẫn là một thách thức thật sự. Dân chủ đòi hỏi một mẫu hình nhân cách mới. Nhưng con người làng xã của Việt Nam, trong suốt chiều dài lịch sử, vẫn là con người tiểu ki: con người với cái tôi cá nhân nhỏ bé, quen vun vén, dựa dẫm với triết lí sống “ăn cổ đi trước, lội nước đi sau” vì thế mà quen sống nghe ngóng, quen cầu cạnh, xin cho hơn là biết/ dám đấu tranh để thực hiện quyền làm chủ đích thực của mình. Đúng là trong vở kịch có một ông Quyền (Phó chủ tịch xã) - một nhân vật đại diện cho sự lạm dụng quyền lực, cho tham nhũng. Nhưng sự tồn tại của ông Quyền, trong phân tích của Xuân Trình là hệ quả từ lối sống cầu cạnh, lựa chọn lối sống xin - cho... của những người dân như ông Lượng. Ông Quyền, nói cách khác chính là bóng tối từ những con người được xem là lương thiện nhưng lựa chọn lối sống “ngậm miệng ăn tiền”, ai sao tôi vậy. Cái hệ thống triết lý của ông Lượng:

- Cứ ngậm miệng ăn tiền. Họ có ức hiếp một tí thì cứ nín đi mà chịu. Quấy lắm, sây vậy.

- Muốn đòi chiều thì phải chiều đời.

- Mà xử sự như thế, đâu chỉ một mình tôi. (*Chìa tay về phía khán giả*) - Chả tin bà cứ hỏi mà xem... Đã muốn được là phải mất. Mấy ai làm không công cho ai... Dẫm gói chè cho con lợn cửa vào trường. Mười đấu gạo, đôi gà để cái giấy thông hành cho nhanh chữ ký, cũng là chuyện thường thôi chứ...

¹⁵ Điều 13, 14 Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1959-Viet-Nam-Dan-Chu-Cong-Hoa-36855.aspx>

- Bên ông Quyền khởi công làm nhà với hai bàn tay trắng. Vậy mà khánh thành một ngôi nhà ngói 5 gian. Tiền mừng còn dư ra có bạc nghìn đây...

Như thế, không hề là ứng xử của một cá nhân và sự lạc lõng, cá biệt của nó rồi sẽ được điều chỉnh, uốn nắn bởi tập thể. Kỳ thực, nó nằm sâu trong tiềm thức, trở thành một thứ ADN của con người làng xã từ bao đời nay. Nó hiện diện trong nếp nghĩ, trong cách ứng xử chung của cộng đồng. Chính nó, đúng như lời tổng kết của cụ Thảo, là một trong những cội nguồn đã làm nảy sinh, dung dưỡng những con người tha hóa như ông Quyền:

- Tôi chỉ trách rằng sao những chuyện như thế mà ông bà để yên. Thì ra bảo sâu mọt ở đâu mà có. Nó nấp vào những chỗ ấy đấy. Cán bộ bây giờ là con em nhân dân. Mình nuông những cái xấu cho họ, là làm hại họ.

- Cán bộ cũng là con em mình chứ ai. Nhưng lúc có chức, có quyền không dễ ai cũng kiềm chế mình được. Thấy người ta sai, mình làm ngơ đi một lần, hai lần, rồi họ sinh hư đi vì thế.

Ông Quyền đã bị cắt chức, đã bị kỷ luật nhưng nếu những người dân như ông Lượng không thay đổi, không có một nhân cách mới thì sẽ không bao giờ có dân chủ đích thực. Lại một lần nữa, phải trích ở đây lời của cụ Thảo:

- Tôi hỏi ông, mình mà không nói thì trên cũng đến chịu chứ gì? Chán nơi trên đã về giải quyết đâu đấy rồi vậy mà trên đi, sợ vẫn hoàn sợ. Cái quyền dân chủ, Đảng và nhân dân mình phải đổi bằng xương máu mới có, mình chẳng có ý thức làm chủ thì trên cũng chẳng thể làm thay cho mình được.

Cách tiếp cận và nhận thức về vấn đề dân chủ như thế, rõ ràng, khó thích hợp với không khí lãng mạn, với cái nhìn đầy chiêm ngưỡng về nhân dân, về giai cấp nông dân - một điểm tựa của chế độ. Cách đặt vấn đề đó, trên thực tế, dường như vẫn rất thời sự với xã hội Việt Nam thế kỉ XXI. Cá nhân tôi, khi xem lại vở *Bạch đàn liễu* được dàn dựng trên sân khấu năm 2020¹⁶ vẫn cảm thấy nuối tiếc vì dường như chiều sâu trong cách nhìn nhận và đặt vấn đề về dân chủ của Xuân Trình trong kịch bản văn học được viết từ những năm 1973 dường như vẫn chưa được khai thác hết những trữ lượng của nó.

2.2.2. Suy tư về dân chủ là một chủ đề lớn, xuyên suốt trong nhiều tác phẩm kịch của Xuân Trình khi viết về đề tài nông thôn mà những phân tích về *Bạch đàn liễu* trong bài viết này mới chỉ là một gợi dẫn. Do khuôn khổ bài viết, tôi muốn chuyển sang thảo luận về vấn đề dân chủ đặt ra trong *Nửa ngày về chiều* (1990) - một trong những tác phẩm cuối cùng của Xuân Trình. Nhân vật trung tâm của vở kịch là ông Hoàng - một người lính bước ra từ cuộc chiến trong hào quang của người chiến thắng, người đã cùng tiểu đoàn của mình giải phóng Sài Gòn. Nhưng cũng chính ở thời điểm đó bắt đầu cho một loạt những bi kịch của ông Hoàng: ông

¹⁶ Đã được quay video, lưu trữ trên: <https://xuantrinh.vn/video/full-vo-kich-bach-dan-lieu-luc-team/>

không thể xin ra quân ở Sài Gòn như mong muốn của các con, ông cũng không thể ra quân ở Hà Nội để đoàn tụ với gia đình. Theo chính sách, ông bị buộc phải ra quân ở quê (nơi ông nhập ngũ) - nơi mà tất cả đã trở thành xa lạ, ngôi nhà của ông xã đã giao cho người khác quản lý và muốn chuộc lại ông phải bỏ một khoản tiền mà ông không thể có. Ông phải ở tạm trong nhà trẻ mồ côi của xã. Tuy nhiên, ngay cả chỗ ở tạm bợ đó, ở phần cuối vở kịch ông vẫn bị yêu cầu phải dọn đi vì không thể “chiếm công vi tư” được. Đồng đội của ông, những người như chú Năm, phải treo biển thương phế binh (lính Việt Nam cộng hòa bị thương tật) để bán quán, bươn chải kiếm sống. Đối lập với những người như ông Hoàng, chú Năm là những người như gia đình bà Trang: nhờ khéo léo trong quan hệ đã chuyển vào Sài Gòn, đã chiếm cho mình một biệt thự sang trọng mà ông Hoàng và những người lính của mình đã phải trả bằng máu để giải phóng. Đối mặt với tất cả những nghịch cảnh và bất công đó, ông Hoàng vẫn lựa chọn cách ứng xử của một người lính, một người Đảng viên: làm tốt nhất những nhiệm vụ và bổn phận của mình. Thậm chí, để động viên những người trẻ tuổi ra mặt trận ông đã không ngần ngại nói những điều trái với sự thật: rằng ông được nhà nước quan tâm, ông đã từ chối được cấp nhà ở Sài Gòn hay Hà Nội... Vì điều đó ông đã phải đứng trước sự chất vấn của Phụng, con trai của ông:

PHỤNG: - Chỉ vì sĩ diện mà bố trở nên lừa dối.

Ô. HOÀNG: - Lừa dối thì không bao giờ... [...] Còn nhiều điều sai trái trong cách đối xử, đó là sự thật. Song lại có một sự thật khác lớn hơn là đất nước đang cần được bảo vệ, đáng được bảo vệ. Những gì làm cho con người nản lòng thì nói thật cũng trở thành giả trá.

PHỤNG: - Nhưng có khi nào bố nghĩ rằng những người được bố động viên đi chiến đấu hôm nay, lại cũng sẽ trở về với nỗi hẩm hiu như bố không?

Ô. HOÀNG: - Có thể, con ạ... Nếu như cách cư xử không có gì thay đổi mà họ cứ sống chân chính mãi.

PHỤNG: - Liệu có ai làm người chân chính nữa không?

Ô. HOÀNG: - Bố vẫn tin là có... và sẽ có nhiều người. Làm một người lương thiện đắt giá lắm con ạ. Nếu lương thiện mà giàu sang, thì kẻ ác đã tranh làm người lương thiện hết rồi.

PHỤNG: - Nhưng có ích gì không?

Ô. HOÀNG: - Điều đó thì thật là to lớn. Lịch sử vẻ vang của nhân dân này, của đất nước này có thể nào lại do bọn ăn cắp, bọn cướp công làm nên? Vì lẽ đó mà sự hy sinh của những con người chân chính không bao giờ uổng phí.

PHỤNG: - Nhưng hôm nay tất cả chúng con kéo về đây... cả dì Út, chú Năm nữa... Chúng con đã quyết định rồi... Con đón bố về Hà Nội. Bố về sống với chúng con. Bố có quyền được như thế.

Ô. HOÀNG: - Bố mong lắm chứ... Hôm nay có đủ mọi người, bố nói rõ vì sao bố ra đi mà không nói với các con. Bố biết, nói ra các con sẽ không bao giờ bằng lòng như thế. Nhưng bố thì không thể được. Bố là đảng viên lâu năm như các con đều biết... Bố không thể bỏ sinh hoạt Đảng được. Nếu một đảng viên không thấy cần phải giữ kỷ luật Đảng nữa, thì Đảng đã tan rã mất rồi... Sinh hoạt Đảng của bố được chuyển về chi bộ xã... Có nghĩa là bố không thể rời nơi này được, nếu Đảng chưa cho phép bố làm điều đó. Bây giờ thì bố phải đi tiễn những người sắp sửa lên đường làm nghĩa vụ... Di Út, chú Năm ở chơi, tôi sẽ trở về ngay mà. (*Đi nhanh*)

Theo tôi, đây là một trong vở kịch khó đọc nhất của Xuân Trinh. Ở hầu hết những vở kịch khác của Xuân Trinh, xung đột thường được tổ chức trên cơ sở triển khai những tuyến nhân vật đối lập. Trong *Nửa ngày về chiều*, xung đột được chuyển vào trong nội tại của nhân vật trung tâm. Nhân vật Hoàng trong vở kịch dường như cùng lúc hội tụ trong mình những thuộc tính trái dấu. Một mặt, trong tương quan với những nhân vật đang hiện diện trên sân khấu, ông Hoàng là hiện thân của một nhân cách cao cả, ít nhiều có tính chất lí tưởng. Những lời thoại của ông thật mạnh mẽ, mang quyền uy của những chân lí không thể tranh cãi. Đó là con người dường như có khả năng vượt lên mọi nghịch cảnh trong đời sống. Với ông người ta có niềm tin vào sức mạnh của sự lương thiện, trung thực, của những điều tử tế. Nhưng, mặt khác, còn có một ông Hoàng khác: hoàn toàn bị động, mất hết mọi khả năng để tự bảo vệ mình trước những bất cập của chính sách, của cơ chế. Trong vở kịch, không có bất kỳ một nhân vật nào cụ thể đại diện cho chính sách và cơ chế. Cái tên Cục Chính sách chỉ được nhắc đến trong vở kịch qua lời của các nhân vật nhưng đó chính là nguyên nhân cho những bi kịch của ông Hoàng. Nó khiến chính bản thân ông Hoàng cũng đã có lúc phải tự cảm thán cho số phận của mình trước các con: “Cuộc đời bố như cái giẻ rách, chó tha đi mèo tha lại”, khiến ông, cùng với thời gian, ngày càng “trở nên yếu thế và lặng lẽ” khi cảm nhận mình dường như đang trở thành gánh nặng của gia đình, của người thân. Hai gương mặt đó của ông Hoàng: người anh hùng, vẻ đẹp cao cả và sự yếu thế, mất tiếng nói cùng lúc song hành với nhau. Một trong những thông điệp quan trọng của vở kịch: cuộc chiến đấu dành độc lập, thống nhất dân tộc đã kết thúc và một cuộc chiến đấu mới đã bắt đầu: cuộc chiến cho sự công bằng, cho dân chủ, cho tiếng nói của người dân. Chỉ có điều, cuộc đấu tranh cho dân chủ và công bằng này lại là một thách thức thực sự ngay cả với một người anh hùng như ông Hoàng. Ông là con người của những thói quen, của những nguyên tắc đã được thiết lập chứ không phải là con người của sự phản biện, của ý thức về sự công bằng. Nhưng chính vì thế mà chủ đề dân chủ đặt ra trong tác phẩm này có thêm những âm sắc mới. Từ sự song hành của những thuộc tính trái dấu trong nhân vật ông Hoàng, Xuân Trinh muốn nói với chúng ta một sự thật: dân chủ cũng như độc lập dân tộc

không tự đến, đó là những điều mà chúng ta phải phấn đấu, kiến tạo, dựng xây. Vẫn thấy lại ở đây một vấn đề đã được Xuân Trình suy ngẫm trong suốt chiều dài cầm bút: dựng xây một nền dân chủ cũng cần đến những con người mới, những nếp suy nghĩ mới. Chẳng những thế, dân chủ cần một cơ chế cho phép những tiếng nói của người dân được lắng nghe, được tôn trọng, được hồi đáp. Không có một cơ chế như thế, lòng tốt và sự hy sinh của những người như ông Hoàng chỉ khiến cho lòng tham, sự vơ vét của những con người như gia đình bà Trang trở nên mạnh mẽ hơn, công khai hơn, đặc thắng hơn. Vở kịch khép lại với một câu hỏi đầy nhức nhối của chú Năm, người thương binh và cũng là đồng đội của ông Hoàng:

(Tiến lên nói với khán giả) - Nhưng chúng ta cùng nghĩ xem... Nếu cứ để cho người tốt thiệt thòi... càng tốt càng thiệt thòi, thì rồi đến lúc người ta cũng phải khiếp sợ... Không hiểu có ai còn dám làm người tốt nữa không?

Phải chăng, câu trả lời đúng cho câu hỏi của chú Năm là: để cho những người tốt không còn phải thiệt thòi thì phải xây dựng một nhà nước thực sự dân chủ, nhà của dân - vì dân và do người dân làm chủ. Dân chủ không phải là lòng tốt, là câu chuyện đạo đức của một cá nhân, của một vài cá nhân có quyền lực, có trách nhiệm. Dân chủ cần một cơ chế, một bộ máy vận hành để ở đó ý chí và tiếng nói của người dân có được hiệu lực. Dân chủ đòi hỏi mỗi cá nhân không chỉ có khả năng nhận thức về trách nhiệm mà còn là khả năng nhận thức về những quyền mà anh ta xứng đáng, cần thiết được nắm giữ, năng lực đặt câu hỏi về những bất cập của tổ chức xã hội. Người đọc vì thế trong khi ngưỡng mộ trước vẻ đẹp của ông Hoàng thì cũng đồng thời phải nhận ra những tì vết, những giới hạn của nhân vật lý tưởng này. Đây là thông điệp không dễ để nhận ra trong vở kịch. Nhưng chính vì thế mà nhận thức đó cần phải trở thành nhận thức chung của cộng đồng như chính lời đề nghị khẩn thiết của chú Năm: “Chúng ta hãy cùng nghĩ xem”. Xây dựng một nhận thức chung của cộng đồng như thế chính là trách nhiệm mà người cầm bút, cụ thể hơn là người viết kịch phải đảm nhận. Và theo tôi, Xuân Trình là một trong không nhiều những cây bút, từ rất sớm, bằng những tác phẩm của mình đã đưa vấn đề dân chủ vào trong đời sống tinh thần của cộng đồng. Chính điều này làm nên tầm vóc đích thực, làm nên khả năng “đi trước” của nhà viết kịch Xuân Trình!

3. Ở một đất nước với ảnh hưởng lâu đời của Nho giáo, của văn hóa làng xã như Việt Nam thì dân chủ là một vấn đề có ý nghĩa đặc biệt để xây dựng một xã hội hiện đại. Nho giáo là một xã hội tôn ti, con người làng xã là con người tiểu ki nhỏ bé và vì thế xa lạ với tinh thần dân chủ. Tiểu sử của Xuân Trình cho thấy ông gắn bó với cả truyền thống Nho giáo và văn hóa làng xã. Nhưng ở Xuân Trình còn có cả sự vượt trội. Đọc những trang viết của Xuân Trình: viết phê bình, viết kịch bản văn học, viết kiến nghị gửi lãnh đạo để góp phần thay đổi tư duy và nhận thức trong xây dựng một nền sân khấu hiện đại người ta thấy phảng phất ở đó nỗi

“tiên ưu” của kẻ sĩ xưa. Khác một điểm: kẻ sĩ truyền thống tiên ưu về những nguyên lý đã xác lập trong kinh điển của thánh hiền, những người như Xuân Trình lại cho thấy năng lực phản biện. Chính năng lực này giúp con người có khả năng tư duy tỉnh táo để không bị cầm tù trong những nguyên lý có thể rất đẹp đẽ nhưng cũng rất dễ trở thành giáo điều, cứng nhắc. Những người như Xuân Trình vì thế là những kẻ sĩ hiện đại. Đó là một mô hình nhân cách mà, thật tiếc, dường như đang dần mai một!

**50 NĂM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TỈNH NAM ĐỊNH
ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN**

Đạo diễn-NSUT Đào Quang

Nguyên Chủ tịch Hội VHNT tỉnh Nam Định

Trải qua mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, vùng đất Nam Định được hình thành ở trung tâm phía Nam châu thổ sông Hồng, mảnh đất phát tích của vương triều Trần, một triều đại hưng thịnh nhất trong lịch sử các vương triều phong kiến Việt Nam lòng lẫy hào khí Đông A, một vùng quê văn hiến “Địa linh - Nhân kiệt”, nuôi dưỡng nhiều trạng nguyên khoa bảng và nhân sĩ trí thức làm rạng danh non sông đất nước. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, các làng xã ở Nam Định hình thành và chất chứa những yếu tố văn hoá riêng biệt. Vùng đất Thiên Trường xưa với chiều dày lịch sử bề dày văn hoá đã góp phần không nhỏ và luôn có vị trí xứng đáng trong kho tàng văn hoá Việt Nam, mặt khác cũng tạo nên cốt cách của người Nam Định.

Trong thời đại Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn coi việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc là công việc hàng đầu song song với việc phát triển kinh tế - xã hội. Có thể nói văn học nghệ thuật là nòng cốt của một nền văn hoá, góp phần hun đúc nên nhân cách con người Việt Nam nói chung và người Nam Định nói riêng, luôn hướng tới chuẩn mực “Chân - Thiện - Mỹ” và “Nhân - Nghĩa - Lễ - Trí - Tín”. Nam Định hôm nay đang từng bước đi lên, phát triển, xứng đáng là thành phố trung tâm Nam đồng bằng sông Hồng. Từ đó cũng là mạch nguồn cảm hứng sáng tác, sáng tạo vô tận, nguồn lực quan trọng cổ vũ sự nỗ lực, cố gắng của đội ngũ văn nghệ sĩ trong tỉnh sáng tác được nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị góp phần bảo tồn, phát huy những giá trị văn hoá đời sống tinh thần của nhân dân.

Đại thắng mùa xuân năm 1975 đã đưa đất nước ta bước sang một trang sử mới - trang sử hòa bình, thống nhất độc lập tự do, đổi mới và phát triển, đồng thời cũng mở ra cho nền văn học nghệ thuật Nam Định, một không khí mới, không gian mới, giai đoạn văn hoá, văn nghệ thống nhất giao hòa phát triển trong tính tổng thể toàn vẹn tiến bộ và cách mạng bắt nhịp cổ vũ đồng hành với công cuộc đổi mới và phát triển đất nước nói chung và Nam Định nói riêng. Tất nhiên để có sự thăng hoa trong lĩnh vực văn hoá, văn học nghệ thuật, văn nghệ sĩ Nam Định đã biết tiếp nhận kế thừa sáng tạo những giá trị văn hoá văn học nghệ thuật, hội nhập quốc tế để xây dựng nền văn học nghệ thuật cách mạng, góp phần trong việc xây dựng và phát triển nền văn học nghệ thuật Việt Nam.

Các thế hệ văn nghệ sĩ trong 50 năm qua (1975 - 2025) đã sáng tác xuất bản, quảng bá tới công chúng, bạn đọc, khán giả một khối lượng tác phẩm văn học nghệ thuật đồ sộ.

I. Văn học

1. Văn xuôi

Trong số các nhà văn đi tiên phong trong đổi mới văn học như: Chu Văn, Kim Ngọc Diệu, Trần Kim Lung, Trần Quốc Tiến, Hữu Anh, Bùi Ngọc Đình, Lưu Tuấn Hùng, Nguyễn Kỳ Khôi, Đặng Huy Hải Lâm... Tiếp bước họ, đội ngũ của những người viết văn giai đoạn mới dần dần trưởng thành và đã có được những dấu ấn kết quả nổi bật như: Mai Tiến Nghị, Lã Thanh An, Nguyễn Duy Dương, Vũ Ngọc Khánh, Phạm Thị Hồng Loan, Đặng Hồng Nam, Lê Thị Hà Ngân, Nguyễn Văn Soạn, Vũ Minh Xuyên...

Nhà văn Chu Văn là nhà văn tiêu biểu cho tinh thần đổi mới triệt để văn học Nam Định những năm 80 thế kỷ XX. Trên ba phương diện phát hiện vấn đề, ngôn ngữ bút pháp, thực tiễn sáng tác ở tiểu thuyết “Đất mặn” (1975), “Sao đổi ngôi” (1984), “Giáp mặt” (1986). Kim Ngọc Diệu thu hút sự chú ý của dư luận với chất liệu cuộc sống và tính thời sự trong tập truyện ngắn “Con anh Vũ biết nói” (1987). Đặng Huy Hải Lâm với tiểu thuyết “Bước ngoặt” (1982). Lưu Tuấn Hùng với tập kí “Dọc ngang những nẻo đường” (2015). Mai Tiến Nghị tập truyện ngắn “Nợ nhân gian”, tiểu thuyết “Lính trơn” (2016)...

Ở các tác giả, tác phẩm nêu trên mảng hiện thực phản ánh nay được các nhà văn tập trung hơn, tạo nên những xu hướng mới như một sự nhận thức thêm về lịch sử, hiện thực. Trong ý thức sáng tạo của nhà văn đã có những đổi thay quan trọng. Quan hệ giữa nhà văn và hiện thực cuộc sống đã có những liên hệ và cái nhìn khác trước. Nhà văn đã nhìn hiện thực bằng con mắt khách quan, đi sâu tìm hiểu, lí giải cả những mặt trái, phản ánh nhiều hơn, trực diện và dữ dội hơn những hạn chế, tiêu cực của xã hội. Tác phẩm của họ đã xoáy vào những bộn bề lo toan, trăn trở của con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của đất nước đang chuyển biến từng ngày, từng giờ, tiếp cận những vấn đề gai góc, mạnh dạn bộc bạch mối quan tâm khắc khoải về hoàn thiện nhân cách. Ca ngợi những hình tượng nhân vật điển hình trong thời đại mới.

2. Thơ

Thành tựu thơ Nam Định từ năm 1975 đến nay đã có nhiều đổi mới phong phú về thể tài, đa dạng đa chiều về ý tứ, cảm xúc ngôn ngữ thơ. Các nhà thơ đã thành danh như: Đoàn Văn Cừ với “Đường về quê mẹ” (1987), Vũ Quốc Ái với “Đi với vàng trắng” (1991), Phạm Như Hà - “Mây sông Ninh” (1994), Phạm Trọng Thanh, với tập thơ “Gió trầm”, Phạm Trường Thi với tập thơ “Người qua bên ấy”, Đỗ Phú Nhuận với tập thơ “Cây lá nổi”, Thế Hùng với tập “Nắng chiều thu”, Trần Đắc Trung, Bùi Công Tường, Nguyễn Chí Dũng, Nguyễn Thế Kiên, Vũ Công Đoàn, Phạm Ngọc Quang, Trần Văn Lợi, Nguyễn Thị Kim Ngân, Vũ Ngọc Oanh, Trần Hồng Giang, Trần Thị Nhật Tân, Lại Quang Phục, Trần Kế Hoàn...

Nền thơ Nam Định trong 50 năm qua đã có những khẳng định rõ rệt. Thơ Nam Định trong giai đoạn này vừa mang tính kế thừa vừa có tính sáng tạo khá rõ nét, hướng tới những giá trị thực của thơ, họ làm mới thơ bằng cách phát hiện và

mở rộng các tầng nghĩa mới cho ngôn ngữ thơ, đồng thời tương tác và cập nhật kịp thời những nỗi niềm con người trong cuộc sống hôm nay. Các tác phẩm thơ Nam Định luôn bám sát vào định hướng của Đảng và nhà nước về văn hoá - văn nghệ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước trong chiến tranh, trong hoà bình và những tình cảm nhân bản khác.

3. Lý luận nghiên cứu phê bình

Bước vào thời kỳ đổi mới và hội nhập, việc tiếp nhận các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu phê bình lý luận hiện đại, sự tầm của Nam Định từng bước được khẳng định. Lý luận phê bình nghiên cứu sự tầm đã làm nền tảng cho những sáng tạo văn học nghệ thuật không chỉ là vũ khí đấu tranh chống cái xấu, cái ác, lạc hậu, nghiên cứu bảo tồn phát huy văn hoá dân tộc, mà còn là suối nguồn trong mát nuôi dưỡng tâm hồn con người có ý thức vươn tới cái đẹp, giá trị truyền thống quê hương Nam Định. Hàng trăm ấn phẩm nghiên cứu sự tầm lý luận văn học nghệ thuật đã được xuất bản giới thiệu tới công chúng, sự xuất hiện của những công trình chuyên luận nghiên cứu sự tầm tiêu biểu có giá trị của các nhà nghiên cứu: Bùi Văn Tam với “Thiên Bản lục kỳ”, “Huyền thoại đất Sơn Nam” (2000), Nguyễn Xuân Nam “Chùa Tháp Phổ Minh” (2004), Hồ Đức Thọ với “Mẫu Liễu Sử thi” (2000), Trần Mỹ Giống với “Các nhà khoa bảng Nam Định (2009), Đỗ Đình Thọ “Tản mạn đôi điều bàn về Văn học nghệ thuật”(2005), Dương Văn Vượng “Vũ Thiệu Đễ - Cuộc đời và tác phẩm” (2014), Hoàng Dương Chương “Địa chí Nam Định” (2003), Đỗ Thanh Dương “Trần Nhân Tông nhân cách văn hoá lỗi lạc” (2003), Nguyễn Công Thành “Văn hiến Nam Định” (2013), Nguyễn Thị Cảnh Dương “Di tích lịch sử Chùa Keo”...

Từ thành tựu của các công trình lý luận phê bình văn học nghiên cứu sự tầm của các tác giả Nam Định trong 50 năm qua chúng ta có thể khẳng định lý luận phê bình nghiên cứu sự tầm đã đạt được những bước phát triển mới, đội ngũ làm công tác lý luận phê bình nghiên cứu sự tầm đã có nhiều nỗ lực và chuyển biến, đã và đang đồng hành cùng cuộc sống, tiếp tục khẳng định vị trí chức năng của mình trong việc giải mã những giá trị lớn của lịch sử, văn học quá khứ và đương đại theo trình độ phương pháp tiếp cận tốt hơn và đa dạng hơn.

II Nghệ thuật:

1. Nhiếp ảnh:

Trong ngôi nhà VHNT, nhiếp ảnh là loại hình nghệ thuật có tính đặc tính riêng. Với đặc thù phương tiện kỹ thuật tạo hình, bản thân nó không tạo ra tác phẩm, nếu nghệ sĩ nhiếp ảnh không gửi vào đó giá trị thẩm mỹ, tư tưởng nhân văn, khoảnh khắc đắt giá rung động lòng người. Nhiếp ảnh Nam Định trong 50 năm (1975-2025) tự hào có những cây đại thụ như: Nghệ sĩ nhiếp ảnh Quang Văn với tác phẩm nổi tiếng: “Kéo xác máy bay Mỹ” huy chương Vàng quốc tế tại Đức. Nghệ sĩ nhiếp ảnh Đỗ Dương Uyên nhà nhiếp ảnh đầy tâm huyết với những tác

phẩm đoạt giải thưởng trong nước và quốc tế đó là “Săn sàng”, “Giúp bà khâu kim” có sức sống lâu bền trong kho tàng ảnh nghệ thuật Việt Nam.

Thế hệ kế tiếp có NSNA Hà Phúc với “Đường em đi” (Huy chương Đồng khu vực Sông Hồng) cùng nhiều tác phẩm về đề tài giáo dục Nam Định qua các thời kỳ; NSNA Lã Thượng Sỹ với những tác phẩm về đề tài giữ biển, canh trời của lực lượng vũ trang tỉnh trong những năm kháng chiến chống Mỹ; NSNA Đỗ Thị Lý với những tác phẩm ảnh thời sự, nghệ thuật có chọn lọc; NSNA Bùi Đăng Thanh - NSNA quốc tế (A.FIAP) có tác phẩm “Đấu cờ” (Huy chương Bạc quốc tế), “Chữ Đức trong Hội Phủ Dầy” (giải Châu Á- Thái Bình Dương), “Nắng lối xưa” (Huy chương Bạc khu vực Sông Hồng)... NSNA Trần Thế Long là người sở hữu nhiều giải thưởng lớn trong các cuộc thi ảnh Nghệ thuật trong nước và quốc tế, tác phẩm nổi tiếng như “Nụ hôn của gió”, “Ánh sáng cho người mù”, “Hương đồng”, “Được điểm 10”... để lại nhiều cảm xúc cho người xem. Năm 2021 anh được phong tước hiệu EFIAP (nghệ sỹ xuất sắc Liên đoàn Nhiếp ảnh nghệ thuật quốc tế); NSNA Đinh Cường Quang với các tác phẩm tiêu biểu: “Hoa nhà nông”, “Hoa cát”, “Nghề truyền thống”... tác giả từng đoạt Huy chương Vàng, bạc xuất sắc quốc tế và nhiều giải thưởng trong nước, trở thành NSNA quốc tế và nhiều giải thưởng trong nước, trở thành NSNA quốc tế (AFIAP); NSNA Chiến Vinh đã đạt giải A trong triển lãm ảnh thời sự nghệ thuật Quân đội. Tác phẩm nổi bật có thể kể đến: “Xung phong”, “Điệp khúc thợ hàn”, “Ký họa”; NSNA Đinh Hữu Tuyên với “Nghề cá mỗi”, “Biển thức”, “Chung bóng”... NSNA Ngọc Quang với “Mùa vàng” (Huy chương Vàng khu vực Sông Hồng), “Lối xưa”, “Ngày khai trường”; NSNA Trần Văn Hưng với “Nhịp sống miền biển”, “Công trình chắn sóng”, “Được mùa cá cơm”, NSNA Đỗ Ngọc Hà với tác phẩm: “Bộ đội biên phòng tham gia phòng chống Covid”... NSNA Chu Thế Vĩnh với tác phẩm “Làng chài Xương Điền”. Đây là tác giả trẻ gặt hái được nhiều thành tích nhất từ khi trở thành hội viên Hội VHNT Nam Định; NSNA Mai Quốc Cách có tác phẩm đồng giải Nhất cuộc thi ảnh “Các thiên thần bé nhỏ Á Châu”, cùng một số tác phẩm tiêu biểu như “Làm theo lời Bác” “Xâm thực”... NSNA Lưu Trường Thịnh với “Sân nắng”, “Giai điệu ngày mới”; NSNA Phạm Thanh Bình với “Hiệp đồng chung sức”, “Vào vụ mới”; NSNA Trần Duy Cát có “Quên mình” và “Hội làng”; NSNA Nguyễn Đức Huân có “Nhộn nhịp ngày mùa”, NSNA Lã Quý Tráng có “Biểu diễn Karatedo”; NSNA Đinh Trung Thành có “Thu hoạch ngao”... cổ NSNA Phạm Hùng Cường với “Thủy chung” (Huy chương Vàng quốc tế), “Đi lễ chùa” (cúp bạc ASEAN) và “Những người đồng đội” (Huy chương Vàng toàn quốc).

Tất cả những tác phẩm được sáng tác từ năm 1975 đến nay là những dấu ấn lịch sử về một giai đoạn phát triển của nhiếp ảnh Nam Định có tiếng vang lớn trong nước và quốc tế.

2. Mỹ thuật:

Giai đoạn đổi mới của nghệ thuật tạo hình đã đi qua chặng đường 50 năm (nửa thế kỷ 1975 - 2025), các thế hệ họa sĩ Nam Định như họa sĩ Nguyệt Hồ tác phẩm “Mom sông” (tranh lụa), họa sĩ Trần Trung Kỳ tác phẩm “Bà nội” (Sơn dầu 1973), “Đầu làng” (Sơn dầu 1995), họa sĩ Dương Đình Khoa tác phẩm “Quay to” (Tranh lụa 1978), họa sĩ Hồ Y tác phẩm “Giờ giải lao công nhân dệt” (1985). Họa sĩ Phạm Văn Quyền tác phẩm “Ráng chiều Trường Sơn” - 2005, họa sĩ Dương Đức Điện tác phẩm “Chiều phố cổ”, họa sĩ Lê Đức Biết tác phẩm “Sau giờ trực chiến” - 2002. Họa sĩ Nguyễn Ngọc Châu “Ngày mùa”, họa sĩ - nghệ nhân ưu tú Nguyễn Văn Đức tác phẩm “Mẫu tử” điêu khắc gỗ 1993, họa sĩ Vũ Xuân Dương tác phẩm “Ký ức thời chiến” - 2005. Họa sĩ Trần Văn Thắng tác phẩm “Ngăn lũ” - sơn dầu 2008. Họa sĩ Nguyễn Thị Nga tác phẩm “Làm duyên” - khắc đồng 2002. Họa sĩ Nguyễn Công Hiệp tác phẩm “Ra khơi” - 2004. Họa sĩ Đặng Khắc Thiềm tác phẩm “Đất thiêng” - 2010. Họa sĩ Trần Duy Phát tác phẩm “Chợ quê” - 2015. Họa sĩ Vũ Minh tác phẩm “Nghề làm bún cổ truyền” - 2008.

Ngoài các đề tài truyền thống, lịch sử, chiến tranh cách mạng, công cuộc chống Mỹ cứu nước bảo vệ Tổ quốc, đề tài sáng tác mở rộng khai thác nhiều điều kiện của đời sống xã hội từ những sinh hoạt đời thường của người dân phong tục tập quán tôn giáo, tín ngưỡng đến các thể loại phong cảnh chân dung lễ hội, các chất liệu sơn dầu, bột màu, lụa, gò đồng, điêu khắc... để tạo nên sự đa dạng, phong phú sinh động hấp dẫn. Với bút pháp góc nhìn mới mẻ, sự biểu đạt mạnh mẽ, sâu sắc, ý tưởng thông điệp chân thực về đẹp cuộc sống thiên nhiên, mảnh đất và con người quê hương Nam Định. Các họa sĩ Nam Định đã tạo một hình thái mới của nghệ thuật hiện thực, giàu có về phẩm chất trí tuệ và tràn đầy sức mạnh của tưởng tượng sáng tạo không chịu bó mình trong những năng lực hạn hẹp của lí trí, tình cảm, bản năng của lí tính và phi lý tính, của hữu hạn và vô thức. Người họa sĩ nghệ sĩ sáng tạo đắm mình trần trụi chiêm nghiệm trên con đường độc hành tìm về cái đẹp để có những tác phẩm hội họa có tầm vóc giá trị về tư tưởng nghệ thuật cao.

Tác phẩm hội họa của các họa sĩ đã giành nhiều giải thưởng trong các triển lãm toàn quốc và khu vực - giải thưởng VHNT Nguyễn Khuyến - Lương Thế Vinh của tỉnh Nam Định.

3. Âm nhạc

Khi bàn về các nhạc sĩ và những ca khúc hay của âm nhạc Nam Định từ 1975 đất nước thống nhất đến nay chúng ta không thể không nhắc đến cuộc đời sự nghiệp của các nhạc sĩ: Bùi Đình Thảo giải thưởng Nhà nước về VHNT với ca khúc “Đi học”, Nhạc sĩ Trần Viết Bính giải thưởng Nhà nước về VHNT với ca khúc “Hạt gạo làng ta” viết về đề tài thiếu nhi. Nhạc sĩ Trần Viết Được với ca khúc “Trái tim người chiến sĩ”. Ông sáng tác năm 1979 đánh dấu một thành công của người nhạc sĩ tài hoa. Ca khúc đã phát trên đài tiếng nói Việt Nam nhận được cảm tình đặc biệt của mọi người yêu ca nhạc. “Trái tim người chiến sĩ” đã trở thành

khúc quân hành của những người lính lên đường bảo vệ Tổ quốc, với những giai điệu đẹp đầy chất hùng ca.

Ca khúc “Không ai ngăn nổi lời ca” của nhạc sĩ Nguyễn Hữu Thắng - Giải thưởng VHNT Nguyễn Khuyến 1981 - 1985 lại như một bản tình ca êm đềm, da diết, tổ quốc triu mến, mảnh đất thân yêu từ bao giờ, Bắc Nam liền một dải. Ca khúc “Không ai ngăn nổi lời ca” đã được nhiều ca sĩ thành danh thể hiện và đã được dàn nhạc giao hưởng Trung Quốc biểu diễn.

Bức tranh toàn cảnh của âm nhạc Nam Định trong giai đoạn từ 1975 đến nay, đề tài sáng tác chủ yếu là ca ngợi Đảng, đất nước, quê hương, chiến tranh cách mạng, sự đổi mới phát triển của Nam Định trong đời sống xã hội.

Nhạc sĩ, NSUT Đức Miên với tập ca khúc “Miền quê anh nhớ”. Nhạc sĩ, NSUT Kiều Khắc Dư với tập ca khúc “Về với miền đất thiêng”, Nhạc sĩ Vũ Minh Vỹ với ca khúc “Chiều nghĩa trang Trường Sơn”, Nhạc sĩ Trọng Dư tập nhạc “Mẹ em kể chuyện Bác Hồ” (1996). Nhạc sĩ Huy Tập với ca khúc “Bài ca Trường Chinh”. Nhạc sĩ Trương Vĩnh Bình với ca khúc “Bánh giầy bánh chưng”. Nhạc sĩ Vũ Công Đoàn với “Linh thiêng Thành Nam”. Nhạc sĩ Ngọc Độ ca khúc “Quê hương mùa xuân”. Nhạc sĩ Ninh Quốc Vụ tập ca khúc “Khúc hát dòng sông”. Nhạc sĩ Trần Công Thuỷ ca khúc “Thành Nam trong tôi”. Nhạc sĩ Trần Ngọc Hùng tập ca khúc “Sóng thu”. 50 năm âm nhạc Nam Định như một bản giao hưởng với những biến tấu ngẫu hứng đầy chất thơ, chất anh hùng. Các nhạc sĩ luôn vận động bám sát hiện thực gắn với những mốc son lịch sử của dân tộc, quê hương làm nên diện mạo đa dạng mang bản sắc văn hoá, con người Nam Định, kế thừa phát huy những tinh hoa của âm nhạc cách mạng Việt Nam trong cuộc sống mới.

4. Sân khấu

Nam Định được dư luận đánh giá là một trong những vùng sân khấu mạnh của cả nước. Ở đây nghệ thuật sân khấu thực sự có một truyền thống lâu đời trở thành món ăn tinh thần không thiếu được của mọi tầng lớp nhân dân vùng Sơn Nam hạ, được coi là cái nôi phát tích của nghệ thuật Chèo thuần Việt. Đặc biệt hình thức hát văn hầu đồng tứ phủ, nhằm tôn vinh thánh mẫu liễu hạnh, một trong tứ bất tử của tín ngưỡng Việt Nam.

Đây còn là nơi tiếp nhận và nuôi dưỡng loại hình cải lương từ Nam bộ 1975 đưa ra miền Bắc, cũng là nơi đóng vai trò hậu thuẫn cho loại hình kịch nói luôn nhanh nhạy đồng hành với nhịp vận hành hối hả của cuộc sống đương đại.

Do những đặc điểm như vậy sân khấu Nam Định luôn gắn bó với đời sống sôi động của xã hội. Nhìn lại hệ thống vở diễn của các loại hình nghệ thuật chèo, cải lương, kịch nói Nam Định trong thời gian 50 năm 1975 - 2025 có thể nhận ra rằng đề tài hiện đại chiếm một tỷ trọng đáng kể và song hành với nó là mảng đề tài lịch sử.

Sân khấu chèo với các vở diễn tiêu biểu “Ni cô Đàm Vân” (1976), “Những người nói thật” (1985), “Soi bóng người xưa” (1990), “Trần Anh Tông” (2000), “Chiến trường không tiếng súng”... Sân khấu kịch nói với các vở diễn “Đôi mắt”, “Bão biển”, “Mùa hè ở biển” (1985), “Nửa ngày về chiều” (1990), “Tú Xương” (1995), “Không thể có thể” (1996), “Thiên nga” (2000), “Ai là thủ phạm” (2005), “Thành hoàng làng” (2015), “Hoạ mi lại hát”...

Sân khấu cải lương với các vở diễn tiêu biểu: “Ai tỉnh ai điên” (1985), “Hòn đá thề”, “Nỗi đau người mẹ”, “Xin đừng làm lỡ”, “Linh hồn Đại Việt Đức Thánh Trần”, “Tình sử vương triều”, “Giậu mừng tôi gãy đập”... là các vở diễn xuất sắc tiêu biểu dành nhiều giải thưởng lớn trong các hội diễn SKCN toàn quốc, Hội NSSK Việt Nam.

Những vấn đề xã hội nổi cộm, bức xúc, sự lỗi thời của cơ chế quản lý cũ, sự xuất hiện của những mô hình sản xuất mới, vấn đề chống tiêu cực trong mọi lĩnh vực, đấu tranh đẩy lùi nạn tham nhũng tệ quan liêu cửa quyền, không né tránh những vấn đề nhạy cảm, sự đổi mới của đất nước, bắt đúng mạch những vấn đề của cuộc sống, ca ngợi cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc đã được các vở diễn đề cập, phản ánh khai thác một cách triệt để ở mọi góc cạnh.

Các tác giả sân khấu Nam Định đã đắm mình trần trở dựng cảm viết các tác phẩm văn học kịch. Tác giả An Viết Đàm với kịch bản “Những người nói thật”. Tác giả Minh Đức với kịch bản “Đất quê”. Tác giả Đào Nguyên với kịch bản “Thanh gươm và dải lụa”. Tác giả Thanh Lương với kịch bản “Mẹ Chung”. Tác giả Ngọc Quang với kịch bản “Hai người đàn bà”. Tác giả Ninh Hoài Long với kịch bản “Nắng về trên đàn giáo”. Tác giả Trịnh Quang Khanh với kịch bản “Tình sử Đông A”. Tác giả Phạm Khải Hoàn với kịch bản “Ngày trở về”...

Có thể nói kịch đương đại Nam Định từ năm 1975 đến nay đã làm thay đổi đời sống sân khấu khiến cho sân khấu một loại hình nghệ thuật đã gắn bó mật thiết với hiện thực cuộc đời trong đó khát vọng nhân bản của người nghệ sĩ, tác giả đã hoà đồng cùng trách nhiệm của người công dân.

Với các nghệ sĩ tài năng nổi tiếng một thời như NSND - Đạo diễn Lê Huệ, NSND Đình Chí, NSND Kim Liên, NSND Hoàng Yên, NSND Lương Duyên, NSUT Thanh Hương, NSUT Đạo diễn Trịnh Quang Khanh, NSUT - Đạo diễn Đào Quang, NSUT Duy Cồn, Thế Tuyên, Bích Thục, Diệu Hằng, Đăng Khoa, Thanh Vân, Ngọc Hùng, Thanh Nga (Chèo)... NSUT Thanh Hằng, Thu Thủy, Mạnh Tuyên, Đạo diễn Trần Tính (Cải lương)... NSUT Thuý Linh, Tiến Lâm, Hồng Ngát, Quang Nhất (Kịch)... đã để lại những dấu ấn đậm nét trong lòng công chúng khán giả sáng tạo nên những vở diễn, hình tượng sống động dưới ánh đèn sân khấu của các hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc và khu vực giành nhiều giải thưởng huy chương Vàng, Bạc.

Đất nước chuẩn bị bước sang một thời kỳ mới, những vấn đề đặt ra nhằm thúc đẩy VHNT Nam Định phát triển bền vững có nhiều thành tựu VHNT hơn rất cần sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, trực tiếp lãnh đạo điều hành công tác văn hóa văn học nghệ thuật.

Văn nghệ sĩ Nam Định phải có trình độ chuyên sâu, chuyên nghiệp, để thâm nhập sáng tác, sáng tạo, hướng đến những vấn đề thiết thực của cuộc sống đến nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hơn nữa người văn nghệ sĩ là những người bắt kịp nhịp sống và hơi thở thời đại, hòa đồng cùng xu thế hội nhập trên tinh thần nhân văn.

Nâng cao công tác lý luận phê bình nghệ thuật, để định hướng sáng tác, định hướng dư luận, giáo dục thẩm mỹ. Công tác nghiên cứu sưu tầm chỉ là một phần của công tác lý luận phê bình văn học nghệ thuật.

Với khát vọng sáng tạo văn nghệ sĩ Nam Định dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước trước yêu cầu phát triển của lĩnh vực VHNT trong tình hình mới tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII “Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị “Tiếp tục xây dựng và phát triển VHNT trong thời kỳ mới” tập trung sáng tác các tác phẩm văn học nghệ thuật ở các loại hình nghệ thuật chào mừng đại hội Đảng các cấp, đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV. Góp phần phát hiện và xây dựng các nhân tố mới những điển hình tiên tiến trong thời kỳ mới, kế thừa phát huy những sáng tác VHNT trong 50 năm 1975 - 2025 gắn bó sâu sắc với nhân dân và sự nghiệp đổi mới. VHNT Nam Định bước vào kỷ nguyên mới./.

ÂM NHẠC NAM ĐỊNH TRÊN CHẶNG ĐƯỜNG 50 NĂM SAU NGÀY THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

Nhạc sĩ - NSUT Kiều Khắc Dư

Chủ tịch Hội VHNT tỉnh Nam Định

Sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Việt Nam ta là một quốc gia ngổn ngang chồng chất khó khăn do hậu quả của chiến tranh, lại tiếp tục bị các thế lực cường quyền nước ngoài vây hãm, cấm vận, chèn ép, bòn phần động trong và ngoài nước chống phá quyết liệt, dai dẳng. Song, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, toàn dân tộc kết thành một đội ngũ trùng trùng điệp điệp, vượt qua mọi trở ngại khó khăn, bảo vệ đất nước bình yên, dựng xây non sông ngày một sáng tươi, no ấm, mạnh giàu. Và đến hôm nay, 50 năm sau ngày thống nhất đất nước, Việt Nam đang tiến bước vững chắc trên con đường hướng tới tương lai xán lạn, huy hoàng.

Trong thành quả 50 năm bảo vệ và dựng xây đất nước Việt Nam nói chung, tỉnh Nam Định nói riêng, có sự đóng góp quan trọng của ngành Văn hóa - Văn nghệ. Trong đội ngũ Văn hóa - Văn nghệ ấy, thì âm nhạc, với lợi thế rất thuận tiện về phổ cập và quảng bá, đã như một lá cờ tiên phong, góp phần không nhỏ vào những thắng lợi chung. Ở bài viết này, chúng tôi xin điểm lại những nét chính nổi bật của âm nhạc Nam Định trên chặng đường 50 năm sau ngày thống nhất đất nước.

I. NHỮNG ĐƠN VỊ LIÊN QUAN VỚI NGHỆ THUẬT ÂM NHẠC NỔI BẬT NHẤT

1. Đoàn Ca múa nhạc

Đoàn Ca múa nhạc được thành lập theo quyết định của UBND tỉnh Nam Hà ngày 8/8/1965. Lúc đầu mang tên là Đội ca Vũ Kịch, nằm trong biên chế Đoàn Văn công Nam Hà. Năm 1975 là đoàn Ca múa nhạc Hà Nam Ninh. Năm 1987 là đoàn Ca kịch Hà Nam Ninh. Năm 1992 là Đoàn Ca múa nhạc (CMN) Nam Hà. Năm 2001 sáp nhập với Nhà Văn hóa Trung tâm 3/2 và nay là Trung tâm Văn hoá, Điện ảnh và Triển lãm. Trong hơn 30 năm xây dựng và phát triển, Đoàn CMN của tỉnh, dù mang những tên gọi khác nhau, nhưng là lực lượng nòng cốt đầu tàu đưa các khúc nhạc, bài ca, điệu múa, trong đó rất nhiều tác phẩm ca ngợi quê hương Nam Định, ca ngợi đất nước, con người Việt Nam đến với hàng chục vạn lượt khán thính giả. Đoàn đã dàn dựng và biểu diễn hàng trăm chương trình ca múa nhạc, 5 vở nhạc kịch ngắn (Operette: Ô-pe-ret), 8 vở kịch hát mới. 5 lần tham gia Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc, giành 2 huy chương vàng, 7 huy chương bạc thời kỳ trước đổi mới, và 9 huy chương vàng, 12 huy chương bạc thời kỳ sau đổi mới. Từ khi sáp nhập về Nhà Văn hóa của tỉnh, đội ngũ nghệ sĩ, diễn viên dù ở chức danh mới, vẫn phát huy truyền thống, sáng tác và biểu diễn những bản nhạc, điệu múa, bài ca với chất lượng nghệ thuật cao. Và từ cái nôi của Đoàn CMN, hàng chục diễn viên đã được Nhà nước trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú như Tuyết Lành, Kiều Dư, Hồng Vân, Huy Tý. Có những diễn viên trưởng thành từ Đoàn CMN, khi chuyển công tác về các địa phương khác đã tiếp tục

phần đầu trở thành những nhà quản lý nghệ thuật, những nghệ sĩ tài năng như NSND Mai Thủy khi về Nhà hát chèo Ninh Bình, NSND Khánh Hòa khi về Đoàn CMN Hải Phòng, NSND Ngọc Khang Nhà hát CMN Việt Nam, NSUT Trang Nhung khi về đoàn chèo Hà Nam...

2. Câu lạc bộ (CLB) Vàng Anh

Là CLB ca nhạc trực thuộc Nhà Văn hóa thiếu nhi của tỉnh Nam Định, được thành lập vào đầu thập niên 60 của thế kỷ trước. Cùng giai đoạn đó, còn có các CLB ca nhạc thiếu nhi ở những tỉnh, thành lớn như: Sơn Ca ở Hà Nội, Hòa Mi ở Hải Phòng... Song, CLB Vàng Anh của đất dệt Thành Nam đã trở nên vang danh khắp miền Bắc sau khi trình diễn bài hát "Hạt gạo làng ta", do nhạc sĩ Chủ nhiệm CLB Trần Viết Bính phổ thơ của nhà thơ thần đồng nổi tiếng Trần Đăng Khoa. Bên cạnh đó, CLB Vàng Anh còn trình diễn một số bài hát thu thanh trên Đài Tiếng nói Việt Nam và biểu diễn phục vụ khán giả quê nhà. Cũng từ thành công với bài hát "Hạt gạo làng ta" ở CLB Vàng Anh, nhạc sĩ Trần Viết Bính đã được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2016.

3. Đội Văn nghệ Nhà máy Liên hợp Dệt Nam Định và Đội Văn nghệ Tỉnh đội Hà Nam Ninh

Tiếp nối phong trào "Tiếng hát át tiếng bom" trong kháng chiến chống Mỹ, cao trào lấy văn nghệ ca nhạc làm nguồn cổ vũ động viên sản xuất và chiến đấu lan tỏa khắp đất nước từ năm 1975 đến thập kỷ 90 của thế kỷ trước. Nhiều nhà máy, xí nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang đã xây dựng đội văn nghệ của riêng mình. Ở Nam Định lúc đó, nổi bật lên là hai đội văn nghệ nghiệp dư, nhưng dàn dựng, biểu diễn mang nhiều chất chuyên nghiệp, gây tiếng vang uy tín không chỉ trong tỉnh, mà còn lan tỏa rộng rãi khi giành giải cao trong các cuộc hội diễn khu vực và toàn quốc. Đó là đội Văn nghệ Nhà máy Liên hợp Dệt Nam Định với cánh chim đầu đàn là giọng ca Thanh Hòa và đội Văn nghệ Tỉnh đội Hà Nam Ninh với người đội trưởng tài năng, nhiệt huyết luôn hết mình vì nhiệm vụ Nguyễn Đình Quảng. Bài hát "Trái tim người chiến sĩ" do đội trưởng Đình Quảng đặt nhạc sĩ Trần Viết Được sáng tác, Đình Quảng đã dàn dựng cho nữ diễn viên Mai Chung của Đội Văn nghệ Tỉnh đội Hà Nam Ninh biểu diễn lần đầu tiên tại hội diễn Lực lượng vũ trang Quân khu Ba năm 1981, giành Huy chương vàng và gây tiếng vang đặc biệt. Được thu âm và phát sóng trên Đài Tiếng nói Việt Nam. Từ đó bài hát này đã lan tỏa với sức sống có thể nói là kỳ diệu cho đến tận ngày hôm nay.

4. Trung tâm Văn hoá, Điện ảnh và Triển lãm

Thành tích và thành công về CMN của Trung tâm thực sự bắt đầu khi Đoàn CMN sáp nhập với Nhà Văn hóa, cùng lúc đó, cao trào phát triển những đội Văn nghệ mà chủ yếu là hoạt động ca múa nhạc trong các Nhà Văn hóa nở rộ khắp các tỉnh thành trên toàn quốc. Đoàn nghệ thuật quần chúng gồm hầu hết là các diễn viên, nhạc công của Đoàn CMN, đảm nhiệm các chương trình nghệ thuật, phục

vụ tất cả những cuộc giao lưu đối ngoại, các ngày lễ lớn của đất nước và thành phố. Trở thành cánh chim đầu đàn xây dựng và giúp đỡ phát triển phong trào văn nghệ nói chung, nghệ thuật ca múa nhạc nói riêng trong toàn tỉnh.

Có thể nói, sức sống của nghệ thuật CMN Nam Định hàng chục năm qua và hiện nay được gửi gắm, thể hiện qua hoạt động không ngừng nghỉ và rất hiệu quả của Trung tâm Văn hoá, Điện ảnh và Triển lãm.

5. Trường Cao đẳng Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch

Là ngôi trường đào tạo các chuyên ngành về văn hóa nghệ thuật, trong đó có chuyên ngành biểu diễn âm nhạc. Mặc dù nhiệm vụ chính là đào tạo, song nhà trường vẫn thường xuyên tổ chức những buổi biểu diễn ca nhạc, vừa là sân chơi thực hành cho giảng viên và học sinh, vừa làm phong phú thêm hoạt động âm nhạc của tỉnh trong suốt 50 năm qua, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Nhiều nghệ sĩ, ca sĩ, nhạc công trong tỉnh trưởng thành từ chính ngôi trường này, mà NSUT Hải Minh là tấm gương tiêu biểu trong số những nghệ sĩ đó.

6. Đài Phát thanh - Truyền hình

Là đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, những tiết mục, chương trình ca nhạc do nhà Đài dàn dựng hoặc cộng tác với các đơn vị ca nhạc, với ca sĩ, nhạc công rồi phát sóng đều góp phần quan trọng đưa âm nhạc đến với công chúng, biến âm nhạc nói riêng, văn hóa - văn nghệ nói chung thành món ăn tinh thần không thể thiếu trong lịch phát sóng hàng ngày.

Tóm lại, tất cả những đơn vị liên quan đến dàn dựng, biểu diễn âm nhạc nói trên đều đã để lại những mốc son đáng nhớ, những thành tích đáng ghi nhận trên chặng đường âm nhạc 50 năm của đất Thiên Trường - Nam Định thân yêu.

II. NHỮNG TÁC GIẢ, TÁC PHẨM ÂM NHẠC NỔI BẬT CỦA NAM ĐỊNH 50 NĂM QUA

Với quê hương Nam Định thân yêu của chúng ta, sau khi thống nhất đất nước năm 1975, đã trải qua nhiều kỳ đổi thay về địa giới hành chính. Từ tỉnh Nam Hà thành lập năm 1965, tháng 12/1975 sáp nhập thêm tỉnh Ninh Bình, đổi tên thành tỉnh Hà Nam Ninh. Tháng 4/1992 lại trở về tỉnh Nam Hà sau khi tỉnh Ninh Bình được tách ra. Và đến tháng 12/1996 thì tái lập tỉnh Nam Định sau khi tỉnh Hà Nam tách ra. Trong suốt những lần nhập và tách ấy, thành phố Nam Định, mảnh đất Thiên Trường mang hào khí Đông A vẫn là thủ phủ, là trung tâm hành chính, cũng là trung tâm chính trị và văn hóa của cả vùng đất ba tỉnh hiện nay là Nam Định, Hà Nam và Ninh Bình. Điều đó có nghĩa là thời kỳ đầu của âm nhạc Nam Định trên chặng đường 50 năm sau ngày thống nhất đất nước có sự tham gia đóng góp bởi các nhạc sĩ, ca sĩ, các cây bút âm nhạc, không chỉ của riêng tỉnh Nam Định hiện nay.

Sau đây tôi xin điểm qua hai nhánh chính đã góp phần làm nên thành quả âm nhạc Nam Định 50 năm qua. Đó là thành quả về tác phẩm âm nhạc và thành quả về biểu diễn ca nhạc.

1. Thành quả về tác phẩm âm nhạc

Như ở phần đầu bài viết này đã đề cập, sau ngày thống nhất đất nước, kinh tế nước ta chịu muôn vàn áp lực, đời sống nhân dân rất khó khăn, nhưng xã hội vẫn tràn đầy tinh thần lạc quan cách mạng. Với Nam Định, điều đó được thể hiện rất mãnh liệt qua những bài hát nổi tiếng như "Qua bến Đò Quan" của nhạc sĩ Thái Cơ và đặc biệt là bài hát "Mùa xuân trên thành phố Dệt" của nhạc sĩ Trần Chung. Cả hai bài đều được sáng tác trước năm 1975, nhưng suốt mấy thập kỷ sau, nó luôn vang vọng trên sóng phát thanh, truyền hình, các loa công cộng, lan tỏa khắp các làng thôn xóm ngõ phố phường. Tinh thần lạc quan tràn đầy ý chí cách mạng ấy được các nhạc sĩ phũ Thiên Trường nối tiếp, viết nên những tác phẩm thấm đẫm tình yêu đất nước, ca ngợi cuộc sống hòa bình, hạnh phúc, tự do, ca ngợi Đảng và Bác Hồ kính yêu, ca ngợi quê hương đang mỗi ngày thêm tươi đẹp. Đặc biệt là khi đất nước bước sang thời kỳ đổi mới thì âm nhạc Nam Định phát triển mạnh mẽ cả về số lượng tác giả, tác phẩm cũng như về chất lượng nghệ thuật. Đó là Nguyễn Hữu Thắng với tác phẩm "Khúc ca Nam Định"; Trần Viết Được với tác phẩm "Trái tim người chiến sĩ" và "Quê ta thành phố Dệt"; Bùi Thanh Bình với tác phẩm "Hạt muối quê mình" (lời thơ Thiếu tướng Trịnh Vệ); Vũ Đình Thành với tác phẩm "Miền xuân quê hương"; Hoàng Lai với tác phẩm "Đường vào ca ba"; Đình Quảng với tác phẩm "Đứng dưới tượng đài Trần Hưng Đạo"; Văn Thấu với tác phẩm "Về thăm Đồng Nguyên"; Xuân Huân với tác phẩm "Thịnh Long biển nhớ"... Các nhạc sĩ kể trên đã từ biệt thế gian này, nhưng vẫn để lại cho Nam Định tình yêu quê hương thấm thiết qua những bài ca còn lưu dấu trên những trang sách và trong nỗi nhớ của bao người.

Với những nhạc sĩ, những cây viết âm nhạc đã và đang gắn bó với quê hương Nam Định, tiếp tục sáng tác về Nam Định, có thể thấy một đội ngũ khá đông đảo với nhiều độ tuổi và vị trí công tác khác nhau. Những tác phẩm mà chúng tôi nhắc đến sau đây chưa hẳn là tiêu biểu của tác giả, song chỉ đọc riêng tiêu đề, đã thấy nó là của riêng Nam Định. Đó là "Nam Định mình ơi" và "Mỹ Lộc quê em" của Nguyễn Tiến; "Nhớ Châu văn đêm hội", "Hải Hậu rực sáng một vùng quê" và "Thành Nam nổi nhớ" của Vũ Minh Vỹ; "Về Nam Định nghe em", "Một thoáng thành Nam" (cả 2 bài phổ thơ Nguyễn Thế Minh) Nam Định vào xuân và "Về với miền đất thiêng" của Kiều Dur; "Làng Vân Vụ Bản" của Đức Miên; "Bài ca Trường Chinh" của Huy Tập; "Thành Nam trong tôi" của Trần Công Thủy; "Linh thiêng thành Nam" của Vũ Công Đoàn; "Về Trục Ninh anh ơi" của Huy Loan - Huy Tập; ngay cả những tác phẩm mà tiêu đề có vẻ chung chung, nhưng nội dung là ca ngợi đất và người quê hương Nam Định, có thể kể đến như "Trông

hội non sông" của Đỗ Ngọc Vượng; "Quê mẹ" của Ngọc Hùng; "Khúc hát dòng sông" của Ninh Quốc Vụ; "Tuổi thơ bay xa" của Trọng Dự; "Quê hương mùa xuân" của Ngọc Độ; "Nụ cười mùa xuân" của Trương Vĩnh Bình...

Đặc biệt, trong đợt sáng tác chào mừng kỷ niệm 70 năm giải phóng thành phố Nam Định (01/7/1954 - 01/7/2024), có 14 ca khúc được trao giải. Tất cả 7 bài hát giải A của các tác giả âm nhạc Vũ Minh Vỹ, Trần Công Thủy, Trương Vĩnh Bình, Kiều Dur, Phạm Hồng Nhân, Vũ Công Đoàn, Lê Thế Mạnh, trong tiêu đề tác phẩm đều có hai chữ "Thành Nam", thật là một hiện tượng tập trung hiếm thấy. Điều đó chứng tỏ các tác giả của đất Thiên Trường vẫn luôn luôn dồi dào bút lực, vẫn thấm thiết tình yêu với thành phố quê hương. Ngoài ra cũng cần kể đến những tác giả đã từng được nhận giải thưởng sáng tác của Hội Nhạc sĩ Việt Nam như Kiều Dur, Trần Công Thủy, Ngọc Hùng, Vũ Công Đoàn, Lê Thế Mạnh... vẫn cùng các cây bút là Hội viên hội Nhạc sĩ Việt Nam, là thành viên Chi hội Âm nhạc và Múa Hội Văn học Nghệ thuật Nam Định, đang tiếp tục cho ra đời những tác phẩm mới, góp phần tô điểm vườn hoa âm nhạc thành Nam mỗi ngày thêm rực rỡ sắc màu.

2. Thành quả về biểu diễn ca nhạc

Các nhà văn, nhà thơ, có cái rất thuận lợi là sáng tác xong, có thể "tung" ngay ra cho người khác thưởng thức. Còn nhạc sĩ, người sáng tác bài hát hay khúc nhạc, viết xong rồi "tung" nhạc bản lên mạng hay đem ra "khoe" bạn bè, thì như người đánh đổ độc giả. Nếu có ai đó khen hay, khen giỏi thì chỉ là khen nịnh, khen lấy được mà thôi. Vì chỉ có người thành thạo ký xướng âm (mà điều này phải học qua trường lớp âm nhạc khá lâu) hoặc biết đánh đàn theo nhạc bản thì mới tạm rõ hình hài của bài ca. Thực ra, người sáng tác bài hát xong, phải qua khâu phối âm phối khí nhạc đệm, rồi đến ca sĩ phải hát lên hòa với phần nhạc đệm, mới thành sản phẩm để người nghe có thể thưởng thức và đánh giá. Trước đây tất cả các khâu nhạc đệm phải đánh trực tiếp. Hiện nay các phần mềm làm nhạc, phần mềm thu âm giọng hát cùng công nghệ vi tính ngày càng tiên tiến và thuận lợi. Song yếu tố quyết định chất lượng vẫn là tay nghề, trình độ của người phối khí và quan trọng nhất là giọng hát cũng như sự thể hiện của ca sĩ trên sân khấu hoặc trong phòng thu âm, gọi chung là biểu diễn âm nhạc. Đó chính là nhánh thứ hai của thành quả âm nhạc.

Ở phần thứ nhất của bài viết này, chúng tôi đã điểm danh những đơn vị liên quan đến dàn dựng, biểu diễn âm nhạc, kể cả chuyên nghiệp và nghiệp dư, từng in lại dấu ấn khó phai trong tiến trình dựng xây và phát triển âm nhạc 50 năm của quê hương Nam Định. Chỉ tính riêng Đoàn Ca Kịch Hà Nam Ninh, sau đó là Ca Múa nhạc Nam Hà, theo số liệu tổng hợp của lãnh đạo đoàn báo cáo gửi lãnh đạo Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, trong mười năm 1986 đến 1996, Đoàn đã biểu diễn hàng ngàn buổi các vở Kịch hát mới và chương trình Ca múa nhạc cho hàng

chục vạn lượt khán giả. Có năm (1989) đoàn biểu diễn tới 183 buổi tại 85 địa điểm, bao gồm tất cả 21 huyện, thị thuộc tỉnh Hà Nam Ninh, thành phố Nam Định. Đoàn còn mang chương trình đi giao lưu ca nhạc tại nước bạn Lào, tại tỉnh kết nghĩa Hoàng Liên Sơn, đi phục vụ chiến trường biên giới phía bắc, đi lưu diễn nhiều ngày tại Hà Nội, Hải Phòng, Thái Bình, Hải Hưng, Hà Sơn Bình, Thanh Hóa v.v... Trung tâm Văn hoá, Điện ảnh và Triển lãm đi hội thi và biểu diễn tại Quảng Trị, Điện Biên, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, Nghệ An và rất nhiều chương trình ca nhạc tại tất cả các huyện thị trong tỉnh.

Những đơn vị văn nghệ khác nổi bật về biểu diễn âm nhạc như CLB Vàng Anh, Đội văn nghệ Nhà máy Liên hợp Dệt Nam Định, đội văn nghệ tỉnh đội Hà Nam Ninh tuy đã biến đổi theo thời gian và hoàn cảnh xã hội, song, các đơn vị đó đều đã để lại những tiếng vang, những dấu son không thể phai mờ trong tiến trình phát triển âm nhạc 50 năm của Nam Định chúng ta.

Chính qua việc biểu diễn trên sân khấu phục vụ nhân dân, rồi được tuyên truyền giới thiệu trên làn sóng Phát thanh - Truyền hình của tỉnh và của Trung ương, khán giả cả nước mới biết đến giọng hát văn nổi tiếng NSND Kim Liên, ngón đàn nguyệt điêu luyện Thế Tuyền, giọng ca nữ NSUT Thục An, ngay từ thập niên 70 - 80 của thế kỷ trước. Và sau đó là Tuyết Lành, Hồng Vân, NSUT Thúy Quỳnh và sau nữa là, Minh Hoàng, Ngọc Anh, Diệu Oanh, Trang Nhung, Thanh Lan. Gần đây nhất, tại Liên hoan Âm nhạc toàn quốc do Hội Nhạc sĩ Việt Nam tổ chức tại Ninh Bình tháng 10 năm 2024, có mặt hơn bốn chục tỉnh thành và những Nhà hát, nghệ sĩ tài năng của Trung ương tham dự, Nam Định được đăng ký 2 tiết mục dự thi, kết quả bài hát "Xin lỗi em thật nhiều", nhạc Kiều Dư, lời thơ Nguyễn Thế Minh, do ca sĩ Trang Nhung biểu diễn đoạt giải A; bài hát "Cánh đào xuân", nhạc Vũ Minh Vỹ - Trần Công Thủy, thơ Nguyễn Thế Minh, do ca sĩ Diệu Oanh thể hiện đoạt giải B. Thành công đó tại sân chơi âm nhạc chuyên nghiệp cấp quốc gia, độ sức cùng những tỉnh thành lớn, những nghệ sĩ nổi tiếng, đã phần nào nói lên chất lượng cả hai nhánh phát triển âm nhạc là sáng tác và biểu diễn của tỉnh Nam Định chúng ta không hề kém cạnh.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Nhìn lại những thành quả sáng tác âm nhạc và biểu diễn ca nhạc của Nam Định trên chặng đường 50 năm qua, chúng ta có thể rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu cho chặng đường tiếp theo.

Thứ nhất, đó là âm nhạc nói riêng, Văn hóa nghệ thuật nói chung phải luôn luôn bám sát định hướng xã hội chủ nghĩa, hướng tới mục tiêu xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, gần bó với nhân dân, lấy sự hưởng ứng của đa số khán giả - người dân làm thước đo và mục tiêu của sự sáng tạo trong sáng tác và biểu diễn.

Thứ hai, đó là biết tiếp thu vốn quý từ kho tàng âm nhạc dân gian Việt Nam, và với Nam Định thì ưu tiên gìn giữ, phát triển trên cơ sở tinh hoa của những làn

điệu hát Văn, đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa phi vật thể của nhân loại. Nhiều bài hát về Nam Định mang âm hưởng làn điệu hát văn được khán giả hoan nghênh tiếp nhận và lưu truyền như "Nghe em câu hát văn chiều nay" của nhạc sĩ Nguyễn Cường; "Nam Định mình ơi" của cố nhạc sĩ Nguyễn Tiến; "Nhớ châu văn đêm hội" của nhạc sĩ Vũ Minh Vỹ, Về miền đất thiêng của Kiều Dư, Trảy hội Phủ Dầy của Văn Kí... và còn nhiều tác phẩm khác mà trong khuôn khổ bài viết này chưa có dịp nêu lên.

Thứ ba, trong thời đại kinh tế thị trường lan vào mọi khía cạnh của xã hội và cuộc sống, người sáng tác và nghệ sĩ biểu diễn phải có cách nhìn tinh táo, chọn đề tài và cách viết, cách thể hiện sao cho không sa vào tự nhiên chủ nghĩa, dễ dãi hoặc phản cảm. Cũng không lặp lại những sáng tạo của người khác, dễ dẫn đến vi phạm bản quyền, vướng vào kiện tụng rắc rối để mất hết uy tín như một số trường hợp đã xảy ra ở các địa phương khác.

Thứ tư là không ngừng tiếp tục học hỏi nâng cao trình độ kỹ thuật chuyên môn cả trong sáng tác và biểu diễn âm nhạc. Cứ bảo thủ với nề nếp cũ, công kích cái mới, nghi ngại hoặc tự ti lo sợ không cố gắng học hỏi sẽ dẫn đến trì trệ, lạc hậu, không theo kịp để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới. Đến thời đại "bốn chấm không", "năm chấm không" rồi mà có những tác giả còn mắc nhiều lỗi nhạc lý cơ bản khi viết tay một bản nhạc. Có những giai điệu và lời ca sáo rỗng hoặc cũ mòn, câu, đoạn lời thô thiển, luộm thuộm. Điều nay vẫn xuất hiện trong một số tác phẩm ca khúc gửi dự thi hoặc đã in thành sách cá nhân.

Thứ năm, đó là cần mạnh dạn, tự tin và hăng say hơn nữa trong sáng tạo. Không phải cứ là nhạc sĩ cấp Trung ương mới có thể viết nên những tác phẩm hay, bài hát mới được khán giả yêu thích chấp nhận. Còn nhớ trong thập kỷ 90, trước và sau khi tách tỉnh Hà Nam Ninh rồi tách tiếp tỉnh Nam Hà, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã từng mấy lần tổ chức, mời hàng chục nhạc sĩ của Trung ương đi thâm nhập thực tế để viết bài hát về thành phố và các huyện trong tỉnh. Sau đó hai lần đầu tư kinh phí thực hiện phối khí, thu âm hơn 20 bài thành băng cat-set, phân phát cho Nhà văn hóa các huyện, để các huyện có trách nhiệm tuyên truyền cổ vũ một thời gian dài trên hệ thống loa truyền thanh. Song kết quả ít lâu sau, chỉ có ca khúc "Nghe em câu hát văn chiều nay", một trong hai bài hát của nhạc sĩ Nguyễn Cường viết trong dịp đó được lưu truyền tương đối rộng rãi, và ca khúc "Nghĩa Hưng yêu lắm quê mình" của nhạc sĩ Vũ Minh Vỹ, nguyên trưởng đoàn Ca kịch Hà Nam Ninh, được huyện Nghĩa Hưng lấy làm huyện ca từ đó đến nay. Còn lại gần hai chục tác phẩm viết cho các huyện và thành phố Nam Định đi vào quên lãng.

Trong khi đó, tỉnh Nam Định lấy ca khúc "Nam Định ơi" của Phạm Minh, huyện Xuân Trường lấy ca khúc "Miền xuân yêu thương" của Vũ Đình Thành, huyện Giao Thủy lấy ca khúc "Nhịp sống quê hương" của Phạm Hồng Nhân, là

những tác giả của Nam Định để làm nhạc hiệu mở đầu cho các buổi Phát thanh - Truyền hình. Còn huyện ca của huyện Hải Hậu, bài hát "Rực sáng một vùng quê" của nhạc sĩ Vũ Minh Vỹ viết năm 1993 khi còn đang là trưởng đoàn Ca múa nhạc Nam Hà, Đài truyền thanh của huyện đã sử dụng làm nhạc hiệu từ hơn ba thập kỷ qua, và nó luôn được biểu diễn rộng rãi trong khắp các tầng lớp người dân trong huyện. Vì thế, với vai trò là người đang phụ trách Hội Văn học Nghệ thuật của tỉnh, tôi rất mong tới đây sẽ có những tác phẩm, những bài hát huyện ca cho Ý Yên, Vụ Bản, Nam Trực, Trực Ninh, hay những bài có chất lượng tốt hơn, mới hơn thay thế các huyện ca, thành phố ca mà các nhà Đài đang sử dụng.

Đến đây chúng ta có thể mạnh dạn nói rằng, âm nhạc Nam Định trên chặng đường 50 năm sau ngày thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) đã có những bước tiến vượt bậc, đáp ứng được nhu cầu của đông đảo khán giả, góp phần vào công cuộc bảo vệ và dựng xây quê hương Nam Định, cùng cả nước vượt qua thời kỳ kinh tế khó khăn, kịp thời bước sang thời kỳ đổi mới, đang tiến tới giai đoạn phát triển rực rỡ, hứa hẹn một tương lai tươi sáng huy hoàng. Phát huy thành quả đã đạt được, vững bước dưới ngọn cờ tiên phong của Đảng, Văn hóa - Văn nghệ nói chung, Âm nhạc nói riêng của đất Thiên trường Nam Định quê hương ta nhất định sẽ giành thêm nhiều thành quả mới, nhiều hoa thơm trái ngọt dâng hiến cho cuộc sống đang đổi thay từng ngày, và lưu lại hương thơm cho những ngày sau./.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH

Lê Thị Hạnh
Phó Trưởng phòng Quản lý Văn hoá, Sở VH-TTDL Nam Định

Nam Định là vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa và truyền thống cách mạng, quê hương của nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà văn hóa, bậc hiền tài, khoa bảng, những chiến sĩ cách mạng tiền bối và nhiều nhà lãnh đạo cách mạng xuất sắc. Với hệ thống di sản văn hóa có giá trị lịch sử, truyền thống như lễ hội đền Trần, Phủ Dầy, chùa Cổ Lễ, chùa Keo Hành Thiện... và nhiều loại hình nghệ thuật được lưu giữ như: hát chèo, hát chầu văn, rối nước, rối cạn... Đặc biệt, Nam Định còn là nơi hội tụ, lan tỏa thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt, được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) ghi danh vào danh mục “Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại”.

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Nam Định luôn quan tâm, chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về Văn học nghệ thuật nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, đồng thời góp phần xây dựng, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân; tạo điều kiện cho các hoạt động sáng tác, biểu diễn, quảng bá các tác phẩm Văn học nghệ thuật; phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ; tăng cường đầu tư cho lĩnh vực Văn học nghệ thuật phù hợp với sự phát triển chung của xã hội.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định với vai trò là cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực Văn học nghệ thuật đã nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng con người mới phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, đặc biệt hướng con người tới những giá trị chân, thiện, mỹ. Thực hiện nghiêm túc các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Nam Định, trong những năm qua Văn học nghệ thuật Nam Định đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, góp phần vào việc xây dựng và phát triển văn hoá của tỉnh và của cả nước. Đội ngũ văn nghệ sĩ của tỉnh ngày càng lớn mạnh, có nhiều tài năng xuất sắc. Các giá trị văn hoá truyền thống được bảo tồn và phát huy hiệu quả, cụ thể:

Công tác tuyên truyền phổ biến các nghị quyết của Đảng, Nhà nước về công tác Văn học nghệ thuật, các hoạt động sáng tác, biểu diễn, nghiên cứu, phê bình lý luận, đẩy mạnh việc Học tập và làm theo tấm gương, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” được tăng cường. Sở đã tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn nghệ thuật, phát huy tiềm năng sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ để có nhiều tác phẩm có chất lượng phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương, đáp ứng nhu cầu thưởng thức và hưởng thụ văn hóa - văn nghệ của các tầng lớp nhân dân, ngăn chặn các biểu hiện tư tưởng và hành vi sai lệch, tiêu cực cũng được tăng cường. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã chỉ đạo thực hiện nghiêm Chỉ thị số 46-CT/TW, ngày 27/7/2010, của Ban Bí thư, về “Chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội”, Thông báo Kết luận số 213-TB/TW, ngày 02/01/2009, của Ban Bí thư khóa X, về đấu tranh chống các quan điểm sai trái trong văn học, nghệ thuật; Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2015 của

Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030; Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 25/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”; định hướng, tuyên truyền, phổ biến kịp thời các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về lĩnh vực văn học nghệ thuật gắn với việc “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học - nghệ thuật trong thời kỳ mới”, UBND tỉnh Nam Định đã tăng cường đầu tư cho lĩnh vực Văn học nghệ thuật, tạo điều kiện cho các văn nghệ sĩ trong hoạt động sáng tác, biểu diễn, quảng bá các tác phẩm Văn học nghệ thuật phù hợp với sự phát triển chung của xã hội, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc, đồng chí Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã kết luận chỉ đạo: “Xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là nền tảng tinh thần, động lực phát triển và soi đường cho quốc dân đi; phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, thịnh vượng, tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện thành công mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI”, văn hóa được khẳng định là một lĩnh vực trọng yếu của quốc gia trong quá trình phát triển.

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Nam Định hiện có 02 đơn vị nghệ thuật trực thuộc là Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh và Triển lãm và Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị, kỷ niệm các ngày lễ lớn với nội dung và hình thức ngày càng đổi mới, đa dạng và chất lượng nghệ thuật được nâng cao. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật tiếp tục được tăng cường, thực hiện nghiêm các quy định tại Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn và các văn bản có liên quan. Thời gian qua, Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh và Triển lãm và Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, tổ chức sáng tác, dàn dựng nhiều chương trình nghệ thuật, vở diễn, chương trình, tiết mục nghệ thuật, nhiều đợt triển lãm và tuyên truyền cổ động trực quan lớn có chất lượng phục vụ nhiệm vụ chính trị, mừng Đảng, mừng Xuân được tổ chức nhân dịp diễn ra các sự kiện lớn của tỉnh và đất nước. Ngoài ra, Nhà hát Nghệ thuật truyền thống và Trung tâm Văn hoá, Điện ảnh và Triển lãm tỉnh cũng tham gia dàn dựng các tiểu phẩm, trích đoạn có nội dung tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội, phong trào xây dựng nông thôn mới, biểu diễn tuyên truyền ngoại khóa tại các trường học về chương trình biển đảo quê hương, phòng chống

ma túy học đường, tổ chức lưu diễn phục vụ nhân dân trong và ngoài tỉnh góp phần định hướng tư tưởng, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh ở địa phương. Các đơn vị nghệ thuật của tỉnh Nam Định luôn quan tâm đến nội dung kịch bản, đầu tư về chất lượng nghệ thuật để thu hút người dân theo dõi. Các vở diễn đều hướng tới nội dung tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng, đấu tranh, phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái để từ đó hướng con người đến chân - thiện - mỹ, bồi dưỡng tâm hồn và tình cảm, nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn trong cuộc sống.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng của tỉnh Nam Định đã phát triển cả về bề rộng và chiều sâu: thường xuyên tổ chức các cuộc thi, liên hoan văn nghệ quần chúng từ cấp cơ sở đến tỉnh; duy trì tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn như: chương trình nghệ thuật “Tết quê hương”, kỷ niệm Ngày Giải phóng miền Nam 30/4, Ngày quốc tế lao động 1/5, Ngày sinh nhật Bác 19/5, Ngày hội văn hóa thể thao nhân kỷ niệm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh 2/9... tạo khí thế phấn khởi trong toàn dân góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của đất nước.

Nghệ thuật nhiếp ảnh tỉnh Nam Định cũng có nhiều khởi sắc: chủ đề sáng tác mở rộng phong phú về đời sống xã hội, từ những cảnh quan văn hoá làng truyền thống như: cổng làng, cây đa, bến nước, mái đình, những sinh hoạt văn hoá dân gian mang đậm tính cộng đồng, làng nghề đến nền nếp gia phong, các loại hình nghệ thuật dân gian, mỹ tục trong các lễ hội... các nghệ sĩ nhiếp ảnh Nam Định đã có nhiều tác phẩm xuất sắc được tuyển chọn tham gia trưng bày, triển lãm tại các cuộc thi, liên hoan: Ảnh đẹp du lịch Nam Định, Ảnh nghệ thuật khu vực đồng bằng sông Hồng, Ảnh nghệ thuật Việt Nam, Cuộc thi “Ảnh nghệ thuật Nam Định” năm 2024. Tích cực khuyến khích các nghệ sĩ, nghệ nhân tham gia các cuộc thi, triển lãm, trưng bày, hội chợ về mỹ thuật, nhiếp ảnh. Các cuộc triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh được tổ chức có chất lượng đã góp phần khẳng định đội ngũ những người làm nghệ thuật ở Nam Định luôn trưởng thành, vững vàng về chính trị, say mê và trách nhiệm trong sáng tác, góp phần không nhỏ quảng bá hình ảnh quê hương Nam Định đến với bạn bè trong và ngoài tỉnh.

Để Văn học nghệ thuật tỉnh Nam Định phát triển và đáp ứng những yêu cầu mới, với tinh thần “Đoàn kết, đổi mới, sáng tạo và nhân văn, đồng hành cùng sự nghiệp xây dựng, phát triển và hội nhập của quê hương văn hiến Nam Định”, Văn học nghệ thuật tỉnh đang tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ và các loại hình sáng tác; tổ chức tốt các chuyến đi thực tế, tham dự các trại sáng tác Văn học nghệ thuật của Trung ương, của tỉnh và các bộ môn, tạo cảm hứng sáng tác; mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức mọi mặt các cho văn nghệ sĩ; huy động nguồn lực xã hội hoá trong hoạt động Văn học nghệ

thuật; xây dựng quy chế quản lý Quỹ hỗ trợ sáng tạo Văn học nghệ thuật trong từng giai đoạn hợp lý để đầu tư cho các tác phẩm chiều sâu; thu hút các nguồn lực hỗ trợ cho sự nghiệp phát triển Văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới; tăng cường phát triển các kênh giới thiệu các tác phẩm Văn học nghệ thuật, quảng bá các tác phẩm Văn học nghệ thuật đến công chúng, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển Văn học nghệ thuật, đồng hành cùng phát triển đất nước trong kỉ nguyên vươn mình của dân tộc và hội nhập quốc tế.

Hiện nay, tỉnh Nam Định đã có một giải thưởng riêng về lĩnh vực văn học, nghệ thuật dành cho đội ngũ văn nghệ sĩ là Giải thưởng Lương Thế Vinh. Giải thưởng mang tên một trong những bậc tài danh của dân tộc Việt Nam và quê hương Nam Định - Trạng nguyên Lương Thế Vinh, được tổ chức định kỳ 5 năm một lần nhằm ghi nhận và biểu dương kết quả lao động sáng tạo trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật của văn nghệ sĩ của tỉnh, cùng văn nghệ sĩ cả nước góp phần vào sự nghiệp đổi mới - phát triển văn học nghệ thuật. Đây là giải thưởng cao nhất và danh giá nhất của tỉnh dành cho lĩnh vực sáng tác Văn học nghệ thuật, nhằm ghi nhận và vinh danh văn nghệ sĩ là công dân của tỉnh Nam Định.

Trong những năm qua, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã tích cực phối hợp với Hội Văn học Nghệ thuật Nam Định thực hiện tuyên truyền, vận động đội ngũ văn nghệ sĩ sáng tác, quảng bá tác phẩm Văn học nghệ thuật, báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, quảng bá các tác phẩm văn học nghệ thuật dưới nhiều hình thức: báo chí, xuất bản, biểu diễn nghệ thuật, đặc biệt thông qua website sovhttdl.namdinh.gov.vn. Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh hiện có hơn 260 hội viên ở 7 bộ môn, gồm: văn xuôi, thơ, nghiên cứu - sưu tầm, âm nhạc - múa, nhiếp ảnh, mỹ thuật, sân khấu. Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh thường xuyên chăm lo bồi dưỡng, làm tốt công tác định hướng tư tưởng cho đội ngũ văn nghệ sĩ, động viên, khuyến khích các văn nghệ sĩ tích cực sáng tác, phản ánh sinh động, phong phú, đa dạng sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc, công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển của quê hương. Hội viên Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh đã sáng tác, xuất bản, quảng bá tới công chúng các tác phẩm Văn học nghệ thuật với nhiều loại hình: tiểu thuyết, tập truyện ký, tập thơ, công trình nghiên cứu - phê bình, công trình đạo diễn, tác phẩm âm nhạc và hàng nghìn tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh với các chủ đề về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới; chủ quyền biển, đảo quê hương; giới thiệu hình ảnh mảnh đất, con người, những nét văn hóa truyền thống trên quê hương Nam Định, hàng trăm tác phẩm được trao giải thưởng, huy chương tại các cuộc thi, liên hoan, triển lãm do các Hội Mỹ thuật Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam tổ chức. Nhiều tác phẩm đạt giải cao tại các cuộc thi quốc gia, quốc tế và khu vực. Công tác định hướng tư tưởng cho đội ngũ văn nghệ sĩ, động viên, khuyến khích

các văn nghệ sĩ tích cực trong hoạt động sáng tác; tạo điều kiện cho các văn nghệ sĩ tham gia các trại sáng tác do Trung ương, Hội Văn học, Nghệ thuật tỉnh tổ chức. Thông qua việc tham dự trại sáng tác, các hội viên có cơ hội được giao lưu, học hỏi, trao đổi, tích lũy thêm kinh nghiệm chuyên môn.

Nhìn chung, công tác tổ chức và quản lý nhà nước về Văn học nghệ thuật trên địa bàn tỉnh Nam Định luôn được quan tâm khuyến khích, phát triển tài năng của các văn nghệ sĩ, đồng thời góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, tạo không khí thi đua sôi nổi trong sáng tạo Văn học nghệ thuật. Các tác giả, tác phẩm Văn học nghệ thuật đã có nhiều cố gắng trong tìm tòi sáng tạo, tham gia đấu tranh với cái ác, cái xấu, bảo vệ cái thiện, cái tốt; phát huy nhân cách, lối sống lành mạnh trong xã hội, công tác sưu tầm, quảng bá, giới thiệu tác phẩm, tác giả Văn học nghệ thuật được quan tâm, đội ngũ văn nghệ sĩ từng bước được trẻ hóa, có lòng yêu nước, tự hào dân tộc, có tâm huyết với nghề. Sự nghiệp Văn học nghệ thuật của tỉnh có bước đổi mới, bám sát và phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị, góp phần vào việc giữ vững ổn định và phát triển của tỉnh. Trong những năm qua Văn học nghệ thuật đã có nhiều cố gắng nỗ lực vượt qua thách thức, nhất là đại dịch COVID-19. Một mặt phải đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn học nghệ thuật ngày một cao của công chúng độc giả, các phương tiện thông tin đại chúng phát triển; một mặt phải đối diện với điều kiện sáng tác còn gặp nhiều khó khăn, nguồn kinh phí nhà nước giành cho văn học, nghệ thuật còn hạn chế, tác động của những tiêu cực xã hội. Trong bối cảnh ấy, bằng tình yêu cuộc sống, niềm say mê sáng tác, bản lĩnh nghệ thuật vững vàng và sự năng động trong sáng tạo nghệ thuật các văn nghệ sĩ đã có được những sản phẩm nghệ thuật đặc sắc. Phong trào Văn học nghệ thuật của tỉnh Nam Định đã có nhiều chuyển biến, chất lượng các tác phẩm từng bước được nâng cao; nhiều công trình nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn di sản văn hóa quê hương đã phát huy hiệu quả thiết thực. Đội ngũ văn nghệ sĩ của tỉnh được xây dựng ngày càng nâng cao về số lượng và chất lượng.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác quản lý nhà nước về Văn học nghệ thuật vẫn còn tồn tại một số hạn chế như sự thiếu đồng bộ trong các chính sách, quy định. Nguồn lực đầu tư cho Văn học nghệ thuật còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của Văn học nghệ thuật. Công tác quảng bá các tác phẩm Văn học nghệ thuật ra công chúng chưa được chú trọng đúng mức.

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, phát huy những thành tựu và khắc phục những hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về Văn học nghệ thuật tỉnh Nam Định, trong thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật: Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về Văn học nghệ thuật, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và phù hợp với thực tiễn;

Thứ hai, tăng cường đầu tư nguồn lực cho Văn học nghệ thuật: Tăng kinh phí đầu tư cho các hoạt động Văn học nghệ thuật đặc biệt là các chương trình, dự án bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhân dân;

Thứ ba, phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ: Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích đội ngũ văn nghệ sĩ sáng tạo các tác phẩm có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao đồng thời tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ văn nghệ sĩ trẻ;

Thứ tư, đẩy mạnh công tác xã hội hoá Văn học nghệ thuật: Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, tài trợ cho các hoạt động văn hoá nghệ thuật, góp phần đa dạng hoá nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực Văn học nghệ thuật;

Thứ năm, nâng cao năng lực quản lý của các cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước, đảm bảo tính chuyên nghiệp và hiệu quả; Đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu các tác phẩm Văn học nghệ thuật đến công chúng trong nước và nước ngoài;

Thứ sáu, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước về Văn học nghệ thuật góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

Công tác quản lý nhà nước về Văn học, nghệ thuật trên địa bàn tỉnh Nam Định đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần vào việc xây dựng và phát triển văn hoá của tỉnh. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức đặt ra, đòi hỏi sự nỗ lực và quyết tâm của các cấp, các ngành trong việc nâng cao hiệu quả quản lý, tạo điều kiện cho Văn học nghệ thuật Nam Định phát triển bền vững./.

NGUYỄN KHẢI - MỘT NGÒI BÚT NỔI BẬT Ở “TÍNH VĂN ĐỀ”

***PGS.TS Thái Phan Vàng Anh
Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế***

Nguyễn Khải là một trong những nhà văn có quá trình sáng tác lâu dài, bền bỉ và nhiều sáng tạo. Ông cũng là một trong số không nhiều những nhà văn có dấu ấn phong cách riêng, thành công ở nhiều chặng đường sáng tác, với những tác phẩm thể hiện được các vấn đề cốt lõi của đời sống cũng như tinh thần của thời đại và dân tộc. Sinh năm 1930 tại Nam Định và mất năm 2008 tại thành phố Hồ Chí Minh, trong vòng 78 năm tại thế, Nguyễn Khải đã sáng tác gần 40 tập tiểu thuyết, truyện ngắn, kí, kịch..., liên tục trong hơn 40 năm, nếu tính từ tác phẩm đầu tiên, *Xây dựng* (truyện vừa - 1952), cho đến tác phẩm cuối cùng, tùy bút *Tìm lại cái tôi đã mất* (2006). Với sự nghiệp văn học đồ sộ, với những năm tháng phục vụ quân đội và cống hiến cho nền văn học nghệ thuật nước nhà¹⁷, Nguyễn Khải thật xứng đáng khi nhận được giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1982 cho cuốn tiểu thuyết *Gặp gỡ cuối năm*, giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2000 về văn học nghệ thuật và giải thưởng văn học ASEAN năm 2000.

Năm 1995, trong một lần trả lời phỏng vấn, Nguyễn Khải đã tự phân chia sự nghiệp sáng tác của mình thành hai thời kì: “Từ 1955 đến 1978, tôi sáng tác theo một cách, từ 1978 đến nay, theo một cách khác”¹⁸. Có cái “khác” này là bởi bối cảnh thời đại khác, đề tài và chủ đề, tư tưởng trong các tác phẩm ở hai giai đoạn này tất yếu không giống nhau. Tuy vậy, cho dù sáng tác ở bất kì đề tài gì, văn chương của Nguyễn Khải vẫn luôn có “tính văn đề”. “Tính văn đề” ấy, qua ngôn ngữ sắc sảo, sinh động, qua lối viết giàu triết lý và thiên về kể hơn tả, đã làm nên một phong cách hiện thực tinh táo của Nguyễn Khải, thống nhất trong toàn bộ các sáng tác của ông, dù ở bất kì một chặng đường hay một thể loại nào.

Nguyễn Khải bước vào làng văn không ồn ào như một số nhà văn khác. Trước khi vào làng văn, Nguyễn Khải là một chiến sĩ hoạt động văn nghệ ở cơ sở. Năm 1951, Nguyễn Khải được cử đi dự lớp huấn luyện ngắn hạn do hai chi hội văn nghệ liên khu III và IV tổ chức ở Thanh Hoá và được tiếp xúc với những nhà văn lớn như Nguyễn Tuân, Xuân Diệu... Sự kiện này đã nuôi dưỡng lòng ham muốn sáng tác, khích lệ Nguyễn Khải thử bút, để rồi từ đó, nền văn học Việt Nam thế kỉ XX đã có thêm một nhà văn lớn.

Cột mốc đầu tiên ghi dấu tài năng của Nguyễn Khải là truyện vừa *Xây dựng* được Giải thưởng khuyến khích về truyện và kí (1951-1952) của Hội Văn nghệ Việt Nam. Từ năm 1955 về sau, tài năng Nguyễn Khải ngày càng được khẳng

¹⁷ Nhà văn Nguyễn Khải (1930 - 2008), tên khai sinh là Nguyễn Mạnh Khải. Trước năm 1988, Nguyễn Khải làm việc trong quân đội. Năm 1988, ông rời quân đội với quân hàm Đại tá và làm việc cho Hội Nhà văn Việt Nam trong nhiều khóa liên (các khóa 2, 3 và 4). Ông từng là Phó Tổng Thư ký Hội Nhà văn Việt Nam (khóa 3), là Đại biểu Quốc hội khóa VII.

¹⁸ Trả lời phỏng vấn trên *Văn nghệ*, ngày 16-2-1999 (dẫn theo *Nguyễn Khải - Đời người đời văn* của Nguyễn Đăng Mạnh).

định. Năm 1959, *Xung đột* (tập I) ra đời, bước đầu khẳng định một phong cách riêng, gắn với những năm miền Bắc bắt đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. *Xung đột* đi sâu vào những mâu thuẫn gay gắt của xã hội. Tác phẩm viết về một vùng nông thôn công giáo xây dựng chủ nghĩa xã hội với tất cả những khó khăn phức tạp của nó. Ngôi bút tinh táo của Nguyễn Khải đã vạch trần âm mưu và những hành vi phản động của những kẻ mượn chiếc áo chùng tôn giáo để phá hoại. Cha Lân là một nhân vật phản diện được xây dựng khá thành công với giọng nói “cứ trơn nhầy như bọc ngoài một lớp nhót mỏng, rất khó nắm được ý thật của người nói và càng khó đề phòng”, với âm mưu dùng cái lưỡi như một vũ khí sắc bén, dùng nhà thờ như một khu vực tranh chấp không kẻ nào dám đoạt lại để chiếm đoạt lại tất cả, để thu phục thiên hạ. *Xung đột* là một thành công của Nguyễn Khải ở chặng đường đầu. Tác phẩm đã bộc lộ cái “tạng” riêng của nhà văn: “tính vẩn đục” của tác phẩm và một ngôi bút hiện thực tinh táo.

Năm 1960 tập truyện ngắn *Mùa lạc* ra đời tiếp tục khẳng định phong cách Nguyễn Khải. *Mùa lạc* tập trung khai thác đề tài xây dựng cuộc sống mới. Đây là đề tài quen thuộc của văn học những năm 60. Xuân Diệu ca ngợi màu “ngôi mới” biểu tượng cho sự hồi sinh của đất nước. Huy Cận reo vui trước viễn cảnh “Trời mỗi ngày lại sáng”. Tế Hanh viết về sự đổi thay của một nông trường cả phê đề nói lên cái rộng lớn của cuộc đời mới. Nguyễn Khải tìm đến mảnh đất Điện Biên lịch sử, nơi đã từng là bãi chiến trường máu lửa để nêu bật lên sự đổi thay của cuộc sống và con người. Trong *Mùa lạc*, ngôi bút Nguyễn Khải tập trung khai thác sự biến đổi của số phận con người, nêu lên con đường đi từ bóng tối ra ánh sáng của con người trong quan hệ xã hội mới. Phần lớn những truyện ngắn trong tập truyện *Mùa lạc* đều viết về cuộc sống ở nông trường Điện Biên - nơi tác giả đã từng đi thực tế để sáng tác. Cảm hứng chủ đạo của tập truyện là cảm hứng về sự hồi sinh. Cuộc sống hiện hình qua những sắc màu mon mơn của thiên nhiên: “Mùa xuân thứ hai đã đến. Màu xanh thắm của đỗ, của ngô, của lạc, màu xanh non của lá mạ, màu đỏ tươi của ớt chín lần dần lên các thứ màu nham nhở, man rợ khác của đất hoang”; “Giữa cái màu xanh lặng lẽ của lá lạc, lá cỏ nghệ... nổi lên một miếng vàng sẫm của mấy mảnh gianh và lá cốt đàn lẫn lên nhau” (*Mùa lạc*). Trên cái nền hồi sinh của cuộc sống, nhà văn đặc biệt quan tâm đến những con người bất hạnh, có một quá khứ đầy gian khổ và được đổi đời trong môi trường lao động mới. Chị Đào, người phụ nữ xấu số, tứ cố vô thân, “đòn gánh trên vai, tối đâu là nhà, ngã đâu là giường” đã được tìm thấy tình yêu, hạnh phúc ở mảnh đất Điện Biên (*Mùa lạc*). Em Tám, một đứa trẻ mồ côi, tuổi thơ bị ngược đãi nên mất niềm tin vào cuộc đời, tâm hồn cần cỗi, vẩn đục, đã tìm được sự cứu rỗi và có lại được niềm tin vào con người (*Đứa con nuôi*). Cô Thoa, một người phụ nữ giàu lòng yêu thương, khao khát hạnh phúc nhưng không được may mắn trong tình duyên và bị coi rẻ, cuối cùng đã vươn lên tìm thấy chỗ đứng xứng đáng của mình (*Truyện người tổ*

trường máy kéo). Nhìn chung, tác phẩm của Nguyễn Khải những năm 60 thường nghiêng về cảm hứng phê phán, chẳng hạn như truyện vừa ra đời sau tác phẩm *Mùa lạc* là *Tâm nhìn xa* (1963). *Tâm nhìn xa* gây được sự chú ý khi phê phán những mặt tiêu cực của phong trào hợp tác hoá nông nghiệp những năm 60. Có thể nói, nêu vấn đề và phê phán để hướng đến những giá trị tốt đẹp của con người, của tập thể và của đời sống mới, ngay từ chặng đường sáng tác đầu tiên, Nguyễn Khải đã xác lập được dấu ấn riêng của mình qua việc “đặt vấn đề” về những vấn đề trọng đại của đất nước, về mối quan hệ giữa quyền lợi tập thể, nhà nước và quyền lợi cá nhân.

Những năm chống Mỹ (1965-1975), Nguyễn Khải tập trung viết về đề tài chiến tranh. Nhìn chung, tác phẩm của ông nhằm ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Đáng chú ý ở giai đoạn này, có thể kể đến ký sự *Họ sống và chiến đấu* (1966) và hai tiểu thuyết *Đường trong mây* (1970), *Ra đảo* (1970). *Họ sống và chiến đấu* là tập kí sự viết về những chiến công hào hùng của các chiến sĩ ở đảo Cồn Cỏ. *Đường trong mây* là tiểu thuyết viết về những chiến sĩ công binh vượt qua những thử thách khó khăn để làm đường thông xe. Tiểu thuyết *Ra đảo* xây dựng hình ảnh người chiến sĩ ở trận địa hải đảo. Những tác phẩm ở giai đoạn này đều nhằm ngợi ca sự sinh thầm lặng của những người anh hùng trên mặt trận chiến đấu.

Từ sau 1975 Nguyễn Khải sáng tác liên tục và gây được sự chú ý trong bạn đọc cũng như giới phê bình nghiên cứu. Nguyễn Khải được xem là một trong những nhà văn thuộc thế hệ cũ có nhiều tìm tòi đổi mới. Nếu như trước 1975 tác phẩm Nguyễn Khải thiên về những vấn đề thời sự nóng bỏng thì trong giai đoạn này nhà văn thiên về những vấn đề đạo đức xã hội với cách viết đầy chất triết luận. “Tính vấn đề” trong văn chương Nguyễn Khải tiếp tục bộc lộ rõ ở chặng đường này qua những đề tài mới, cách nhìn mới. Hiện thực đất nước và xã hội miền Nam sau chiến tranh trở thành mảnh đất màu mỡ cho nhà văn khai phá. Trong *Gặp gỡ cuối năm*, Nguyễn Khải đã nói lên quan điểm sáng tác của mình: “Tôi thích cái hôm nay, cái hôm nay ngồn ngộn, bẽ bộn, bóng tối và ánh sáng, màu đỏ với màu đen, đầy rẫy những biến động, những bất ngờ, mới thật là mảnh đất phì nhiêu cho các cây bút thả sức khai vớ”. Đây cũng là chặng đường văn học, mà tính đối thoại được thể hiện rõ ở các trang viết của Nguyễn Khải, một cây bút ưa thích khai thác “tính vấn đề” của đời sống.

Trong những năm đầu, Nguyễn Khải cho ra đời một “chùm liên hoàn” ba tác phẩm cùng khai thác đề tài cuộc sống và con người ở miền Nam sau giải phóng: *Cách mạng* (1978), *Khoảnh khắc đang sống* (1982), *Gặp gỡ cuối năm* (1982). Chủ đề chính của cả ba tác phẩm là sự lựa chọn. Vở kịch *Cách mạng* viết về những trí thức miền Nam đến với cuộc sống mới với những mặc cảm lẫn ảo tưởng về quá khứ. Tuy vậy, họ đã lựa chọn cho mình một chỗ đứng có trách nhiệm trong cuộc sống mới. *Gặp gỡ cuối năm* là tác phẩm thành công và gây được tiếng

vang của Nguyễn Khải. Đây là cái mốc thể hiện sự thay đổi bút pháp của Nguyễn Khải. Đề tài mới. Cách viết mới. Thời gian của truyện được nhà văn dồn nén trong mấy tiếng đồng hồ - khoảnh khắc giao thừa khi năm cũ qua, năm mới đến. Không gian truyện thu hẹp trong phạm vi một cuộc gặp gỡ giữa vài ba người. Trong không thời gian nhỏ hẹp đó Nguyễn Khải đã thể hiện thành công một vấn đề của cuộc sống ngay sau ngày đất nước thống nhất: sự lựa chọn. Nhân vật trong tác phẩm là những trí thức miền Nam trong giai đoạn giao thời buộc phải lựa chọn một chỗ đứng giữa cái mới và trật tự cũ. Họ là những người cùng máu thịt, anh chị em trong một nhà, vừa là những người đối lập nhau trong việc lựa chọn một cách sống phù hợp. Nhân vật nổi bật nhất của tác phẩm, bà Hoàng, con người “định đứng hẵn lại, đứng nguyên một chỗ, đứng không xê dịch” nhưng cuối cùng đã quyết định hoà nhập với cuộc sống mới như một tất yếu. Qua tình huống lựa chọn, tác phẩm đã khẳng định sự thắng thế của lí tưởng mới.

Đề tài tôn giáo cũng là đề tài phổ biến và được thể hiện thành công trong tác phẩm Nguyễn Khải. Đây là đề tài chiếm vị trí quan trọng trong sự nghiệp văn chương của Nguyễn Khải. Chính nhà văn cũng đã thừa nhận: “Đó là đề tài mà tôi yêu thích”. Cũng theo tác giả: “Tiểu thuyết *Cha và con, và...* là một cách viết lại những điều đã viết trong *Xung đột*. Rồi lại nghĩ là còn chưa đủ nên trong *Thời gian của người* một lần nữa tôi lại bàn tiếp về tôn giáo”¹⁹. Từ *Xung đột* (1959) ở giai đoạn trước, đến *Cha và con, và...* (1979) và *Thời gian của người* (1985), *Điều tra về một cái chết* (1985) ở giai đoạn sau, Nguyễn Khải đã đề cập được nhiều vấn đề bức xúc trong mối quan hệ giữa đạo và đời. Đáng chú ý là Nguyễn Khải không viết về tôn giáo chỉ để nói chuyện đạo, hay để thể hiện niềm tin và tín ngưỡng với một tôn giáo duy nhất. Nguyễn Khải từng tâm sự: “Tôi là người viết nhiều về các tu sĩ của các tôn giáo lớn: Thiên Chúa giáo, Phật giáo, Cao Đài giáo,...”²⁰. Viết về tôn giáo, dù là bất kì tôn giáo nào, Nguyễn Khải cũng hướng đến đối thoại để nhấn mạnh mối quan hệ giữa đạo và đời, đến nguy cơ tôn giáo bị quyền lực chi phối. Với tác giả, tôn giáo là sự lựa chọn đức tin của mỗi người. Và bằng cách đặt ra các vấn đề về tôn giáo, tác giả đã lưu ý đến những lựa chọn thiện lương và tốt đẹp, gắn với những lựa chọn đức tin. Trong *Thời gian của người*, Nguyễn Khải đã để cho nhân vật Quân nói về tôn giáo: “Theo tôi, các tôn giáo phải tự giải phóng ra khỏi cái ám ảnh về quyền lực thì mới tồn tại được, kể cả quyền lực về tinh thần. Phải là lĩnh vực bình đẳng nhất, tự do nhất, dân chủ nhất, người ta chỉ đến với tôn giáo bằng tình yêu, bằng trái tim, bằng những suy ngẫm cao cả để cuộc sống bản thân trở nên siêu việt”. Trong thế giới của đức tin, Nguyễn Khải không chỉ xây dựng

¹⁹ Xem bài trả lời bạn đọc báo Tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh của Nguyễn Khải năm 1995 “Nếu như trái tim tôi chưa nguội lạnh” (sau được in trong *Chuyện nghề*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 1999).

²⁰ Nguyễn Khải (2007), *Nghĩ muộn* (bài viết trả lời các câu hỏi của *Tuyết Nga_tác giả cuốn sách "Phong cách văn xuôi Nguyễn Khải"*, https://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/nghi_muon.html

những nhân vật phản diện đối lốt thầy tu như cha Lân (*Xung đột*) mà còn dành lòng trân trọng, cảm phục cho những nhân vật đại diện Chúa như cha Thu (*Cha và con, và...*), Vĩnh (*Thời gian của người*).

Văn học viết về tôn giáo và nhà văn mang cảm quan tôn giáo vốn không nhiều ở Việt Nam. Với bộ tiểu thuyết *Cửa biển*, Nguyễn Hồng đã viết về Ki Tô giáo với cảm hứng lãng mạn chi phối cái nhìn về đức tin tôn giáo. Khác Nguyễn Hồng, triết luận tôn giáo là nguồn cảm hứng chủ đạo trong sáng tác của Nguyễn Khải. Ở tác phẩm nào, nhà văn cũng ngẫm nghĩ và suy tư về tôn giáo. Nếu *Xung đột* thể hiện cái nhìn đối kháng nhị nguyên (linh mục - nhân dân, tôn giáo - xã hội chủ nghĩa, địch - ta) thì ở *Cha và con và...* đã là sự hòa hợp giữa đạo và đời. Nếu ở *Xung đột*, nhà văn viết về quyền lực tối thượng của tôn giáo, thông qua hình tượng cha Lân với tham vọng từ tòa giảng nhà thờ tiến công, thu phục thiên hạ; thì ở *Cha và con và...*, Nguyễn Khải đã nhìn thấy tôn giáo “sẽ thuộc phạm trù của văn hóa chứ không còn thuộc phạm trù quyền lực như hiện tại”. Càng về sau, những triết luận, suy niệm về tôn giáo trong văn chương của Nguyễn Khải ngày càng sâu sắc: “Tôn giáo phải tự giải phóng ra khỏi cái ám ảnh về quyền lực thì mới tồn tại được, kể cả quyền lực về tinh thần” (*Thời gian của người*). Thông qua đề tài tôn giáo và “tính vấn đề” ở đề tài này, có thể nhìn thấy những thay đổi rõ rệt trong tư duy tiểu thuyết của nhà văn. Lúc này bên cạnh tính triết luận là tính đối thoại, bên cạnh cái nhìn quyền uy của tác giả là cái nhìn đa diện từ nhiều vị trí, góc nhìn. Không tuyên bố về sự cần thiết phải đổi mới triết để một nền văn học sau chiến tranh, sau 1986, như Nguyễn Minh Châu; song, những tác phẩm của Nguyễn Khải giai đoạn từ 1978 trở đi (theo cái mốc tự tác giả phân chia các giai đoạn trong sự nghiệp sáng tác của mình), dù chỉ nhìn từ đề tài tôn giáo cũng đã cho thấy ý thức đổi mới của nhà văn trên nhiều phương diện. Và như thế, Nguyễn Khải khá gần với các nhà văn có những đối thoại liên tôn giáo ở giai đoạn sau như Nguyễn Việt Hà, Hồ Anh Thái. Bởi nếu Nguyễn Việt Hà cho rằng “với những đặc tính ưu việt mà chỉ riêng nó có, tôn giáo siêu thắng ra khỏi những ràng buộc của cái chung và cái riêng, nói cách khác, của cái “một” và cái “nhiều”. Nó giống hết như cuộc sống nhưng luôn tái tạo cuộc sống theo chiều kích hướng thượng hoặc hướng nội” (*Khải huyền muôn*); thì theo Nguyễn Khải “mọi niềm tin hướng về sự cao thượng đều có giá trị như nhau, đều giúp cho con người sống nhẹ nhõm hơn, vui vẻ hơn vì đã có nhiều hi vọng hơn”²¹. Và nếu trong tác phẩm của Hồ Anh Thái, tiếng nói của nền văn hóa này và nền văn hóa khác, của đức tin này và đức kia liên tục được vang lên nhằm cho thấy thế tục và tôn giáo không tách rời (*Đức Phật*,

²¹ Nguyễn Khải (2007), *Nghĩ muôn* (bài viết trả lời các câu hỏi của Tuyết Nga tác giả cuốn sách "Phong cách văn xuôi Nguyễn Khải", https://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/nghi_muon.html)

nàng Sivitri và tôi, Dấu về gió xóa...), thì ngay từ sớm, các câu chuyện đạo và đời cùng những xung đột và hóa giải của nó đã là “một vấn đề” được triết luận trong nhiều tác phẩm của Nguyễn Khải.

Có nhà nghiên cứu cho rằng, Nguyễn Khải là cây bút có “hứng thú nghiên cứu thực tại”. Thực ra, từ sau 1975, các nhà văn đã từng sáng tác ở những giai đoạn trước đều có những biến đổi trong sáng tác. Nhưng có thể nói, Nguyễn Khải là một trong những nhà văn tiên phong và nhiều suy nghĩ về nghề, về vấn đề “phải đổi cách viết đi”. Sau 1975, tác phẩm của Nguyễn Khải chính là những triết luận về cuộc sống hiện tại, những triết lý về thời thế. Những vấn đề Nguyễn Khải quan tâm là khoảng cách giữa hai thế hệ (*Thời gian của người* (1985), *Vòng sóng đến vô cùng* (1987)...), sự đổi thay của cuộc sống sau chiến tranh đã làm đảo lộn mọi số phận, đưa đến vận may cho người này và vận rủi cho người khác (*Anh hùng bĩ vận, Một cõi nhân gian bé tí, Cái thời lãng mạn...*). Ở nhiều tác phẩm Nguyễn Khải thường để cho nhân vật của mình phát biểu quan niệm của nhà văn. “Chuyện của hôm nay đau buồn đến đâu, đau bức đến đâu vẫn cứ vui, vì nó là máu thịt của hôm nay, của giờ này, nó tươi rói, nó đỏ hồng”. Quan tâm đến “chuyện”, đến bất cứ cái gì, điều gì đang diễn ra, đang là tiêu điểm của đời sống, phải chăng chính là nguyên nhân khiến “tính vấn đề” luôn được nhà văn ưu tiên trong các tác phẩm của mình?

Nguyễn Khải là nhà văn khơi nguồn cho dòng văn học thế sự - chính luận. Chọn hướng sáng tác với các tác phẩm giàu tính vấn đề như thế, văn chương Nguyễn Khải không phải không có lúc nặng về biện luận, lý giải, triết lý khô khan. Nhà văn Ngô Thảo từng có một ý kiến khá thú vị rằng cứ từ nhan đề mà suy thì khó có thể biết được tác giả thuộc ngành khoa học nào, khi nhắc đến các nhan đề tác phẩm của Nguyễn Khải (chẳng hạn như *Xây dựng, Người con gái quang vinh, Một chặng đường, Xung đột, Mùa lạc, Ra đảo, Chiến sĩ, Chủ tịch huyện, Cách mạng...*). Thế mà, tác phẩm của Nguyễn Khải vẫn hấp dẫn và nhà văn vẫn tạo được một giọng văn riêng. Theo nhà nghiên cứu Vương Trí Nhàn: “Về mặt bút pháp mà xét thì trước sau Nguyễn Khải vẫn trung thành với mình. Vẫn thích lối kể hơn lối tả”. Trong tác phẩm Nguyễn Khải chất đời, tính thế sự nhiều hơn. Nhân vật của Nguyễn Khải hiếm khi được tác giả dụng công miêu tả về ngoại hình. Thông thường nhà văn chỉ chú ý kể, nhận xét hoặc thuyết minh về nhân vật. Tuy vậy, sức hấp dẫn của tác phẩm Nguyễn Khải lại chính là ở cách kể chuyện rất “có duyên” này. Nguyễn Khải có lối kể như “rủ rê mời gọi đối thoại, vừa kể vừa ngạc nhiên về những điều mình kể, vừa kể vừa phân tích, vừa suy ngẫm vừa pha trò, vừa là người trong cuộc lại vừa tự tách mình khỏi câu chuyện mà bình luận, đánh giá... cho bạn đọc cảm giác thân mật tin cậy. Đó là cái duyên mặn mà của riêng Nguyễn Khải”. Tác phẩm của Nguyễn Khải thường được xây dựng từ những mẫu đối thoại sinh động của các nhân vật sắc sảo, thích đối thoại. Cái tài của Nguyễn

Khải là xây dựng ngôn ngữ cá thể hoá, biến đổi, linh hoạt. Trong truyện ngắn *Mùa lạc*, nhân vật Đào được khắc hoạ đầy cá tính một phần là nhờ ngôn ngữ đối thoại. Khi mặc cảm về thân phận hẩm hiu thì “Trâu quá xá, mạ quá thì, hồng nhan bỏ bị còn gì là xuân”; khi phản ứng lại người khác thì lời lẽ của Đào trở nên ngoa ngoắt, chanh chua “Huệ thơm bán một đồng mười, huệ tàn nhị rửa giá đôi lạng vàng. Giá đôi lạng vàng chứ chưa vị tất đã bán đâu...”. Đến *Gặp gỡ cuối năm*, hầu như nhân vật được xây dựng thông qua ngôn ngữ đối thoại là chủ yếu. Nhân vật của Nguyễn Khải, những Hoàng, Đại, Quân, Hảo, Quý, Bình đều nói năng thẳng thắn, đốp chát nảy lửa.

“Chị Hoàng bùng lấy mặt, rên rĩ:

- Thôi, không nói nữa nhé, ghê quá, câu chuyện của anh ghê quá!

Anh Chương cười nhạt:

- Cái bà này miệng hùm gan sứa thật. Muốn làm loạn mà sợ máu người à?

Chị Hoàng nửa nhăn mặt nửa cười:

- Mình chỉ thích có người khác làm thôi, còn mình thì sợ lắm.

Anh Quý:

- Tiếc rằng bà đã già quá và cũng xấu quá, nên khó có chàng hiệp sĩ nào muốn xả thân vì bà!

Chị Hoàng cầm một chiếc đĩa lao về phía ông bạn cố tri:

- Thối! Làm nghề ngoại giao mà ăn nói đến thô tục”

Trong *Một thời gió bụi*, chỉ bằng mấy lời đối thoại, Nguyễn Khải khái quát được tính cách của những thành viên trong gia đình Tú khi anh tính trở về quê hương sau khi nghỉ hưu:

“Con gái anh cười to:

- Thời buổi này mà dám chê tiền kẻ cũng lạ nhỉ?

Thằng con cũng cười:

- Thảo nào từ ngày hết chiến tranh bố không viết được bài báo nào hay.

Bà mẹ vénh mặt lên khinh khỉnh:

- Bố chúng mày cứ như người trên trời rơi xuống ấy”

Một thành công khác ở Nguyễn Khải là nghệ thuật sử dụng độc thoại nội tâm. Nhân vật Nguyễn Khải không đa dạng lắm và nhiều nhân vật mang bóng dáng cái tôi của nhà văn hoặc chính là nhà văn. Nhân vật của Nguyễn Khải thích tranh luận, triết lí nhưng ẩn sau cái giọng triết lí ấy là một con người trầm tư chiêm nghiệm, vì vậy bên cạnh những mẫu đối thoại nhà văn còn khắc hoạ nhân vật bằng độc thoại. Thật ra, độc thoại nội tâm cũng là một hình thức đối thoại ngầm. Ở tác phẩm của Nguyễn Khải, thật khó rạch ròi việc đối thoại và độc thoại nội tâm là sự lựa chọn của Nguyễn Khải để tạo tính vấn đề cho tác phẩm, hay chính tính vấn đề đã nhờ đối thoại và độc thoại của nhân vật mà hiển lộ ra. Có lẽ, đây chính là hai mặt của một tờ giấy trong văn chương Nguyễn Khải.

Tác phẩm Nguyễn Khải đa giọng điệu. Lúc hóm hỉnh hài hước, khi triết lí, lúc đùa cợt tự trào. Nhưng chủ âm trong tác phẩm Nguyễn Khải trước cũng như sau 1975 là giọng triết lí tranh biện. Đó là sự nhất quán trong phong cách văn xuôi Nguyễn Khải. Cũng nhất quán như Nguyễn Khải trước sau luôn là một cây bút nổi bật ở “tính vấn đề”. Nhìn chung, văn chương Nguyễn Khải thiên về cảm hứng phê phán. Nhà văn không ca ngợi một chiều mà tỉnh táo, lạnh lùng phơi bày hết mặt trái của các hiện tượng trong những năm tháng bước đầu dựng xây chủ nghĩa xã hội và những năm tháng thống nhất, đổi mới đất nước. Phong cách hiện thực tỉnh táo của Nguyễn Khải vẫn gắn kết với chất lí tưởng, chất lãng mạn cách mạng khi vừa phơi trần cái xấu của nhân vật phản diện lại vừa đầm thấm tin yêu khi viết về những nhân vật tốt đẹp. Có thể nói, về cơ bản Nguyễn Trãi vẫn là nhà văn hiện thực xã hội chủ nghĩa, dù ông đã để lại “dấu vân tay” ở văn học giai đoạn sau đổi mới. Trong xu hướng tiếp nhận của thế hệ trẻ hôm nay, một số vấn đề ở tác phẩm của Nguyễn Khải có thể không còn nhiều hấp dẫn. Song nhờ chất giọng và phong cách riêng biệt, văn chương Nguyễn Khải vẫn có một sức hút lớn và luôn gợi mở những suy ngẫm, đối thoại.

Năm 1995, khi *Nhìn lại những trang viết của mình* Nguyễn Khải vẫn mong muốn viết khác trước, bởi ông cho rằng: “Nghệ thuật đích thực phải là nhu cầu cấp thiết từ bên trong, từ ngọn lửa bùng cháy từ bên trong. Và khi nó đã phá ra được một cửa để câu chữ, hình ảnh, cách bố cục tràn ngập trên trang giấy thì chính người sinh thành ra nó cũng không biết là mới, là lạ, là đẹp, chỉ thấy phải như thế, bắt buộc là như thế”. Sau lần “nhìn lại” này, Nguyễn Khải vẫn tiếp tục có những tác phẩm mới như *Sống ở đời* (tập truyện, 2003), *Thượng đế thì cười* (tiểu thuyết, 2003), *Tìm lại cái tôi đã mất* (tùy bút, 2006); thể hiện quan niệm về một hình thức nghệ thuật mới: “Nó là sự từng trải già ẩn trong cái vỏ bọc trẻ. Là sự tích lũy dài ngày, một đời chạm được vệt sáng vĩnh cửu chói lòa trong giây phút”. Quả là đến những ngày tháng cuối đời, ngọn lửa bên trong của Nguyễn Khải vẫn luôn bùng cháy. Văn chương Nguyễn Khải vẫn luôn mang tính vấn đề, từ đề tài, cốt truyện đến nhân vật và lấp lánh chất trí tuệ của một nhà văn luôn ý thức sâu sắc rằng: “Nếu một truyện ngắn hoặc một cuốn tiểu thuyết chỉ có chuyện của người không có chuyện của mình thì mạng sống của nó không thể dài hơn một bài báo”²². Tính vấn đề và những đối thoại, triết luận về vấn đề trong văn chương Nguyễn Khải chính là cái phần “của mình” đã được nhà văn đưa vào tác phẩm. Cái phần “của mình”, riêng biệt ấy đã khiến những trang văn có phần khô khan, chính luận với những chi tiết, sự kiện được chép và kể lại bằng văn phong báo chí..., vẫn là những sáng tạo nghệ thuật mang đậm tư duy tiểu thuyết, góp phần khẳng định vị trí của Nguyễn Khải trong nền văn học Việt Nam hiện đại./.

²² Dẫn theo Nguyễn Đăng Mạnh (2020), *Nguyễn Khải - Đời người đời văn*, tạp chí *Nhà văn*, số 9.

**ĐÔI ĐIỀU Suy NGHĨ VỀ HOẠT ĐỘNG MỸ THUẬT NAM ĐỊNH
TỪ SAU NGÀY THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC**

***Họa sĩ Vũ Xuân Dương
Phó Chủ tịch Hội VHNT tỉnh Nam Định***

Thời gian gần đây phải thừa nhận rằng, phong trào mỹ thuật tỉnh Nam Định từ lúc thành lập cho đến nay đã và đang phát triển ngày càng lớn mạnh cả về chất và lượng. Để có được điều này phải nói đến vị trí, vai trò của Hội Văn học Nghệ

thuật tỉnh Nam Định, cũng như sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tỉnh ủy, sự phối hợp nhịp nhàng với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan, ban, ngành liên quan... là môi trường tạo điều kiện, định hướng, thúc đẩy có hiệu quả trong việc tổ chức tham dự triển lãm mỹ thuật luân phiên giữa các tỉnh, khu vực, Trung ương do Hội Mỹ thuật Việt Nam phát động...

Nhiều thế hệ họa sĩ đã trưởng thành và phát triển, định hình phong cách, ngôn ngữ tạo hình riêng biệt và chất lượng đã mở ra nhiều khuynh hướng sáng tác, mở rộng tầm nhìn... ở mỗi tác giả ít nhiều cũng đã đạt được hiệu quả nghệ thuật thông qua các tác phẩm đạt giải thưởng và trưng bày triển lãm, mỗi tác phẩm của họa sĩ đều ẩn mình trong dòng chảy thăng trầm của thời gian thể hiện và tư duy mang đậm dấu ấn sáng tạo cá nhân họa sĩ, mà sáng tạo, trước hết phải tiếp thu những tinh hoa của thế giới và kế thừa truyền thống là tính nguyên tắc để tồn tại và phát triển, nếu phủ nhận quá khứ thì sẽ chịu hậu quả nặng nề! Mỗi họa sĩ đều có tình cảm, sự rung động thẩm mỹ, mang cốt cách dân tộc, nơi mà mình đang sống và tôn thờ. Người sáng tạo nghệ thuật phải có kiến thức toàn diện tới một mặt nào đó, vì kiến thức là sự hỗ trợ qua lại cần thiết, người làm mỹ thuật cũng cần hiểu biết về thơ, văn, âm nhạc, sân khấu, triết học... vì nó là hành trang đi đến khám phá, sáng tạo mang tính độc lập, đối thoại và hoàn thiện, có cảm xúc thăng hoa và lắng đọng, nếu không, chỉ là một công cụ máy ghi chép không hơn, không kém.

Trong sáng tác nghệ thuật, mỹ thuật là thứ ngôn ngữ không cần phiên dịch, nó không có công thức cố định, nó diễn biến sinh động và biến ảo mà người họa sĩ muốn khẳng định. Không phải mấy ai cũng dễ làm được, nghệ thuật bắt nguồn từ hiện thực, các hương sắc đều được chiết xuất từ cuộc sống xã hội, đời sống nhân dân, nhận diện những giá trị, nghệ thuật là một công việc hết sức lao tâm khổ tứ, vừa là nghệ sĩ sáng tạo nghệ thuật lại vừa là người nghệ sĩ nhân chứng đối thoại những điều mắt thấy tai nghe, những phiếm luận về tác phẩm của một số họa sĩ chưa tâm phục, khẩu phục, một số tác phẩm để lại những dư âm trái chiều, dự báo như một định mệnh của số phận, một tâm hồn ẩn chứa không lời nổi niềm của người họa sĩ, một phần cũng nói lên rằng người lao động sáng tạo nghệ thuật nói chung và mỹ thuật nói riêng chưa tìm được tiếng nói chung hay nói đúng hơn chưa tìm được sự đồng điệu trong cuộc sống riêng tư và trong sáng tạo nghệ thuật.

Nhìn chung, trong nhiều năm qua mỹ thuật Nam Định cũng đã mở ra nhiều khả năng lớn, hé mở mới những nhân tố trẻ, những nhân tố tràn đầy sức sống và đam mê, nó là sự kết hợp giữa nhân tố các thế hệ khác nhau tạo thành một hợp âm với những giai điệu trầm bổng và sâu lắng của bến bờ cảm xúc, hiện đại và truyền thống, cùng đồng tâm nhất trí đưa nền mỹ thuật Nam Định vươn ra biển lớn, đó là một sự hứng khởi mùa xuân mạnh mẽ và rực rỡ, hòa chung với dòng chảy mỹ thuật đương đại và truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc.

Đôi điều suy nghĩ tản mạn về sáng tạo mỹ thuật của họa sĩ Nam Định một phần nào cũng muốn chứng minh rằng, mọi sự sáng tạo đều bắt nguồn từ hiện thực, từ sự sống của thiên nhiên đến hoạt động xã hội, con người và tri thức, không có gì là vu vơ và vô tình cả, nghệ sĩ nào cũng cùng mọi người cùng bay bổng với mình, cùng đồng cảm tâm đắc. Một điều chắc chắn không ai muốn lên thiên đàng một mình, bởi lẽ không ai một mình đi mà vui được.

Nhân đây, muốn nhắn gửi tới những người yêu mến, say mê, sáng tạo mỹ thuật mùa xuân năm Ất Ty - 2025. Đặc biệt đối với các họa sĩ Thành Nam và họa sĩ chi hội mỹ thuật Việt Nam, bộ môn Mỹ thuật Hội Văn học Nghệ thuật Nam Định nói riêng thấy đây là niềm tự hào và trách nhiệm nặng nề, là nơi hội tụ của mọi tài năng thông qua các tác phẩm nghệ thuật. Họa sĩ Nam Định có điều kiện thử sức mình trong dòng chảy nghệ thuật, khẳng định trong sáng tạo nghệ thuật, đóng góp một phần nhỏ bé trong công cuộc nâng tầm mỹ thuật của quê hương Nam Định, quê hương Đức Thánh Trần với khu vực, cả nước và thế giới.

“Nghệ thuật là bạc giả chỉ có một đồng bạc thật mà người nghệ sĩ muốn cho nhân loại biết nên phải lao động và sáng tạo” (Nhà văn L.Tonxtoi)./.

XUÂN TRÌNH - NGƯỜI KHƠI DẠY NHỮNG KHÁT KHAO ĐỔI MỚI CHO KỊCH NÓI VIỆT NAM

***TS Đỗ Thị Thanh Nga**
Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam*

Sân khấu kịch nói Việt Nam có một thời hoàng kim rực rỡ trong vòng mười năm (1985-1995) trở thành diễn đàn đối thoại cho những vấn đề bức bối trong một xã hội đang chuyển mình đòi hỏi đổi mới. Đóng góp cho những thành tựu của kịch nói thời kỳ này, có thể kể tên của các kịch tác gia hàng đầu như Lưu Quang

Vũ, Doãn Hoàng Giang, Đào Hồng Cẩm,... nhưng người thực sự đi tiên phong, mạnh dạn khai phá, mở ra lối đi mới cho nghệ thuật sân khấu là nhà viết kịch Xuân Trình (1936-1991) với những kịch bản, những bài báo đầy suy tư, trăn trở từ những năm 1970.

Nhà văn, nhà viết kịch Xuân Trình là một trong những nhà viết kịch hàng đầu của sân khấu hiện đại, từng giữ chức Phó Tổng thư ký Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, đã được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật và được đặt tên cho một đường phố ở thành phố Nam Định, quê hương ông.

Xuân Trình có gần 30 kịch bản được dàn dựng trên sân diễn của các đoàn nghệ thuật trên toàn quốc, trong đó có rất nhiều vở diễn nổi tiếng gây nên nhiều tranh luận về nội dung, tư tưởng, nghệ thuật từ giữa những năm 60 - 90 của thế kỷ XX như *Chuyện những người du kích*; *Quê hương Việt Nam*; *Lập xuân*; *Hận thù từ đâu tới*; *Bạch đàn liễu*; *Ngôi nhà trong thành phố*; *Xóm vắng*; *Cố nhân*; *Thời tiết ngày mai*; *Đợi đến mùa xuân*; *Chuyện tình trong rừng cấm*; *Mùa hè ở biển*; *Nửa ngày về chiều*... Xuân Trình đã tạo nên các tác phẩm có tính dự báo cao và gây chấn động dư luận đương thời. Ông viết những chuyện rất thật, rất nhỏ từ chính bối cảnh mà ông đang sống nhưng vấn đề đặt ra lại không hề nhỏ và không bị giới hạn bởi tính thời sự nhất thời. Để làm được điều ấy, Xuân Trình đã dám dấn thân và chấp nhận hệ lụy cho định chế xã hội và nghệ thuật. Trong cuộc đời làm nghệ thuật của mình, ông có nhiều vở bị kiểm duyệt nhiều lần, dàn dựng nhiều lần vẫn không được ra mắt công chúng.

Nhà viết kịch Lê Quý Hiền cũng như nhiều nhà nghiên cứu, nhà viết kịch, đạo diễn cùng thời với Xuân Trình khi nói về kịch của tác giả này đã không ngần ngại so sánh với Lưu Quang Vũ. Tài năng của Lưu Quang Vũ được chấp cánh bằng thái độ cởi mở của xã hội khi cận kề cánh cửa đổi mới, những góc nhìn văn học nghệ thuật mang tính khách quan hơn, nên tài năng ấy đã thành “hiện tượng Lưu Quang Vũ”. Trong khi đó, tài năng của Xuân Trình xuất hiện trước giai đoạn đổi mới gần mười năm, khi những định chế văn học, văn hóa do hoàn cảnh lịch sử trói buộc đã khiến những tác phẩm của ông trở thành “hiện tượng lặn đạn” trong đời sống sân khấu thời chiến tranh và bao cấp. Xuân Trình và Lưu Quang Vũ đều là những tài năng lớn, nghệ thuật viết kịch của hai ông hoàn toàn khác nhau nhưng đều có chung phẩm chất của người nghệ sĩ lớn là trách nhiệm công dân trong trái tim nồng nàn trước cuộc sống, từ đó tác phẩm tràn đầy tính phản biện và dự báo.

Bằng sự nhạy cảm, tinh tế của một nhà báo thực thụ, Xuân Trình đem vào kịch bản những hiện thực đời sống sinh động. Ngòi bút tài năng đã đem đến những góc nhìn mới, riêng biệt, độc đáo, mang nhiều tính phát hiện về con người cá nhân, về quan niệm tập thể, giá trị đạo đức xã hội qua từng kịch bản. Những phát ngôn trái chiều tư duy thông thường đôi khi bị coi là “có vấn đề trong lập trường tư

tưởng” trong những thời điểm lịch sử nhất định cũng khiến cho tác phẩm khó đến được với công chúng. Không chỉ vở *Bạch đàn liễu*, các vở *Ngôi nhà trong thành phố* (1973), *Hận thù từ đâu tới* (1975) dù đã được dựng thành kịch nhưng không thể đến được với công chúng.

Từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, Xuân Trinh đã xác lập một thế giới quan đa chiều, khác với đa phần nghệ sĩ đương thời. Trong bài viết *Nâng cao chất văn học của kịch chống Mỹ*, ông đã có những phê phán với những vở diễn và kịch bản thể hiện lối nhìn một chiều dễ dãi về hiện thực. “Cụ thể kịch viết ra phải diễn được phải mang đến cho người xem những hình tượng nhân vật đẹp phát biểu được một vấn đề xã hội nào đó khả dĩ nâng được tâm hồn người xem lên một bước. Điểm quan trọng nữa là kịch không được nhạt vì nhạt là lỗi không thể xem nhỏ đối với nghệ thuật”. Sự xuôi chiều ấy, theo ông, ban đầu là do không khí tuyên truyền đầy hào hứng của nền sân khấu được đảm trách nhiệm vụ trọng đại trong một giai đoạn lịch sử, dù đến giai đoạn sau của cuộc kháng chiến, cái tâm thế hào hứng ấy đã chuyển sang chiều sâu của những suy tư, những tính toán. Tuy nhiên, lối viết minh họa đã bộc lộ điểm yếu về nhân sinh quan của các nhà văn, nhà viết kịch thời đó khi chỉ biết phân chia các tuyến nhân vật rõ ràng, nhất quán về tính cách và tâm lý theo kiểu: Ta - địch, tốt - xấu. Bằng trải nghiệm thực tế của những năm tháng khoác ba lô lẫn lộn nơi chiến trường và các vùng quê hẻo lánh, Xuân Trinh nhận định: “Đã có thời kỳ sự hiểu lầm trong kịch phổ biến tới mức mà tôi có cảm tưởng như xã hội ta không còn vấn đề gì phải đem ra mà thảo luận nữa. Đời sống thực tế mang đến cho tôi nhiều suy nghĩ về những vấn đề cốt lõi trong từng phút từng giây đang đòi được giải quyết”. “Khi chúng ta thừa nhận rằng quá trình tiến lên của xã hội loài người là quá trình đấu tranh chuyển hóa giữa những mặt đối lập, thì sao ta lại ngạc nhiên khi thấy trong cuộc sống, bên cạnh những điều tốt đẹp vẫn còn những cái chưa hoàn mỹ? Nếu như những vấn đề của đời sống cần phải được đặt ra trong thơ, văn, nhạc, họa, thì về mặt này kịch có một khả năng hơn hẳn các thể loại văn học nghệ thuật nói trên, vì bản thân kịch được cấu tạo nên bằng những mặt đối lập.”²³

Quan niệm về sáng tạo sân khấu của ông được thể hiện qua bài phê bình *Để vở diễn có giá trị*²⁴: “Sân khấu nhất thiết phải trở về con đường sáng tạo chân chính! Xin đừng coi đây là khẩu hiệu nhằm hô hào suông. Vì có như thế mới trả lại cho sân khấu giá trị đích thực của nó, mới trả lại vị trí tiên phong cho các vấn đề xã hội chứ không phải theo đuổi dư luận, thị hiếu như hiện nay; mới trả lại cho nó thiên chức: nhà tiên tri của lịch sử”. Từ đó, vị thế của người sáng tác được xác lập: “Người cầm bút chân chính không thể đứng ngoài vận mệnh của dân tộc mình không thể thờ ơ trước những biến cố xã hội lớn lao”. Tuy nhiên, ông cũng chỉ ra

²³ Tuyển tập Xuân Trinh, Nxb Sân khấu, 2020, tr. 993.

²⁴ Tuyển tập Xuân Trinh, sdd, tr. 1045

một cách thẳng thắn: “Quan điểm “văn nghệ phục vụ chính trị” không có gì đáng phê phán. Nhưng đó là cách hiểu đơn giản và một chiều. Thậm chí vì quá cứng nhắc nên có lúc chúng ta đã chạy theo chính trị một cách thuần túy. Mặc dù yêu cầu chủ yếu của văn học nghệ thuật là phản ánh được hiện thực toàn vẹn điển hình. Hiện tượng ấy không những gắn liền với ý nghĩa chính trị xã hội mà còn mang tính đặc thù của thời đại. Nhưng phản ánh hiện thực không dừng lại ở việc mô tả một cách đơn thuần những gì có thật đang xảy ra ngoài đời, như khoán sản phẩm, hạch toán kinh tế, vi phạm đạo đức luân thường đạo lý... mà thực tế xã hội phải được nhìn nhận một cách tổng hợp nhiều chiều dưới nhãn quan tiên tiến giàu tính nhân văn”. Thế giới quan nghệ thuật đa chiều ấy đã tạo cho nhà viết kịch Xuân Trình một lối khai thác rất riêng, tạo được những hình tượng nghệ thuật chứa đựng nhiều xung đột nội tại. Đây là điều mà đến giai đoạn đổi mới của thập niên 1980, các nhà văn như Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Lê Lựu, Chu Lai, Lưu Quang Vũ tích cực khai thác. Mỗi cá nhân con người đã hàm chứa những mâu thuẫn, những xung đột, đặt trong những hoàn cảnh mang tính kịch, xung đột ấy sẽ bùng nổ. Nhân vật nhờ thế mà sát với hiện thực hơn, sinh động hơn và truyền tải được nhiều thông điệp hơn tới khán giả.

Số lượng kịch bản của Xuân Trình còn khiêm tốn nếu so với một số nhà viết kịch khác, nhưng hiện thực cuộc sống được phản ánh trong kịch Xuân Trình đều là hiện thực sôi động trên những “mũi nhọn” của cuộc đấu tranh cách mạng với những vấn đề nóng bỏng đương thời, hàm chứa những xung đột xã hội sâu sắc và quyết liệt. Đó là mâu thuẫn xung đột giữa tinh thần cách mạng tiến công với thái độ ngại khó ngại khổ ỷ lại, dựa dẫm vào người khác (vở *Quê hương Việt Nam*). Đó là mâu thuẫn xung đột giữa những con người tận tụy hết lòng hết sức “vì chủ nghĩa xã hội, vì miền Nam ruột thịt, vì mọi người”, dám chấp nhận mọi sự hy sinh với những kẻ mang nặng chủ nghĩa cá nhân, cơ hội vụ lợi và trốn tránh mỗi khi gặp khó khăn gian khổ, đòi hỏi phải hy sinh phần đầu (vở *Bạch đàn liễu*). Đó là mâu thuẫn xung đột giữa tư tưởng dân chủ tôn trọng và đề cao vai trò của quần chúng nhân dân với thái độ cửa quyền, độc đoán, lợi dụng chiêu bài “chuyên chính vô sản” để chà đạp lên quyền tự do dân chủ của nhân dân. Đó là mâu thuẫn, xung đột giữa tư tưởng tiến bộ trên cơ sở biện chứng Mác-xít với tư tưởng bảo thủ lạc hậu, phản động (theo khái niệm của Triết học) và giáo điều, cản trở cuộc cách mạng trong thời đại mới...

Mỗi vở kịch của Xuân Trình là một sự khám phá đời sống hiện thực, phát hiện một vấn đề bức xúc trong cuộc đấu tranh tư tưởng đang được xã hội quan tâm, cho nên tính thời sự là điều dễ nhận biết đầu tiên ở kịch Xuân Trình. Mỗi cốt truyện kịch, sự kiện kịch như vừa xảy ra, hay đang diễn ra trong đời sống mà người xem đang chứng kiến hoặc đang là người trong cuộc và mong tìm thấy ở sân khấu một cách lý giải, một hướng giải quyết vấn đề. Nhà viết kịch Xuân Trình không tái hiện

cuộc sống trong các vở kịch của mình một cách khách quan tới mức lạnh lùng vô cảm như cổ tình để dành cho độc giả, khán giả cảm nhận. Trái lại, nhà viết kịch vừa tái hiện cuộc sống một cách trung thực đảm bảo tính khách quan, vừa tỏ rõ thái độ ngợi ca hay phê phán rõ ràng mạnh mẽ. Xuân Trình đã kế thừa cách diễn kể của các nghệ sĩ dân gian trên sân khấu Chèo cổ và phát triển lên một tầm cao mới, ấy là thể hiện bản lĩnh, trách nhiệm của tác giả với ý thức công dân. Các vở kịch của Xuân Trình đều tiến công quyết liệt vào những tư tưởng lạc hậu, bảo thủ, phản động để dỡ bỏ mọi rào cản, mở đường cho xã hội phát triển. Về ý nghĩa chính trị, các vở kịch của Xuân Trình đều chứa đựng tinh thần cách mạng tiến công, là vũ khí chiến đấu của những người tiên phong thực hiện đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam ở thập kỷ 80 thế kỷ XX. Tính chiến đấu trong giá trị tư tưởng của kịch Xuân Trình đã vấp phải sự phản ứng (nếu không gọi là chống trả) của cơ chế quản lý văn nghệ lạc hậu bảo thủ, giáo điều đương thời.

Các quan điểm tư tưởng trong kịch Xuân Trình không chỉ dừng lại là những quan điểm tư tưởng chính trị, tư tưởng đạo đức mà còn là những quan điểm triết học về sự tồn tại và phát triển của các hiện tượng xã hội và con người. Nhiều luận điểm triết học và triết lý nhân sinh ẩn chứa ở tầng sâu ngữ nghĩa của các vở kịch Xuân Trình. Cái cũ tất yếu sẽ bị loại bỏ, cái mới tất yếu sẽ được khẳng định, đó là chân lý khách quan được gửi thông điệp qua vở *Lập xuân*. Cuộc đấu tranh chống tiêu cực trong ngành giáo dục còn phải trải qua nhiều gian nan thử thách nhưng nhất định sẽ đạt được thắng lợi trong sự nghiệp “trồng người”, đó là thông điệp qua vở *Đợi đến mùa xuân*, “Người ta lớn bởi vì người cúi xuống” là câu thơ của nhà thơ Pê-tô-phi (Hunggari) là nội dung triết lý nhân sinh qua vở *Bạch đàn liễu*, chỉ rõ việc mất dân chủ không chỉ vì cán bộ cửa quyền hách dịch mà còn do người dân cam chịu chấp nhận và đôi khi còn tự nguyện. Cái gì trái với lẽ tự nhiên thì sẽ bị đào thải, chỉ có vận động phát triển thuận theo lẽ tự nhiên mới đạt tới sự thành công. Đó là điều nhà viết kịch Xuân Trình thường nói với đồng nghiệp và ông đã gửi thông điệp đó trong vở *Mùa hè ở biển*.

Sự khám phá, phát hiện và phản ánh những vấn đề bức xúc của đời sống hiện thực khiến các vở kịch của Xuân Trình đều là kịch luận đề - một thể tài mới trong kịch hiện đại của thế giới. Kịch của ông vẫn dùng các yếu tố bi, hài, trữ tình nhằm nêu lên một vấn đề nào đó, phân tích căn nguyên vấn đề bằng hình tượng nghệ thuật, bằng câu chuyện kể bằng tính cách và số phận nhân vật cùng những lời đối thoại. Điều này dẫn tới lối kết cấu phổ biến trong kịch Xuân Trình là kết cấu tự sự kết hợp tổ chức xung đột kịch. Khác với tự sự của sân khấu truyền thống, tự sự trong kịch Xuân Trình không lấy số phận nhân vật chính làm trung tâm, làm trục xuyên suốt toàn vở mà các sự kiện tình tiết được kể ra đều xoay quanh và phát triển theo cái trục là một vấn đề nào đó. Tiêu biểu cho lối cấu trúc này là các vở *Bạch đàn liễu*, *Mùa hè ở biển*, *Đợi đến mùa xuân*. Vở *Nửa ngày về chiều* thông

qua số phận ông Hoàng những năm cuối đời để phản ánh vấn đề quản lý xã hội và con người thời quan liêu bao cấp với những thể chế khắc nghiệt và phi lý.

Kịch Xuân Trình tuy mang tính luận đề nhưng vấn đề mà ông đặt ra, gửi thông điệp đến khán giả không truyền tải qua xung đột giữa các tính cách mà chúng được bộc lộ qua những chuyện đời, chuyện người. Dư âm của vở diễn gợi lên trong khán giả những trăn trở, suy tư về nhân tình thế thái, nỗi vui buồn hay âu lo day dứt về cuộc sống, về con người. Đó là những ám ảnh về một ông chủ tịch như Đoàn Xoa có tâm cứu đói bà con nhưng lại gay gắt với việc phát triển kinh tế tư nhân nên chỉ biết nhặt nhạnh, tích góp cơm nguội, phơi khô đem về cứu tế cho vợ con, hàng xóm. Hình ảnh ông Hoàng thui thủi một mình ở gian xép bên nhà nuôi trẻ mồ côi cạnh sân kho hợp tác xã ở *Nửa ngày về chiều* hay chuyện cô giáo Nhung ngồi hứng nước mưa trong căn nhà dột nát ở một ngôi trường hẻo lánh của *Đợi đến mùa xuân*, chuyện ông Độ phải tự nguyện chặt cây bạch đàn - kỷ niệm tình yêu của con mình để đem biếu ông phó Chủ tịch xã khi ông ấy phát mộc làm nhà trong *Bạch đàn liêu...* đã trở thành ấn tượng sâu sắc trong lòng khán giả.

Giá trị nghệ thuật của kịch Xuân Trình còn nổi bật ở giá trị văn chương trong những lời đối thoại giữa các nhân vật. Lời thoại trong kịch nói đảm nhận nhiều chức năng: kể chuyện, dẫn dắt khơi gợi hành động, thể hiện tâm lý, tình cảm, tính cách của từng nhân vật, đòi hỏi người viết phải có sự chọn lọc tinh tế phù hợp với các nhân vật theo lứa tuổi giới tính, nghề nghiệp, vùng miền, dân tộc, thời kỳ lịch sử... Một nhược điểm phổ biến thời bấy giờ là các soạn giả bắt nhân vật phải phát ngôn thay mình như cái loa tuyên truyền chứ không phải lời của bản thân nhân vật. Tuy nhiên, thoại kịch của Xuân Trình đã khắc phục được điểm này. Đối thoại chặt chẽ từ ngôn ngữ của các nguyên mẫu trong đời thường đảm bảo tính chân thực, tuy đã được gọt giũa mà vẫn giữ được vẻ tự nhiên, hàm chứa tính hành động. Từng có nhà phê bình cho rằng kịch Xuân Trình đọc thì hay nhưng dựng thì khó. Thực ra, đó chỉ là cách nhìn phiến diện, chỉ thấy được hành động bề nổi ở các sự kiện, tình huống kịch mà không nhìn ra được tính hành động ẩn chứa trong từng lời thoại. Lời thoại trong kịch Xuân Trình cho thấy dấu ấn của tầng lớp xã hội, của thời điểm lịch sử không thể trộn lẫn. Đối thoại trong kịch Xuân Trình giàu hình ảnh và có tiết điệu gợi cho người xem đôi khi có cảm giác như đang nghe những câu đối thoại trong kịch hát truyền thống, thể hiện tính biểu cảm của tiếng Việt được xử lý bằng các biện pháp tu từ đã góp phần biểu hiện tâm trạng, tính cách, thái độ ứng xử của nhân vật một cách rõ ràng. Chất thơ trong lời thoại tạo nên giọng điệu trữ tình làm dịu đi tính khốc liệt của hiện thực vốn là cái gốc làm nên sự căng thẳng của xung đột.

Trong thế giới kịch của Xuân Trình ta còn được tiếp nhận những cảnh đời thật khác lạ và hấp dẫn, lý thú và tinh tế, những cảnh đời ẩn giấu đầy tính kịch. Một trong những cảnh đời tạo ấn tượng mạnh mẽ là cảnh kết thúc kịch *Nửa ngày*

về chiều (1989) - một trong những vở kịch cuối cùng của ông. Trong vở kịch có nhiều suy tư về cuộc đời và con người này, Xuân Trình đã diễn tả tình cảnh mà một sĩ quan quân đội từng vào sinh ra tử với nhiều chiến tích, nhưng lúc về nghỉ hưu thì lại sa vào tình cảnh trở trêu, không chốn nương thân: sau khi xuất ngũ, về làng để sống với với đứa con gái duy nhất, thì nó đã lấy chồng ra Hà Nội sinh sống. Tìm ra Hà Nội để ở với con, thì cũng chỉ được dăm bữa nửa tháng, vì ông không có đăng ký hộ khẩu ở thủ đô. Quay trở về quê để sống những ngày cuối cùng của tuổi già, thì căn nhà xưa đã bị trưng dụng làm nhà trẻ của hợp tác xã. Cô đơn và nhớ về những ngày xưa cùng đồng đội chiến đấu, ông tìm vào Sài Gòn, đến căn biệt thự có vườn hoa, nơi mà ông cùng đồng đội đã chôn cất tử thi một liệt sĩ hy sinh trong cuộc chiến đấu ngày đó... để thắp trên mộ anh nén hương tưởng niệm. Nhưng bà chủ mới của biệt thự ấy đã không cho phép ông làm cái việc đầy tình nghĩa và xuất phát từ tâm linh con người đó. Một biệt thự trong chiến tranh mà vườn cây được dùng làm nơi chôn cất tử thi liệt sĩ, tức là nghĩa trang. Song, hòa bình phải trả lại biệt thự ấy cái chức năng vốn có của nó, chỉ có người vừa ra khỏi chiến tranh và nhập vào hòa bình chưa kịp hòa nhập vào trạng thái mới của cuộc sống. Thế là những người đã sử dụng biệt thự như nghĩa trang, và những người đang sử dụng nghĩa trang như biệt thự không hiểu nổi nhau, giữa họ xảy ra xung đột. Qua cảnh đời được Xuân Trình diễn tả trong *Nửa ngày về chiều*, ta bỗng nhận ra một chân lý: Trong chiến tranh thì những sự phi lý có thể được chấp nhận, còn khi hòa bình thì mọi sự hợp lý phải được khôi phục.

Ngày xưa nơi đây là chiến tranh (1988) là một vở rất lạ của Xuân Trình. Bối cảnh của vở là nơi mà thời chiến tranh từng là điểm nóng, nơi những con người, những chuyến xe ra vào mặt trận và dừng chân tại đó. Nhưng bây giờ, khi hòa bình lập lại thì cả cái xóm nhỏ ven rừng đó đã bỏ về xuôi, để lại duy nhất một căn nhà với một ông già và một cô con gái, không biết vì lý do gì? Số là thời chiến tranh, con trai ông là lái xe chở hàng ra mặt trận. Trong một chuyến, hàng đó là những hòm vàng lá. Ông đã lấy trộm một hòm rồi giấu đi, và chính vì để mất cái hòm đó mà đứa con trai duy nhất của ông đã vào tù. Nhà tù ở gần căn nhà của ông. Ông phải ở lại đó để tiện đến thăm con trong tù. Chính vì lẽ đó mà ông đã giam hãm đứa con gái ở cái nơi rừng hoang núi vắng này. Ngày xưa nơi ấy là chiến tranh, và ở đó đã có kẻ lợi dụng chiến tranh để cầu lợi, thì ngày nay, kẻ đó, phải trả giá cho việc làm tội lỗi của mình.

Trên ba mươi năm cầm bút, Xuân Trình chỉ viết kịch về đề tài hiện đại, phản ánh hiện thực đời sống đương thời và đề cập đến những vấn đề bức xúc đang đặt ra. Những mâu thuẫn xung đột kể trên trong kịch Xuân Trình đều được thể hiện tập trung trong những sự kiện, tình tiết của cuộc sống là những “hoàn cảnh điển hình” và diễn ra với sự đối đầu quyết liệt của những “nhân vật điển hình”. Nhiều nhân vật chính trong các vở kịch xuất sắc được công chúng tán thưởng và

giới phê bình sân khấu đánh giá cao chỉ mới đạt giá trị điển hình ở mức là đại diện cho tư tưởng tiên bộ, là người đi đầu trong cuộc đấu tranh chống bảo thủ để đổi mới tư duy, nhìn thẳng vào sự thật mà quyết tâm đổi mới. Xuân Trình không dừng lại ở mục đích khám phá, phát hiện những vấn đề bức xúc của cuộc sống đương đại mà cao hơn nữa là sự đòi hỏi phải giải quyết những vấn đề bức xúc đó để cải tạo cuộc sống, hoàn thiện con người. Cho tới nay, kịch Xuân Trình vẫn là một thách thức đối với các đạo diễn đương đại tìm cách tái dựng, cho thấy sức hấp dẫn và cả những khó khăn đặt ra từ tác phẩm. Vượt lên trên những phản ánh mang tính thời sự nhất thời, những người tiếp nhận tìm thấy cả những giá trị nhân văn cao cả mà nhà văn gửi gắm qua những đổi mới tư duy nghệ thuật, đổi mới góc nhìn nghệ thuật trong mỗi vở./.

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC NGHỆ THUẬT TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HOÁ NGHỆ THUẬT VÀ DU LỊCH NAM ĐỊNH GIAI ĐOẠN 1975 - 2025

Th.S Trần Hữu Toàn

Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật và Du lịch Nam Định

Trong những năm qua, với sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các cơ quan chuyên môn, Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật và Du lịch Nam Định đã không ngừng mở rộng quy mô các loại hình đào tạo, hình thức tuyển sinh; tăng cường tổ chức các hoạt động tư vấn đào tạo, hướng nghiệp tại các địa phương trong tỉnh. Đẩy mạnh liên kết, đa dạng hình thức đào tạo nguồn nhân lực nghệ thuật đáp ứng nhu cầu phát triển văn hóa, nghệ thuật của tỉnh nhà.

1. Sơ lược công tác đào tạo giai đoạn 1975 - 2025

1.1. Giai đoạn 1975 - 1990: Phục hồi và phát triển sơ khai

Sau khi đất nước thống nhất, Nam Định cũng như nhiều tỉnh khác, bước vào quá trình phục hồi nền kinh tế và phát triển văn hóa. Hoạt động đào tạo nghệ thuật trong giai đoạn này chủ yếu tập trung vào việc duy trì và phát huy các giá trị nghệ thuật truyền thống. Các hình thức nghệ thuật như chèo, cải lương, múa dân gian được chú trọng đào tạo trong các cơ sở như Nhà Văn hóa tỉnh, các trung tâm văn hóa quần chúng và các trường học trên địa bàn tỉnh Nam Định và các tỉnh lân cận.

Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Nam Định (tiền thân là Trường Nghiệp vụ Văn hóa Thông tin Nam Hà) được thành lập từ năm 1967 và trở thành trung tâm đào tạo chính nguồn nhân lực văn hoá, nghệ thuật trong khu vực. Tuy nhiên, cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường phục vụ đào tạo còn nhiều hạn chế. Địa điểm chính đào tạo của nhà trường tại Phủ Lý, tỉnh Nam Hà. Nhà trường có các khóa đào tạo về múa, hát, nhạc cụ dân tộc, tuy nhiên chủ yếu là các khóa đào tạo ngắn hạn.

1.2. Giai đoạn 1990 - 2000: Nâng cao chất lượng và chuyên sâu hơn

Vào những năm 1990, sau quá trình đổi mới, hoạt động đào tạo nghệ thuật ở Nam Định bắt đầu có sự thay đổi rõ rệt. Lúc này các chương trình học về nghệ thuật không chỉ giới hạn ở những bộ môn truyền thống mà bắt đầu xuất hiện các xu hướng mới, hướng đến việc mở rộng và chuyên sâu hơn ở các lĩnh vực như: Âm nhạc, mỹ thuật, sân khấu. Tuy nhiên, các khóa học này vẫn còn hạn chế về mặt quy mô và nội dung.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị vẫn chưa được cải thiện đáng kể, nhưng nhà trường đã cố gắng xây dựng thêm các phòng học, phòng tập luyện cơ bản để phục vụ cho việc đào tạo.

Cùng với đó, sự phát triển của các câu lạc bộ văn hóa nghệ thuật trong cộng đồng, các chương trình giao lưu nghệ thuật với các tỉnh bạn cũng đã giúp nâng cao nhận thức về giá trị nghệ thuật và cải thiện môi trường học tập.

1.3. Giai đoạn 2000 - 2010: Đổi mới và hội nhập

Vào những năm 2000, Nam Định đã có những bước tiến mạnh mẽ trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nghệ thuật. Đây là thời kỳ mà các cơ sở đào tạo nghệ thuật bắt đầu nhận được sự quan tâm từ chính quyền và các tổ chức nghệ thuật Trung ương. Các chương trình đào tạo đã bắt đầu thay đổi theo hướng hiện đại hơn, chú trọng vào việc phát triển các nghệ sĩ có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

Sau quá trình phát triển, trường tiến hành đổi tên thành Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Nam Định vào năm 2008 theo quyết định của UBND tỉnh Nam Định.

1.4. Giai đoạn 2010 - 2020: Định hình và phát triển bền vững

Trong giai đoạn này, hoạt động đào tạo nghệ thuật tại Nam Định đã có sự định hình rõ ràng với mục tiêu phát triển bền vững. Các chương trình đào tạo đã dần chuyển từ các môn học truyền thống sang các môn học mới, phù hợp với xu thế toàn cầu. Đồng thời, có sự chuyển mình mạnh trong việc cải thiện cơ sở vật chất và môi trường học tập cho các học viên. Năm 2016, nhà trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Nam Định. Nhà trường đã được đầu tư nâng cấp một số trang thiết bị dạy học cho các ngành trọng điểm cấp quốc gia như: Thanh nhạc, Hội họa, Nghệ thuật biểu diễn chèo.

Thời gian này, cùng với các hoạt động giao lưu nghệ thuật với các tỉnh, thành phố khác, nhà trường cũng cử nhiều em học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động, sự kiện nghệ thuật quy mô lớn, tạo ra cơ hội biểu diễn và học hỏi cho các nghệ sĩ trẻ tương lai. Nhiều học sinh, sinh viên tham gia Hội thi tài năng học sinh, sinh viên toàn quốc và đạt giải cao. Cụ thể:

Năm 2012: Tham gia Hội thi tài năng trẻ học sinh, sinh viên các trường Nghệ thuật, Thể dục thể thao và Du lịch lần thứ nhất Trường đã đạt được 01 giải Nhất hội thi tài năng trẻ; 02 giải nhì, 01 giải ba, 01 giải khuyến khích.

Năm 2015: Tham gia Hội thi “Tài năng trẻ Học sinh, sinh viên các trường Văn hoá Nghệ thuật, Thể dục thể thao và Du lịch lần thứ II-2015, Trường đạt được: 03 huy chương Bạc, 01 giải Ba, 01 giải khuyến khích.

Năm 2017: Tham gia Hội thi tài năng trẻ học sinh, sinh viên các cơ sở đào tạo văn học nghệ thuật toàn quốc năm 2017, Trường đạt: 01 giải Nhất, 02 giải Nhì, 01 giải Ba.

Năm 2018: Tham gia triển lãm Mỹ thuật học sinh, sinh viên các cơ sở đào tạo văn hoá nghệ thuật toàn quốc lần thứ 2, Trường đạt 01 Giải nhì của em Mai Thanh Huyền - Học sinh Mỹ thuật K27.

Năm 2020: Tham gia Hội thi Tài năng trẻ học sinh, sinh viên các cơ sở đào tạo văn hoá nghệ thuật toàn quốc năm 2020, Trường đạt: 02 giải Ba.

1.5. Giai đoạn 2020 - 2025: Chuyển mình và hội nhập sâu rộng

Đến giai đoạn hiện tại, đào tạo nghệ thuật tại Nam Định đang trong quá trình chuyển mình mạnh mẽ, hướng tới sự hiện đại hóa và hội nhập sâu rộng. Học sinh, sinh viên nhà trường ngày càng có nhiều cơ hội phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực của mình. Việc áp dụng công nghệ vào đào tạo nghệ thuật, từ việc học online đến việc sử dụng các phần mềm thiết kế, chỉnh sửa âm nhạc, video, đang ngày càng trở nên phổ biến tại Nam Định. Đồng thời, chú trọng phát triển nghệ thuật đương đại: Ngoài các môn nghệ thuật truyền thống, nhà trường bắt đầu mở rộng chương trình học về nghệ thuật đương đại, giúp học viên có cơ hội làm việc trong các ngành nghề mới như thiết kế đồ họa.

Trong suốt 58 năm qua, hoạt động đào tạo nghệ thuật tại Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Nam Định đã trải qua nhiều thay đổi và phát triển

đáng kể. Từ việc tập trung vào nghệ thuật truyền thống, tỉnh đã dần chuyển mình để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của xã hội, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển công nghệ số.

2. Thực trạng công tác đào tạo nghệ sĩ trong giai đoạn hiện nay (2020 - 2025) và đề xuất giải pháp

2.1. Kết quả đạt được công tác đào tạo nghệ thuật nhà trường

2.1.1. Ngành nghề đào tạo

Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Nam Định không ngừng đổi mới phát triển, mở thêm nhiều ngành nghề đào tạo mới. Hiện nay Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Nam Định đào tạo 14 chuyên ngành trong đó có 04 chuyên ngành trình độ cao đẳng, 10 chuyên ngành trình độ trung cấp, về nghệ thuật có các chuyên ngành: Thanh nhạc, Organ, Nhạc cụ dân tộc (Sáo, Nguyệt, Nhị, Bầu, Thập lục, Tam thập lục), Nghệ thuật biểu diễn kịch nói, Nghệ thuật biểu diễn cải lương, Nghệ thuật biểu diễn chèo, Hội họa, Thiết kế đồ họa.

Chương trình đào tạo ở nhà trường luôn được chú trọng, hàng năm nhà trường đều tổ chức rà soát chương trình đào tạo thông qua điều tra xin ý kiến các học sinh, sinh viên tốt nghiệp, các đơn vị sử dụng người học kết hợp với kiến nghị của các giảng viên để tổ chức biên soạn mới hoặc điều chỉnh chương trình giảng dạy theo hướng mở, tăng thời gian thực hành, giảm giờ lý thuyết. Nhà trường luôn có chương trình thực tế, thực tập tại các địa điểm gần, xa; mời các chuyên gia về nói chuyện chuyên đề để học sinh, sinh viên có cơ hội nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

Hàng năm, nhà trường vẫn tiếp tục biên soạn giáo trình cho các chương trình đào tạo. Hiện nay đã có 61 giáo trình của các chuyên ngành đào tạo đã được biên soạn và sử dụng giảng dạy trong nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường luôn thực hiện tự đánh giá chất lượng đào tạo, kiểm định chất lượng giáo dục đảm bảo không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Các chương trình kiểm định của nhà trường được cơ quan chuyên môn đánh giá cao.

Bên cạnh các chuyên ngành hệ trung cấp và cao đẳng, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho các nghệ sĩ, nhà trường đã liên kết với các Trường Đại học nghệ thuật lớn trong cả nước như: Đại học Mỹ thuật Việt Nam, Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Đại học Sân khấu điện ảnh và Học viện Âm nhạc Việt Nam tuyển sinh các lớp đại học liên thông.

2.1.2. Môi trường đào tạo và cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất: Các cơ sở đào tạo nghệ thuật tại Nam Định trong quá trình phục hồi, đầu tư thêm trang thiết bị cơ sở vật chất của một số chuyên ngành nghệ thuật. Hiện nay, nhà trường có 3 phòng thanh nhạc, 3 phòng Organ, 3 phòng sân khấu, 01 phòng nhạc cụ dân tộc, 2 phòng thực hành biểu diễn nghệ thuật, 4 phòng học hội họa, 01 phòng học thiết kế đồ họa và nhiều phòng học lý thuyết.

Môi trường học tập: Nam Định có một môi trường khá yên bình và thuận lợi đặc biệt cho việc học tập nghệ thuật truyền thống.

2.1.3. Về nhân lực và giảng viên

Đội ngũ giảng viên tại các cơ sở đào tạo nghệ thuật ở Nam Định chủ yếu là những người có kinh nghiệm, có năng lực trong việc giảng dạy nghệ thuật. Bên cạnh đó, nhà trường liên tục mời các nghệ nhân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú các đoàn Nghệ thuật tham gia giảng dạy.

2.2. Khó khăn

2.2.1. Về cơ sở vật chất

Trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy, học tập và luyện tập một số ngành đào tạo nghệ thuật chưa thật sự đầy đủ và hiện đại.

2.2.2. Sự thiếu hụt giảng viên cơ hữu

Số lượng giảng viên cơ của nhà trường còn hạn chế và chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo. Việc thiếu giảng viên có chuyên môn sâu trong các ngành học mới, hiện đại làm ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo.

2.2.3. Khó khăn trong công tác tuyển sinh

Công tác tuyển sinh các chuyên ngành nghệ thuật truyền thống ngày càng gặp khó khăn. Nhà trường vất vả đi tìm người học trong các mùa tuyển sinh mặc dù đã xuống tận địa phương. Chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn chèo - ngành nghệ thuật truyền thống của quê hương trong hai năm gần đây có rất ít em theo học, ngành nghệ thuật cải lương có nguy cơ đóng mã ngành. Tuyển sinh được rồi nhưng cũng dần bỏ, các em không còn mặn mà với ngành nghệ thuật truyền thống. Một thực trạng nữa là do trong quá trình tuyển sinh, vì tuyển sinh quá khó, nhiều học sinh không thực sự có năng khiếu, dẫn đến việc sau khi học, các em không thể hoạt động nghề nghiệp một cách chuyên nghiệp. Thực trạng này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của nhà trường mà còn là lực cản rất lớn đối với sự phát triển của nghệ thuật truyền thống quê hương.

2.2.4. Sự thiếu hụt về cơ hội nghề nghiệp

Tỉnh nhà chưa có nhiều cơ hội việc làm cho các nghệ sĩ sau khi tốt nghiệp, nhất là đối với những người theo đuổi nghệ thuật truyền thống.

2.2.5. Văn hóa và thị trường nghệ thuật

Các nghệ sĩ tại Nam Định còn gặp khó khăn trong việc duy trì và phát triển nghề nghiệp do sự thiếu vắng thị trường nghệ thuật phong phú và đa dạng. Cộng đồng người dân ở địa phương còn chưa thật sự quan tâm đến các loại hình nghệ thuật mới, khiến cho công tác phát triển nghề nghiệp gặp trở ngại. Đồng thời, cơ hội giao lưu và biểu diễn tại các sự kiện lớn gặp khó khăn làm hạn chế sự phát triển toàn diện của học sinh, sinh viên. Học sinh, sinh viên cũng ít có cơ hội được tiếp xúc với nghệ sĩ hàng đầu trong các buổi tọa đàm hay hội thảo nghệ thuật.

2.3. Các phải pháp phát triển đào tạo nghệ sĩ tại nhà trường trong giai đoạn 2025 tầm nhìn 2030

2.3.1. Đổi mới chương trình đào tạo

Không ngừng đổi mới phương thức giảng dạy, cập nhật các phương pháp đào tạo mới, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành.

Tiếp tục áp dụng công nghệ vào đào tạo nghệ thuật, sử dụng các phần mềm thiết kế, chỉnh sửa âm nhạc, video nâng cao chất lượng của các bài giảng.

Tổ chức các lớp học, hội thảo, lớp đào tạo ngắn hạn, thu hút nhiều nghệ sĩ thành danh tham gia giảng dạy. Các hoạt động này giúp học viên không chỉ học hỏi kiến thức từ sách vở mà còn có cơ hội thực hành trực tiếp trên sân khấu, tham gia các buổi biểu diễn nghệ thuật.

Tham gia các cuộc thi tài năng, các festival nghệ thuật trong và ngoài tỉnh, qua đó khẳng định khả năng và tài năng của mình. Các chương trình giao lưu văn hóa nghệ thuật quốc tế cũng là cơ hội quý báu để nghệ sĩ tương lai học hỏi, giao lưu, nâng cao trình độ.

2.3.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên

Cần nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên thông qua các khóa bồi dưỡng, đào tạo.

Tuyển dụng đội ngũ giảng viên còn thiếu hụt ở một số chuyên ngành, đặc biệt là các bộ môn nghệ thuật hiện đại.

2.3.3. Cải thiện cơ sở vật chất

Đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, các phòng học, phòng thực hành được trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại để học viên có thể thực hành nghệ thuật một cách tốt nhất.

2.3.4. Phát triển nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp

- Tăng cường giao lưu, học hỏi: Mở rộng các cơ hội giao lưu với các nghệ sĩ, tổ chức các buổi biểu diễn, hội thảo sẽ giúp học sinh, sinh viên học hỏi thêm từ các nghệ sĩ chuyên nghiệp và nâng cao tay nghề.

- Định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên: Định hướng nghề nghiệp rõ ràng, kết nối giữa cơ sở đào tạo và các cơ quan, đơn vị có nhu cầu tuyển dụng nghệ sĩ là điều cần thiết để đảm bảo học viên có cơ hội nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Đặc biệt, nhà trường luôn có sự phối hợp với các đoàn nghệ thuật tỉnh Nam Định, các hội văn học nghệ thuật trong việc cử học sinh, sinh viên tham gia các hội diễn, liên hoan ca múa nhạc, các buổi biểu diễn nghệ thuật phục vụ cộng đồng. Điều này không chỉ giúp học sinh, sinh viên có cơ hội thể hiện tài năng mà còn góp phần rèn luyện kỹ năng sân khấu, định hướng nghề nghiệp cho các em sau này.

Hoạt động đào tạo nghệ thuật tại Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch trong giai đoạn 1975 - 2025 có những thay đổi đáng kể, đặc biệt trong bối cảnh phát triển văn hóa và xã hội của địa phương. Mặc dù có nhiều tiềm năng, nhưng hoạt động đào tạo nghệ thuật của nhà trường vẫn còn nhiều thách thức. Để xây dựng một thể hệ nghệ sĩ có tài năng, phẩm chất và tâm huyết, nhà trường sẽ tiếp tục nỗ lực, sáng tạo trong công tác đào tạo và phát triển nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên. Chỉ có như vậy, nghệ thuật và văn hóa Nam Định mới có thể phát triển mạnh mẽ và bền vững, góp phần làm phong phú thêm bức tranh văn hóa nghệ thuật của cả nước./.

**SỰ THỂ NGHIỆM NGUYÊN LÝ TRÒ CHƠI TRONG TIỂU THUYẾT BLOGGER,
MỘT ĐÓNG GÓP CỦA PHONG ĐIỆP²⁵ CHO VĂN HỌC NAM ĐỊNH
TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

***Th.S Trịnh Thị Quỳnh
Giảng viên Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định***

Tóm tắt

Xu hướng biến tác phẩm thành một cuộc chơi đa dạng: Chơi cấu trúc, chơi nhân vật, chơi thể loại... là một trong những xu hướng đổi mới văn học đương đại. Tiểu thuyết *Blogger* của Phong Điệp đã thành công trong việc thể nghiệm nguyên

²⁵ Nhà văn Phong Điệp sinh năm 1976 tại Nam Định, hiện công tác tại Báo Nhân dân, là Ủy viên Hội đồng văn học thiếu nhi Hội Nhà văn Việt Nam nhiệm kỳ 2020 - 2025. Chị là tác giả của hơn 30 đầu sách với nhiều thể loại: Truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện thiếu nhi, tản văn, phê bình - tiểu luận.

lý trò chơi như là một nguyên tắc của sáng tạo và tiếp nhận văn bản. Bài viết tìm hiểu những biểu hiện của “trò chơi” trong *Blogger* của Phong Điệp, từ đó đánh giá đóng góp của nhà văn cho văn học Nam Định nói chung, văn học đương đại Việt Nam nói trên con đường đổi mới, hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Trò chơi, Blogger, sáng tạo, tiếp nhận.

1. Đặt vấn đề

Trong vòng hai thập kỉ gần đây, với khát vọng cách tân ráo riết, tiểu thuyết Việt Nam bên cạnh xu hướng đổi mới bám sát khung thể loại truyền thống, xuất hiện hướng đổi mới cách viết theo tinh thần hậu hiện đại. Xu hướng biến tác phẩm thành một cuộc chơi đa dạng: Chơi cấu trúc, chơi nhân vật, chơi thể loại... đang được khá nhiều nhà văn thể nghiệm.

Tiểu thuyết *Blogger* của Phong Điệp xuất bản năm 2009. Năm 2011, nhà nghiên cứu Đoàn Cẩm Thi đã giới thiệu tại Pari với tư cách là tác phẩm đại diện cho văn học nữ Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa. Tháng 3 năm 2014, tác phẩm được dịch và xuất bản tại Pháp và là một trong số ít tác phẩm của Việt Nam được lưu giữ tại thư viện quốc gia Pháp.

Với việc tổ chức tác phẩm thành một cuộc chơi đầy sáng tạo, *Blogger* của Phong Điệp đã thể hiện một lối tư duy mới trong sáng tạo và tiếp nhận văn học. Bằng cách này, tác giả người Nam Định đã góp một dấu ấn quan trọng cho văn học đương đại Việt Nam trên con đường đổi mới, hội nhập quốc tế.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Trò chơi - Một khuynh hướng thẩm mỹ của văn học hậu hiện đại

Thế kỉ XX, cùng với sự ra đời của nhiều lí thuyết văn học hiện đại, lí thuyết trò chơi với cội rễ đã có từ thời Hi Lạp cổ đại đã được nhiều lí thuyết gia phương Tây bồi đắp và nhiều nhà văn ứng dụng.

Trò chơi hiểu một cách nôm na chính là một cách sáng tạo ra mô hình thế giới mới có không gian, thời gian riêng chi phối người chơi trong những luật lệ nhất định. Trò chơi trong văn học là “trò chơi của con người đã đạt đến độ hoàn hảo, nhờ hiện tượng chuyên hóa thành tác phẩm” (Gadamer). Nếu trò chơi trong cuộc sống được thành lập dựa trên luật chơi được quy ước sẵn hoặc được thỏa thuận giữa những người chơi với nhau thì trong văn học, trò chơi được biểu lộ thông qua nhà văn. Tác giả là người thiết lập ra những quy tắc trong tác phẩm mà người đọc có thể gia nhập để chơi. Trong một văn bản nghệ thuật, tác giả có thể thiết lập trò chơi bằng nhiều cách: Chơi nhân vật, chơi kết cấu, chơi ngôn ngữ, chơi thể loại... Thể loại, nhân vật, kết cấu hay ngôn ngữ đều có tính quy ước, nhưng trong quá trình sáng tạo, nhà văn luôn có nhu cầu thoát khỏi những mô chuẩn nghệ thuật có tính quy ước ấy để tạo nên những mô hình mới. Bạn đọc khi tham gia giải mã tác phẩm nghệ thuật cũng tức là tham gia vào trò chơi và phải chấp nhận những quy tắc mới do nhà văn sáng tạo ra. Và như vậy, cuộc chơi của

văn học không chỉ là cuộc chơi của riêng nhà văn. Đó còn là cuộc chơi mở, mang tính tương tác giữa nhà văn - độc giả - văn bản. Nếu văn học là trò chơi ngôn từ thì trò chơi đó, về bản chất, là trò chơi của cả sự viết và sự đọc, và qua trò chơi của cả sự đọc lẫn sự viết đó, ngôn ngữ không hề đứng yên, ý nghĩa được triển diễn đến vô tận. Trong ý nghĩa như vậy, lí thuyết trò chơi với lí thuyết tiếp nhận hiện đại có điểm tương đồng ở chỗ khẳng định và đề cao vai trò của độc giả như là đồng sáng tạo của nhà văn. Điều này cũng đã được nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Bình khẳng định: “Tư duy tiểu thuyết trò chơi tạo nên một chiều nữa của sự hoàn thiện tác phẩm: chiều tiếp nhận. Tác phẩm trở thành những cấu trúc mở, những văn bản đa bình diện, nghĩa của tác phẩm được tạo sinh không ngừng nhờ các cách đọc” [1]. Việc vận dụng lí thuyết trò chơi trong tác phẩm văn học sẽ tạo nên những hiệu ứng sáng tạo: tạo nên tính bất ngờ, tính mở của văn bản, đồng thời cho phép vượt qua hiện thực có tính định trước. Trò chơi trước hết là ý định của chủ thể sáng tạo, rồi đề nghị người chơi tham gia vào cuộc chơi, cùng đồng hành, sáng tạo và diễn giải.

Văn học Việt Nam đương đại với ý thức đổi mới không ngừng, cùng với việc tiếp nhận ảnh hưởng từ phương Tây, nhiều tác phẩm văn học đã thể hiện tính chất trò chơi trong sáng tạo nghệ thuật. Sau tiếng súng tiên phong (*Thiên sứ* của Phạm Thị Hoài), một loạt tác phẩm như *Thiên thần sám hối* của Tạ Duy Anh, *Trí nhớ suy tàn* của Nguyễn Bình Phương, *Cơ hội của chúa* của Nguyễn Việt Hà, *Cõi người rung chuông tận thế* của Hồ Anh Thái, *Người sông Mê* của Châu Diên, *Nháp*, *Phiên bản* của Nguyễn Đình Tú.... đã lôi kéo độc giả vào những trò chơi văn học đầy thú vị và bí ẩn. Nguyên lí trò chơi trở thành một nguyên tắc trong sáng tạo nghệ thuật, chi phối tư duy và cách tạo lập văn bản của người viết.

2.2. Những biểu hiện của nguyên lí trò chơi trong *Blogger* của Phong Điệp

Nói đến *Blogger* là người ta thường nghĩ đến kĩ thuật sáng tác hậu hiện đại với việc thể nghiệm nguyên lí trò chơi như là một nguyên tắc của sáng tạo và tiếp nhận văn bản. Để tiếp nhận *Blogger* của Phong Điệp “đòi hỏi một cách đọc khác” (Lê Hoài Anh). Nhưng khi đã tìm đến một lối đọc khác, người đọc sẽ thấy “*Blogger* tạo nên những chấn động mạnh nơi trái tim người đọc bằng một lối văn tưởng như vô cảm, khô khốc” (Bùi Công Thuần). Sự thể nghiệm nguyên lí trò chơi trong tiểu thuyết *Blogger* của Phong Điệp thể hiện qua mấy biểu hiện sau:

2.2.1. Trò chơi thể loại

Quan niệm viết tiểu thuyết giống như tạo lập một trò chơi khiến cho bản chất tổng hợp của tiểu thuyết được nâng lên một mức độ mới. Người đọc đương đại đã khá quen thuộc với cách viết đan xen thể loại trong tiểu thuyết như: tiểu thuyết - phóng sự (*Thiên thần sám hối*) tiểu thuyết - báo chí (*Pari, 11 tháng 8*), tiểu thuyết - thơ văn xuôi (*Thiên sứ*)... Trong *Blogger* cũng vậy. Nhà văn mượn

hình thức của một trang blog cá nhân trên mạng yahoo và thể nghiệm một hình thức mới của tiểu thuyết. Bằng cách này, tác giả đã mở rộng biên độ của tiểu thuyết, cho phép cùng một lúc trong tác phẩm có sự hội tụ của nhiều thể loại: tiểu thuyết - nhật kí - thư kí - báo chí và trò chuyện (*chat*). Thể loại tiểu thuyết theo hình thức mới của Phong Điệp cho phép người đọc cùng tham gia vào câu chuyện, tựa như bước vào một trang blog của một ai đó, cùng đọc, cùng xem, cùng bình luận. Và như vậy, tiểu thuyết đòi hỏi ở độc giả một cách đọc khác. Trong bài phát biểu tại hội nghị tại Pari, tác giả tâm sự: “Tiểu thuyết Blogger không có ý định dẫn bạn đi đến một con đường, mà ở đầu này là chuyến xe đón khách để bắt đầu khởi hành và đầu kia người ta kẻ sẵn vạch đích. Bạn có thể đọc ngược cuốn sách lại, từ chương cuối cùng đến chương đầu tiên. Hoặc tạt ngang vào bất kì một trang sách nào đó vừa được mở ra. Giống như cách bạn sục sạo vào blog của một ai đó. Tự bạn hình thành cho mình những lối đi như cách chúng ta tìm lối thoát ra khỏi những mê cung”[2].

2.2.2. Trò chơi kết cấu

Cấu trúc cốt truyện *Blogger* là một tổ chức rời rạc có chủ định, ngược lại với thói quen sáng tác của hầu hết các nhà văn là cố gắng liên kết cho thật chặt, thật logic. Đây là nét mới, độc đáo, mang dấu ấn cá nhân Phong Điệp - một kết cấu phi kết cấu. Tác phẩm dài 230 trang, chia thành 74 chương mục. Mục dài nhất gồm gần 10 trang, mục ít nhất chỉ có 3 dòng. Đây được gọi là lối kết cấu phân mảnh với những lát cắt tác phẩm thành nhiều phân đoạn không theo trật tự tuyến tính. Với lối kết cấu này, nhà văn đã lôi kéo người đọc vào trò chơi lắp ghép văn bản từ những dữ kiện tưởng như rời rạc đó. Theo dõi, xâu chuỗi những sự kiện lại với nhau, độc giả như được trải qua một cuộc phiêu lưu tâm lí, trải nghiệm cùng tác giả về một thế giới đời sống đa tầng. *Blogger* của Phong Điệp dẫn dắt người đọc theo ba mạch chuyện: chuyện xung đột giữa Nó và Bé con, chuyện cuộc đời đầy bế tắc của Hạ, và chuyện của Phong - một nữ Blogger. Mỗi truyện lại được cắt thành nhiều lát, những lát này được sắp xếp xen kẽ nhau, tùy theo logic của cốt truyện chính. Để tạo hiệu quả cho tác phẩm với lối kết cấu đa tầng như thế, Phong Điệp đã đem vào truyện những lát cắt biệt lập, đó là *Chat 1*, *Chat 2*, *Chat 3*, *Coppy and paste 1*, *Coppy and paste 2*, *Coppy and paste 3*, *Comments*, *Rao vặt*, *Bản tin*... Điều này khiến người đọc có cảm giác như đang trực tiếp ngồi trước màn hình computer, đang chat, đang đọc entry của một blog nào đó đồng thời có thể tham gia vào chatroom với người đang chat hoặc viết lời comments (bình luận) bày tỏ thái độ của mình với người đang viết blog. Bằng cách này, tác giả tạo ra một không gian mở cho độc giả có cơ hội hiểu rõ về tác phẩm. Khoảng cách giữa người đọc và người viết được rút ngắn, nhà văn và độc giả cùng đọc, cùng sáng tạo, cùng giải mã tác phẩm. Đây không phải là vấn đề nhà văn nào cũng làm được. Và như vậy là Phong Điệp đã thành công trong bước đường cách tân của mình.

2.2.3. Trò chơi nhân vật

Tiếp thu tinh thần của tiểu thuyết hiện đại, *Blogger* của Phong Điệp mang quan niệm cái nhìn đa trị hóa về cuộc đời trong văn chương: cuộc đời là nghiêm túc nhưng cũng là một cuộc chơi, cuộc thử nghiệm về những cái tôi nhỏ bé. Phong Điệp đã thử nghiệm và tạo ra một cuộc chơi về nhân vật đầy hứng thú.

Trước hết đó là sự đa dạng hóa về hình tượng nhân vật: nhân vật có tên: Hạ, Quân, Quyên, Điệp, Phong....; nhân vật không tên: Nó, Bé con, Sếp - Con Thú, trưởng phòng mắt lé, mẹ chồng hờ... Thậm chí, các nhân vật ảo với những cái tên như: @gachip, @2liti, @echecon, @bandoc 1, @bandoc2... cũng xuất hiện trong tác phẩm.

Đi cùng nhân vật là hình tượng người kể chuyện và điểm nhìn trần thuật. Khác với tiểu thuyết truyền thống thường sử dụng điểm nhìn từ một người kể chuyện toàn trí, đáng tin cậy, *Blogger* của Phong Điệp lựa chọn điểm nhìn của người kể chuyện không biết hết, vừa kể, vừa phán đoán. Có khi, câu chuyện lại được kể bởi điểm nhìn của nhiều nhân vật một lúc. Chẳng hạn, mở đầu tác phẩm, điểm nhìn trần thuật được xác định qua nhân vật người kể chuyện xưng tôi: “*Tôi là một nữ blogger. Mắt cận. Tóc ngắn. 25 tuổi*”. Nhưng chỉ vài ba trang sau, điểm nhìn lại được di chuyển qua một nhân vật kể không đáng tin cậy: Nó - Cái bào thai chưa thành hình. Tiếp đến, điểm nhìn trần thuật được kể qua nhân vật Hạ, rồi Điệp, rồi Phong...

Điểm nhìn trần thuật liên tục thay đổi cho phép rất nhiều giọng nói khác nhau cùng cất lên trong tác phẩm tạo nên một cuộc chơi với nhân vật đầy bí ẩn, sáng tạo.

Phong, một nữ nhà văn trẻ đang viết một cuốn tiểu thuyết mà nhân vật chính là một cô gái tên là Hạ. Phong cho đăng dần tác phẩm của mình trên blog riêng, tranh luận về nó cùng độc giả, trong đó có Điệp, người bạn thân của cô. Nhưng rồi, cuối tác phẩm, người đọc cảm giác được rằng cả Phong, hay Điệp chỉ là một phiên bản của tác giả cuốn sách mà họ đang đọc. Ý thức làm nhòe mờ nhân vật được tác giả thực hiện một cách có chủ đích ở trang 211: “*Tôi là Hạ? Tôi là Phong? Hay là Điệp? Tôi không biết*”.

Chính sự nhập nhằng, không rõ ràng giữa các nhân vật đã kích thích độc giả bước vào một cuộc chơi đầy thú vị cùng tác giả.

Theo bước chân nhân vật Hạ, với những va chạm, thử thách và những vấp ngã của cuộc đời cô, ta bắt gặp những mô hình nhân vật gắn với đời sống hiện thực: Mô hình 1: Sếp - con thú và sự thống trị của quyền lực; Mô hình 2: Quân - mối tình đầu: ngọt ngào và man trá. Giữa hai mô hình nhân vật nêu trên là sự thử nghiệm của cái tôi nhỏ bé, đó là Hạ. Gắn với mô hình 2, Hạ xuất hiện với một cái tôi yếu đuối, đầy cả tin. Cô nhất nhất chấp thuận theo mọi yêu cầu, đòi hỏi của Quân cả về tinh thần và thể xác. Từ chuyện buông xuôi để Quân lấy đi cái ngàn

vàng ở những chỗ chẳng hay ho gì, đến chuyện có thai ngoài ý muốn, rồi phá thai.... Tất tần tật, cô buông xuôi theo Quân với niềm tin ở cuối con đường sẽ là một đám cưới. Gắn với mô hình 1, Sếp - con thú - kẻ thống trị của quyền lực, người luôn muốn cô trở thành con mồi cho những ham muốn nhục dục của gã, cái tôi trong Hạ lại trỗi dậy với bản năng phòng vệ. Cô không chấp nhận cái lí luận muốn tồn tại, muốn sung sướng phải biết điều (nghĩa là chấp nhận yêu cầu của sếp mọi nơi, mọi lúc). Cô vừa tìm cách bảo vệ mình trước đòi hỏi của sếp, vừa tìm cách ứng xử để sếp không thể đuổi việc cô. Cho đến khi, cùng lúc, hai biến cố xuất hiện với Hạ: Quân cưới vợ sau 2 tháng 27 ngày kiếm cớ gây sự với cô và cơ quan giảm biên chế, Hạ sẽ là một trong những người đầu tiên của danh sách. Như vậy, cả hai lỗi ứng xử mà cô lựa chọn đều đưa đến cho cô sự thất bại.

Mâu thuẫn giữa cá tính cá nhân và xã hội đã tạo cơ hội nảy sinh những mâu thuẫn khác trong nhân vật. Đó là sự xuất hiện Nó và Bé con như là hiện thân của những những ám ảnh tâm linh của nhân vật.

Nó và Bé con được hiểu như là phần hồn và phần xác của nhân vật Hạ. Nó có lúc hòa hợp, nhưng có lúc mâu thuẫn một cách sâu sắc với Bé con. Bé con - phần xác mà Nó nương nhờ nay đã biến thành cơ thể Hạ. Sau hàng núi những áp lực tâm lí và công việc, Hạ ốm, Hạ vùi đầu vào thế giới ảo, Hạ tuyệt thực.... Nó nhân cơ hội này tìm cách chạy thoát khỏi Bé con. Nó khát khao đi tìm một nơi trú ngụ mới. Nó chu du ở khắp nơi. Nó lơ lửng trên không trung, nhưng rồi nó nhận ra một điều, Nó - Bé con sẽ là một thực thể không tách rời, cũng như trong nội tâm con người sẽ không bao giờ hết mâu thuẫn.

Như vậy, có thể thấy nhân vật trong *Blogger* đã xuất hiện với nhiều yếu tố phi truyền thống. Nhân vật không còn là những nhân vật của hành động nữa mà xuất hiện như là những phức thể tâm lí, tính cách. Nhà văn chú trọng khai thác xem nhân vật nghĩ gì, họ hành động trong tiềm thức hay vô thức, bản năng hay ý thức...

2.2.4. Trò chơi ngôn từ và bút pháp

Có quan niệm rằng ngôn ngữ là trò chơi giữa các kí hiệu để sinh thành nghĩa. Nắm bắt được điều này, Phong Điệp đã có ý thức chơi với văn bản và độc giả bằng cách rút ngắn câu văn, đôi khi không tuân thủ những cấu trúc từ vựng, cú pháp đã được chuẩn hóa.

Blogger chủ yếu sử dụng các câu văn ngắn, thậm chí ngắn tới mức chỉ có một từ. Điều này, một mặt chi phối bởi chất liệu hiện thực mà nhà văn xử lí trong văn bản là con người trong thời đại Internet, họ đang trao đổi thông tin với nhau, chia sẻ cảm xúc với nhau thông qua thư điện tử hay những trang mạng xã hội. Vậy nên, ngôn ngữ phải ngắn gọn, câu văn không được rườm rà, có thể lược bỏ thành phần. Chẳng hạn, ngay mở đầu tác phẩm, tác giả giới thiệu: “*Tôi là một nữ Blogger. Mắt cận. Tóc ngắn. 25 tuổi*”. 4 câu văn trong một dòng và chỉ có một câu đủ thành phần song vẫn đủ để ta hình dung ra diện mạo, tuổi tác của nhân vật.

Blogger thường sử dụng bút pháp lặp cú pháp như một công thức trần thuật:

Nó thậm nhủ: Chẳng còn bao lâu nữa....

Sẽ không còn nữa túi hờn.

Sẽ không còn nữa những phiền muộn.

Sẽ không còn nữa những hoang mang.

Sẽ không còn nữa những trống rỗng.

Sẽ không còn... (Trang 74)

Hay điệp khúc:

“Thứ bảy.

Thứ bảy.

Thứ bảy.

Thứ bảy.

Thứ bảy.” được lặp lại 3 lần trong hai trang 144, 145.

Và rất nhiều đoạn khác nữa (các trang: 146, 150, 155, 172, 180, 186, 188, 189, 190, 209, 210, 225,...). Cấu trúc lặp lại thường xuất hiện khi nhân vật rơi vào những trạng thái bế tắc, không tìm được lối thoát, hoặc cố cố vũ cho mình thực hiện một điều gì đó. Mật độ dày đặc của những câu văn lặp lại cho thấy các nhân vật trong tác phẩm của Phong Điệp dường như bị rơi vào trạng thái cô độc, xuất hiện với những mâu thuẫn nội tâm sâu sắc.

Blogger gia tăng ngôn ngữ đời sống, ngôn ngữ mạng. Những thuật ngữ *nick, chat, teen, comment, remove, reply, delete, entry, hot blogger...* xuất hiện dày đặc trong tác phẩm đã kéo độc giả vào thế giới trò chơi của tác phẩm. Nhà nghiên cứu Đoàn Cẩm Thi khẳng định: *Blogger đã chạm đến bản chất của văn hóa mạng* có lẽ bởi chính chất liệu ngôn ngữ mà tác giả sử dụng đậm chất Internet. Để có thể giải mã tác phẩm đòi hỏi độc giả phải có một vốn hiểu biết nhất định về văn hóa mạng.

2.2.5. Trò chơi kết thúc văn bản

Mọi trò chơi trong đời sống đều có quá trình tiếp diễn và kết thúc. Song, trong văn chương, không phải trò chơi nào cũng đem đến một kết cục duy nhất. Kết thúc tác phẩm *Blogger*, Phong Điệp đang để bạn đọc chìm trong nỗi xót xa vì cái chết của Hạ thì bất chợt tác giả hạ bút: *“Hậu kì: Sau khi đã hình dung tường tận về cái chết của mình, nó quyết định thay đổi kế hoạch. Giống như thao tác delete một entry”*.

Có thể nói, phần *Hậu kì* đã đánh lạc hướng suy nghĩ của độc giả. Thì ra, chuyện Hạ chết chỉ là một câu chuyện giả định. Hạ bế tắc trong cuộc sống, Hạ không tìm được lối thoát cho riêng mình, cô tưởng tượng ra cái chết của mình, nhưng cũng chính khi đặt mình trong cái chết, cô lại phát hiện ra những chân lí mới, rằng còn rất nhiều người cảm thông với cô, thương cô, cả những người bạn trong đời sống (như Quyên), đến những người bạn chưa gặp mặt (trên Internet).

Hạ quyết định thay đổi kế hoạch như thao tác delete một entry. Suy nghĩ phản tỉnh của nhân vật chính ở phần *Hậu kì* lại kéo người đọc vào một cuộc chơi mới với những giả định mới về cuộc đời nhân vật. Trong số đó, chắc hẳn có cả niềm tin về một thể hệ trí thức mới của thời đại, họ có thể vấp ngã, họ có thể bi quan, nhưng họ quyết không buông xuôi. Họ có thể, và cần thiết phải thay đổi cuộc đời mình.

2.3. Người tổ chức cuộc chơi và những đóng góp của Phong Điệp

Với khát vọng cách tân ráo riết, tiểu thuyết Việt Nam trong vài chục năm trở về đây đang nỗ lực tìm tòi những hướng đi mới. Thể nghiệm mô hình trò chơi là một con đường mới đòi hỏi nhiều thử thách đối với người chơi. Qua *Blogger*, Phong Điệp đã vững vàng đặt những bước đi đầu tiên cùng những cây bút đàn anh, đàn chị: Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Nguyễn Bình Phương, Hồ Anh Thái... và có những đóng góp nhất định.

Cuộc chơi *Blogger* của Phong Điệp đã vén bức màn mở ra một góc nhìn mới về cuộc sống, xã hội và con người. Nhà văn Bảo Ninh nhận xét trong buổi tọa đàm giới thiệu tác phẩm: “Là tác phẩm chặt chẽ về mặt cấu trúc nhưng đọc xong tôi có cảm giác bất an, lo lắng và sợ cái không khí của tiểu thuyết. Dường như là lời than thân của thế hệ trẻ đối với thế hệ tôi. Môi trường xã hội, đời sống xã hội của thế hệ trẻ hôm nay tưởng như thật rộng nhưng lại rất cô đơn”. Đoàn Cẩm Thi trong tham luận phát biểu tại buổi tọa đàm “Văn học nữ Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa” tổ chức tại Pari (tháng 9/2011) cũng đánh giá: “*Blogger* đã chạm đến bản chất của văn hóa mạng”. Còn nhà phê bình văn học Đoàn Ánh Dương thì chia sẻ: “Tham dự vào cuộc chơi trong *Blogger*, tôi “dự phần” vào sự băn khoăn của Phong Điệp: một sự cật vấn đô thị xã hội Việt Nam đương đại, và hơn thế nữa, sự cật vấn về bản chất cố kết cộng đồng xã hội Việt Nam. *Blogger* đã làm nổi bật vấn đề ý thức trách nhiệm sống, vấn đề xây dựng cộng đồng qua việc xây dựng cộng đồng mạng”.

Người tổ chức cuộc chơi *Blogger* tại thời điểm viết tiểu thuyết mới ngoài ba mươi tuổi. Cô gái tinh lẻ có hơn 10 năm tự lập bươn chải giữa thủ đô hoa lệ. Từ cuộc sống vất vả của cá nhân nhìn rộng ra cuộc sống thành phố của biết bao cô gái, chàng trai khác, nhà văn thấu hiểu đằng sau những bộ mặt tươi cười, những bộ quần áo bảnh bao, những thành công... là biết bao câu chuyện, bao góc khuất: “Thực ra trong cuộc sống của chúng ta, mọi thứ đều có câu chuyện phía sau của nó, dù là một mẫu rao vặt trên một tờ báo cũ”. Và: “Tôi muốn bạn đọc của mình không chỉ giở sách ra và làm một công việc thụ động là chờ xem nhân vật chính có làm đám cưới hay có bỏ nhau không, mà muốn họ cùng tham gia giải mã những câu chuyện, những nhân vật được bày ra trong sách” [4].

Điều đáng chú ý, cũng tại thời điểm viết tiểu thuyết *Blogger*, Phong Điệp lại sở hữu tới hai blog cá nhân và một trang web văn chương. Công việc hàng ngày bận rộn vì vừa phải làm việc “nhà nước” vừa phải đọc thư, biên tập, trả lời độc

giả. Đối diện với máy tính và mạng internet, nhà văn Phong Điệp được tiếp xúc với một thế giới khác, đa dạng hơn, nhiều chiều hơn. Sự trải nghiệm và khát vọng cách tân đã đem đến sự đổi mới về hình thức, đó là điều tất yếu. “Tôi muốn phá vỡ cách kể chuyện “có trật tự” mà lâu nay chúng ta vẫn quen thuộc. Nó có thể giúp nói lên một điều gì đó ám ảnh hơn thế - chứ không chỉ giới hạn ở những thông tin khá hạn chế khi xuất hiện trên báo chí - nếu được đặt trong một “bối cảnh văn học” [4]. Nhà văn xác định: “Đây cũng là một hướng mà tôi sẽ tiếp tục khai thác trong các sáng tác tiếp theo của mình”.

Trải qua hơn 15 năm, kể từ ngày *Blogger* ra đời, nhà văn Phong Điệp đã kiên trì thể nghiệm trên hướng đi mới mẻ đó. Một loạt tác phẩm có sự can dự của nguyên lí trò chơi đã ra đời: *Delete*, *Kẻ dự phần*, *Vực gió*, *Ga kí ức*... góp phần tạo nên một phong cách văn chương mang tên Phong Điệp. Có thể nói, từ *Blogger* (năm 2009) đến nay, với khát vọng cách tân và sự nỗ lực không ngừng nghỉ, Phong Điệp đã ghi dấu ấn khá rõ nét những đóng góp riêng của mình cho văn xuôi đương đại Việt Nam. Nữ nhà văn sinh ra và lớn lên tại thành phố Dệt, được ươm mầm, nuôi dưỡng từ cái nôi của Hội văn học nghệ thuật Hà Nam Ninh năm nào đã dám bút phá, thể nghiệm và đã thành công. Với tư duy nghệ thuật mang tinh thần hậu hiện đại, Phong Điệp không còn là nhà văn của riêng Nam Định, nhiều tác phẩm của cô đã bước ra biển lớn, được dịch ra tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc, Nga, Mỹ. Năm 2023, tác phẩm của Phong Điệp được đưa vào giảng dạy trong nhà trường (*sách giáo khoa Ngữ văn 11, tập 2, bộ Cánh diều*). Điều đó thêm một lần khẳng định vị trí vững chắc và đóng góp của nhà văn Phong Điệp cho văn học Nam Định nói riêng và văn xuôi Việt Nam đương đại nói chung.

3. Kết luận

Thể nghiệm nguyên lí trò chơi trong tiểu thuyết *Blogger*, Phong Điệp đã tiếp cận với tư duy nghệ thuật hiện đại của thế giới. Bằng cách này, tác giả đã mở ra một khuynh hướng sáng tạo từ chỗ coi tác giả và tác phẩm là trung tâm đến việc đề cao vai trò của độc giả, coi độc giả là một bộ phận của quá trình sáng tạo. Việc tạo ra trò chơi văn bản thông qua các kỹ thuật và bút pháp: làm nhòe nhân vật, lắp ghép, phân mảnh kết cấu, đan xen cốt truyện, lồng ghép thể loại, đa dạng hóa ngôn ngữ... nhà văn đã tạo ra một cách biểu đạt mới cho văn chương, và cũng đồng nghĩa với nó, đòi hỏi một lớp độc giả với tư duy tiếp nhận mới. Với sự đóng góp mới của *Blogger* ở cả hai phương diện sáng tạo và tiếp nhận, chúng ta có quyền hi vọng vào bước chuyển mình của văn chương Nam Định nói riêng, văn học Việt Nam nói chung trên con đường đổi mới và hội nhập quốc tế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nguyễn Thị Bình (2012), *Văn xuôi Việt Nam sau 1975*, NXB Đại học Sư phạm.

2. Miên Di, Blogger” - một ngòi bút lạnh <http://www.phongdiep.net>
3. Phong Điệp, Blogger - và những câu chuyện của tôi, <https://www.facebook.com/phamphongdiep>.
4. Lê Anh Hoài (thực hiện phỏng vấn) Phong Điệp: Blogger nhưng không viết tiểu thuyết mạng, tienphong.vn/.
5. Trần Ngọc Hiếu (2011), Tiếp cận bản chất trò chơi của văn học (Những gợi mở từ công trình Homo Ludens của Johan Huizinga), Tạp chí Nghiên cứu văn học số 11, trang 16-27.
6. Trần Ngọc Hiếu (2012), Khúc ngọt ngôn ngữ của lý thuyết trò chơi hậu hiện đại, Tạp chí VHNT số 332, tháng 2, tr 56 -58.
7. Lê Thị Y Vân, Những đặc sắc trong Blogger của Phong Điệp.

SÂN KHẤU NAM ĐỊNH 50 NĂM PHÁT TRIỂN, TRƯỞNG THÀNH

Phạm Khải Hoàn
Nguyên Giám đốc Nhà Văn hoá 3-2 (nay là Trung tâm VHĐATL tỉnh)

Ngày 30/4/1975, lúc 11 giờ 30 phút, cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, tung bay trên nóc dinh Độc lập. Niềm vui vỡ òa, khẳng định ngày toàn thắng, Nam Bắc sum họp một nhà. Non sông thu về một mối. Niềm vui bất tận đó, đến nay vừa tròn 50 năm. Nửa thế kỷ ấy, Tổ quốc ta đã trải qua bao thăng trầm và lập nên những chiến công lừng lẫy, đưa đất nước ta giành từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Cũng trong 50 năm ấy, nền nghệ thuật Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Văn hóa nghệ thuật thực sự soi đường cho quốc dân đi và đã đáp ứng tốt nhu cầu hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật của mọi tầng lớp nhân dân, trong đó nghệ thuật sân khấu đã góp phần tích

cực động viên, ca ngợi những thành quả cách mạng và những nhân tố tiên tiến, điển hình trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và gương sáng trong lao động sản xuất với tinh thần “Lá lành đùm lá rách, Thương người như thể thương thân”, để xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Chỉ nhìn riêng góc độ nghệ thuật biểu diễn, chúng ta thật tự hào đối với văn nghệ sĩ Nam Định trong 50 năm qua đã làm nên kỳ tích, với số lượng các vở được dàn dựng công phu và đi biểu diễn phục vụ nhân dân trong và ngoài tỉnh:

- Đoàn Chèo đã dựng tới 45 vở. Nhiều tác phẩm gây ấn tượng trong lòng quần chúng như: Tấm ảnh bên đầm sen, Đôi ngọc lưu ly, Quan Âm Thị Kính, Ánh sao đầu núi, Trần Quốc Toàn ra quân, Soi bóng người xưa, Những người nói thật, Trần Anh Tông...

- Đoàn Cải lương dựng 43 vở như: Ngô Quyền, Tống Trân Cúc Hoa, Hoàng Hậu Ba Tư, Lửa phi trường, Tình yêu và tội phạm, Mùa xuân có bão, Ai tỉnh ai điên, Trần Hưng Đạo...

- Đoàn Kịch nói dựng 40 vở: Đâu có giặc là ta cứ đi, Đôi mắt, Bão biển, Thời tiết ngày mai, Mùa hè ở biển, Không thể - có thể, Tú Xương...

Những kịch mục nêu trên, đã được dàn diễn viên gạo cội, vang bóng một thời thể hiện như: NSƯT Thanh An, Ba Bái, NSND Quang Chí, NSƯT Thanh Hằng (Đoàn Cải lương); NSND Kim Liên, NSƯT Bích Thục, Đăng Khoa, Diệu Hằng... (Đoàn Chèo); NSƯT Đào Quang, Thùy Linh, Quang Nhất, Hồng Ngát... (Đoàn Kịch nói).

Hoạt động sân khấu trên lĩnh vực không chuyên, cũng xuất hiện nhiều diễn viên tài năng như: Quang Lộc, Minh Lý, Thanh Hương, Thanh Ngoan, Minh Chuyên, Thanh Lịch... làm cho phong trào văn nghệ quần chúng khởi sắc, tỏa sáng ở những miền quê trong tỉnh.

Chúng ta lại có nhiều tác giả thành công, gây dấu ấn qua tác phẩm dựng cho chuyên nghiệp và không chuyên như:

- Tác giả Trịnh Quang Khanh với vở: Người trở về, Người sưu tầm đồ cổ, Con nhà lính, Cạm bẫy, Bố già, Động đến thiên đình, Lên tiên, Một cuộc đời, Trăng khuyết và xuất bản 2 tập kịch:

- Tác giả Phạm Khải Hoàn với vở: Đêm tuần tra, Chiếc vòng bạc, Trước giờ ra trận, Người ở lại, Con của mẹ, Chuyện nhà nông, Ngọc Hoàng vì hành, Tình yêu và nghị lực, Chuyện tình Điện Biên, Quay về bến yêu thương, Bên bờ sóng vỗ, Trái tim người chiến sỹ. Và đã có tới 30 tác phẩm sân khấu phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam và xuất bản 2 tập kịch...

- Tác giả Đào Nguyên với vở: Lấn biển, Tiếng trống sang canh, Trần Hưng Đạo, Bụi tre gai, Bến sông quê, Thanh gươm và giải lụa, Tráng sỹ Trần Sơn Nam...

- Tác giả Trần Tính có vở: Tiền và tình, Con bố, con con, Thơ rơm, Máu lạnh, Cạm bẫy vô hình, Tôi là thủ phạm, Ly hôn...

- Tác giả Thanh Lương với vở: Tiếng trống, Bến gốc đa, Bến nước dòng sông, Biển Đông, Tình huống bất ngờ, Cuối nhiệm kỳ, Mẹ chung, Nỗi đau người lương thiện...

Ngoài những tác giả tiêu biểu trên, thì Nam Định còn nhiều nhà biên kịch tài năng, thành danh, nhưng sống ở nơi khác như: Xuân Trinh, Trúc Đường, Nguyễn Bính, Đào Hồng Cẩm, Vũ Hải, Đào Mộng Long, Nguyễn Khắc Phục, Bùi Trọng Đang...

- Tác giả Đạo diễn thì có: Trịnh Quang Khanh, Đào Quang, Trần Tính, Phạm Khải Hoàn, Đỗ Hiền, Huy Thông, Đinh Tuyên... dựng nhiều vở thành công, đạt huy chương vàng, bạc trong hội diễn... làm cho sân khấu Nam Định thực sự hoạt động, hiệu quả cao. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh thường xuyên mở trại sáng tác kịch bản, vở diễn cho phong trào và hàng năm thường tổ chức hội diễn văn nghệ quần chúng cấp tỉnh, cấp huyện, làm cho phong trào văn nghệ luôn sôi động, khởi sắc mà bạn bè gần xa tôn vinh là vùng sân khấu mạnh.

Nhất là những năm gần đây của thế kỷ 21, thế giới đang xích lại gần nhau, hàng hóa không còn biên giới, khoa học là của chung nhân loại. Công nghệ thông tin bùng nổ, ngày hôm nay khác ngày hôm qua. Tất cả không còn gì che giấu. Con người cũng bị cám dỗ đến mức báo động. Nếu không có bản lĩnh truyền thống tốt đẹp, nối tiếp từ đời này qua đời khác, thì ta sẽ không còn là ta, mình sẽ đánh mất mình.

Chỉ nhìn riêng góc độ nghệ thuật biểu diễn, cũng nảy sinh bao luồng tư tưởng khác nhau: Tồn tại hay không tồn tại. Sân khấu chuyên nghiệp ở nhiều nơi, mặc dù gồng lên nhưng vẫn đứng trước khó khăn, thử thách lớn: Khán giả vơi dần, bị cơm áo gạo tiền, công ăn việc làm và các loại hình khác như ti vi, điện thoại thông minh, máy tính, mang cả thế giới về nhà, như bị thôi miên, lôi kéo mọi tầng lớp quần chúng, không còn thời gian, quay lưng với nghệ thuật chính thống.

Trước thực trạng ấy, nhiều nhà hát cả năm chỉ diễn một số buổi là nhờ hợp đồng diễn trong những ngày kỷ niệm, hoặc khi có công trình lớn khai trương. Còn việc đi phục vụ quần chúng ở nơi vùng sâu, vùng xa rất hiếm hoi. Đi biểu diễn bán vé doanh thu, đã lâu lắm không thực hiện được, chỉ còn là ước mơ của các đoàn nghệ thuật... Nhiều đoàn nằm im, diễn viên nhàn rỗi, giảm sút đam mê nghệ thuật. Riêng có nhà hát truyền thống, môn nghệ thuật cốt lõi cần phải bảo tồn và lại hợp với thị hiếu đông đảo quần chúng vẫn thường xuyên biểu diễn, nhưng cũng chỉ trích đoạn, tiểu phẩm cùng với chùm dân ca.

Trước tình trạng ấy, các đơn vị nghệ thuật Nhà hát Chèo, Đoàn Nghệ thuật Cải lương, Đoàn Kịch nói hợp nhất thành Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nam Định. Số nghệ sĩ đông, nên rất thuận lợi khi dựng vở lớn, hoành tráng và đã khẳng định được dấu ấn của mình tại Liên hoan Cải lương toàn quốc năm 2024, ở phía Nam, cái nôi của nghệ thuật cải lương với vở: “Công chúa Huyền Trân” đã

giành 01 HCV (nghệ sĩ Lê Thị Thu Hiền), 02 HCB nghệ sĩ Bùi Văn Phong và nghệ sĩ Nguyễn Phương Chi, 01 giải xuất sắc giành cho nhạc công Bùi Thanh Tùng. Đoàn Kịch nói tham gia Liên hoan Kịch nói toàn quốc tại Thái Nguyên với vở “Điều còn lại” đạt 01 HCV (NSUT Thùy Linh), 02 HCB (NSUT Quang Nhất, NSUT Hồng Ngát, 02 giải diễn viên xuất sắc (Nghệ sĩ Đinh Thị Nhung, Nghệ sĩ Đức Tiến). Đoàn chèo thuộc Nhà hát Nghệ thuật truyền thống năm 2024 đã dựng vở Thần y, có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, tạo dư luận tích cực trong công chúng... Tuy vậy, cũng phát sinh trở ngại là kịch diễn chèo rất khó: Kịch không ra kịch, mà chèo cũng chẳng ra chèo và ngược lại. Nhưng chúng ta tin rằng với tài năng sáng tạo của các nghệ sĩ, chỉ sau thời gian bờ ngõ ban đầu, các nghệ sĩ sẽ quen với loại hình nghệ thuật mới, thuận lợi cho việc chọn diễn viên tài sắc đảm nhận những vai chính trên sân khấu. Và các đoàn dễ tinh giản biên chế đối với những diễn viên đã luống tuổi, sức diễn đã suy giảm, giọng hát cũng trở lên chèn phô để giảm gánh nặng cho Nhà hát.

Còn kinh phí thì giai đoạn nào cũng rất khó khăn. Trước kia có 3 đoàn là ba đầu mỗi cấp kinh phí, nay chỉ còn 1 đoàn, tức 1 đầu mỗi cấp kinh phí. Lại tùy thuộc vào nguồn thu của tỉnh, nên ít nhiều cũng khó khăn khi dựng vở mới. Vậy nên mỗi năm may lắm chỉ dựng được một thể loại. Nếu dựng chèo thì kịch và cải lương phải chờ những năm sau. Cứ tình trạng này, thì kịch và cải lương, đã bị co lại, không đủ sức dựng vở lớn với quy mô hoành tráng.

Đến nay Đoàn Cải lương, Đoàn kịch nói, Nhà hát Chèo hợp nhất, như vậy tỉnh Nam Định đã nghiêm túc thực hiện sự chỉ đạo của Chính phủ: Mỗi tỉnh chỉ tồn tại một đoàn nghệ thuật phù hợp với nhu cầu văn hóa nghệ thuật của nhân dân tỉnh mình.

Tiếc lắm, nhưng biết làm thế nào được khi đất nước còn nghèo, nhiều vùng dân tộc hẻo lánh xa xôi, người dân còn khó khăn, trẻ em còn phải lội suối trèo đèo hàng chục cây số mới đến được lớp học. Với nghĩa đồng bào, ta không thể làm ngơ. Vì vậy việc tinh, gọn, mạnh bộ máy là rất cần. Tổ chức sân khấu của chúng ta cũng nằm trong guồng máy tinh gọn ấy... Rất khó khăn, nhiều trở ngại, nhưng không còn con đường nào khác để tránh tình trạng: Sáng cấp ô đi, tối cấp về, để sân khấu Nam Định giữ được truyền thống vàng son của nó.

Với bản lĩnh năng động, sáng tạo của các nghệ sĩ, chúng ta tin rằng sân khấu tỉnh nhà sẽ bút phá, trưởng thành góp phần nhỏ bé nhưng thiết thực vào công cuộc đổi mới, đưa tỉnh nhà phát triển hơn nữa, theo kịp các tỉnh giàu có trong toàn quốc. Và sân khấu là viên ngọc quý, mà ông cha đã dày công vun đắp, sáng tạo hàng trăm năm mới được, trở thành món ăn tinh thần, có giá trị đặc biệt đối với quần chúng. Và cũng là niềm tự hào về văn hóa độc đáo, tài năng trước nền nghệ thuật của toàn nhân loại. Với giá trị ấy, chúng ta không thể để mai một và phải chấn hưng nghệ thuật về đúng giá trị vốn có của nó. Đó cũng là điều thánh thức đối với những người đam mê nghệ thuật và cán bộ quản lý. Nhất là những người giữ trọng trách lớn, quyết định số mệnh của các đoàn nghệ thuật.

Còn sân khấu không chuyên hay còn gọi văn nghệ quần chúng là phương tiện, là phép màu nhiệm nói lên những gì con người thôn dã muốn nói, nội dung sân khấu không chuyên, chỉ ca ngợi hoặc phê phán một vấn đề xảy ra trong cuộc sống xã hội, thường mang yếu tố thời sự nhiều hơn, để phản ánh tức thì cuộc sống đang sôi động diễn ra thường ngày, mà chính người lao động là khán giả xem tình huống sự việc do con em mình biểu diễn.

Tác giả của kịch bản, có thể là chuyên nghiệp, hay không chuyên nhưng phần lớn là anh chị em yêu thích nghệ thuật, đam mê sân khấu, do yêu cầu về vở diễn của các đội văn nghệ, nên họ sáng tác, chứ nào có được học hành biên kịch đến nơi đến chốn, hay tiền nhuận bút như các tác giả chuyên nghiệp... Song họ đều rất hào hứng, trực tiếp đạo diễn, dạy hát dạy múa, chạy lên chạy xuống vất vả mượn hết quần áo đến đạo cụ cho tiết mục... Những diễn viên thì say mê, tự khẳng định mình, khoe tài ngoài giờ lao động, nhằm thỏa mãn nhu cầu sáng tạo mà chất nghệ sĩ luôn tiềm ẩn ở trong mỗi con người. Với lối diễn mộc mạc, ngôn ngữ giản đơn, hình tượng cụ thể, ví von sống động, đôi khi hóm hỉnh, mang đậm nét từng vùng quê, làm cho mọi người dễ nhớ, dễ liên tưởng, dễ đồng cảm. Vở diễn lại gọn nhẹ, thời gian vừa phải, nhân vật không nhiều, đạo cụ, trang phục, phong cảnh giản đơn... phù hợp với hoàn cảnh và kinh phí, làm tăng thêm độ bền vững phong trào văn nghệ quần chúng.

Họ sắm vai diễn mà người xem là bạn bè, đồng nghiệp hoặc bà con lối xóm chỉ cách nhau: "cái đậu mồng toi". Nên văn nghệ không chuyên còn là điểm hội tụ của người lao động và tạo nên nhân sinh quan đồng nhất giữa diễn viên và khán giả, làm cho sân khấu hồn nhiên, cởi mở, gần gũi, dễ truyền bá khoa học kỹ thuật, chuyển đổi phương thức sản xuất, dạy cách làm giàu... Và cũng là khai thác, bảo tồn, lưu truyền và phát triển giá trị văn hóa dân tộc trước sự pha tạp, quyền rũ của văn hóa ngoại lai.

Những vở chèo hay, với làn điệu mượt mà, mang đậm nét đồng bằng, cùng áo tứ thân, mớ ba mớ bảy, những chiếc nón ba tầm, khăn xếp áo the, đậm đà chất giao duyên đầm thắm. Cùng với làn điệu hát văn, hát xẩm, ca trù, trống quân, cò lả... và phong tục tập quán đã lưu giữ hồn quê, cho ta thấy cái mộc mạc, duyên dáng của nông thôn mới, trước sự hội nhập toàn cầu. Như vậy văn nghệ không chuyên là hơi thở của cuộc sống đã góp phần tạo nên tâm hồn, nhân cách Việt Nam và cũng là sân chơi lý thú, bổ ích của người lao động, để xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Chính vì vậy, trong nhiều năm nay, Nam Định đã phát huy là vùng đất có truyền thống cách mạng, giàu tiềm năng văn hiến, để xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa. Hiện nay, Nam Định có 9 trung tâm văn hóa các huyện, thành phố; 100% số xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa xã/ hội trường đa năng và các nhà văn hóa thôn, xóm, tổ dân phố đó là nơi hội tụ các sinh hoạt văn hóa văn nghệ của trên 700 đội văn nghệ và hàng ngàn câu lạc bộ sở thích đang phát triển. Trong đó có tới 30 câu lạc bộ sân khấu mạnh, tiêu biểu như: CLB sân khấu xã Giao Hà

(*huyện Giao Thủy*), thị trấn Lâm (*huyện Ý Yên*), Mỹ Hà (*thành phố Nam Định*), Nghĩa Trung (*huyện Nghĩa Hưng*), Liên Minh (*huyện Vụ Bản*). Các CLB sân khấu này, đã làm sống lại phong trào văn nghệ quần chúng bằng các vở diễn hay, được công chúng đón nhận như vở: Vùng cửa sông, Chuyện nhà nông, Khát vọng người lính, Ngôi nhà tình nghĩa, Đồng vàng, Biển gọi, Tình người cao cả, Đêm trực ca, Tình người quê biển...

Chúng ta lại có đội ngũ tác giả, đạo diễn chuyên nghiệp và không chuyên, vững vàng về chuyên môn, nhiệt tình với phong trào làm cho văn nghệ quần chúng thêm khởi khởi sắc, góp phần đáng kể vào công cuộc đổi mới và xây dựng nông thôn ngày càng xanh, sạch đẹp, văn minh, hiện đại.

50 năm qua sân khấu Nam Định, đã làm tròn sứ mạng của nó. Và ngày nay văn nghệ quần chúng đã chuyển sang hình thức khác, để phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại, đó là các câu lạc bộ sở thích để đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hoạt động, giao lưu và hưởng thụ văn hóa nghệ thuật của cá nhân hay nhóm người. Và sân khấu không chuyên rất cần sự giúp đỡ của chính quyền địa phương trong chỉ đạo, định hướng và kinh phí cho hoạt động, để tồn tại lâu bền trong đời sống tinh thần của xã hội./.

NHIẾP ẢNH NGHỆ THUẬT NAM ĐỊNH 50 NĂM HỘI NHẬP CÙNG ĐẤT NƯỚC

NSNA Đinh Cường Quang
Trưởng bộ môn Nhiếp ảnh, Hội VHNT tỉnh Nam Định

Năm 1837, từ phát minh và cộng tác của Joseph Nicéphore Niépce, Louis Daguerre đã phát minh ra phương thức giúp lưu ảnh tên là Daguerreotype. Đến ngày 19/8/1839 được Chính phủ Pháp công nhận “phương pháp làm ảnh Daguerre”; tại Hội nghị liên tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Viện Hàn lâm Mỹ thuật đã chính thức công bố coi đó là ngày ra đời của nhiếp ảnh, một thành tựu phát minh lớn nhất về nhiếp ảnh của nước Pháp, là món quà miễn phí tặng cho toàn thế giới cuối thế kỷ XIX.

Nhiếp ảnh được du nhập vào Việt Nam đầu năm 1869, từ một nhân vật lịch sử - cụ Đặng Huy Trứ (1825-1874); sau đó phải kể đến ông tổ “làng nghề nhiếp ảnh” duy nhất ở nước ta là cụ Khánh Ký (Nguyễn Đình Khánh) sinh năm 1874 tại làng Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội); mở hiệu ảnh khi mới 18 tuổi, ông nổi tiếng với nghề nhiếp ảnh, một người thầy lớn, ông còn là một nhà cách mạng hoạt động ở Pháp đầu thế kỷ XX.

Cách mạng Tháng Tám thành công khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một nền nhiếp ảnh mới được sinh sôi và phát triển, từ đây cũng ra đời những nhà nhiếp ảnh chân chính đi theo con đường cách mạng, họ là những phóng viên, cộng tác viên nhiếp ảnh viết lịch sử đất nước bằng ống kính máy ảnh, những điều kỳ diệu tạo nên các tác phẩm ảnh đỉnh cao, ghi lại những khoảnh khắc cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của quân và dân ta, là kho lưu giữ tinh thần đồ sộ vô giá cho nhiều thế hệ mai sau.

Bác Hồ trong hành trình tìm đường cứu nước, Người chỉ đường dẫn lối và khơi thông mạch nguồn ánh sáng cho đất nước ta, Người là niềm tin vĩnh cửu trong lòng dân tộc Việt Nam, là nhà văn hóa vĩ đại, là danh nhân của thế giới; với tầm nhìn chiến lược, Bác rất quan tâm đặc biệt đến ngành Nhiếp ảnh ngay từ những ngày về vùng chiến khu Việt Bắc. Ngày 15/3/1953 tại khu đồi cọ xã Điện Văn, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 147 thành lập ngành Nhiếp ảnh và Điện ảnh Việt Nam, thật vinh dự cho giới nhiếp ảnh cả nước đã có dấu mốc quan trọng để định hướng hoạt động và phát triển theo đường lối độc lập, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

Từ một đất nước nghèo nàn, lạc hậu, Nhân dân ta đã anh dũng đấu tranh, giành thắng lợi hoàn toàn trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ, đánh bại cường quốc quân sự thế giới là đế quốc Pháp và Mỹ; kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên phủ, làm “chấn động địa cầu”; đỉnh cao là “chiến dịch Hồ Chí Minh” đại thắng mùa Xuân 1975, đưa đất nước ta liền một giải hòa bình, sánh vai cùng các nước trên đà phát triển của thế giới; nhiếp ảnh đã đồng hành trên các trận chiến đầy cam go và khốc liệt ấy, cảnh báo kịp thời tội ác chiến tranh với nhân dân trong nước và thế giới, lưu giữ được hàng trăm ngàn tấm ảnh ghi lại những sự kiện lịch sử đấu tranh giải phóng của dân tộc; đã có phóng viên nhiếp ảnh quay phim sát cánh cùng đồng đội chiến đấu và anh dũng hy sinh, một số để lại những thương tích trên mình trong suốt cuộc đời họ.

Sau ngày thống nhất, với đường lối lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, đất nước ta bước vào giai đoạn mới, toàn Đảng toàn dân đoàn kết trong khí thế khai hoàn bắt tay vào xây dựng, ổn định và phát triển theo con đường độc lập, tự chủ, dân giàu, nước mạnh, xã hội phồn vinh.

Nhiếp ảnh Nghệ thuật tỉnh Nam Định ngày nay được lớn lên trong ngôi nhà chung Hội Văn học Nghệ thuật (VHNT) từ khi Đại hội thành lập năm 1977 của

tỉnh (Hà Nam Ninh), cùng chung một lý tưởng trong 7 chuyên ngành nghệ thuật, phân đầu cho nền VHNT tỉnh nhà có nhiều sản phẩm văn hóa tinh hoa tốt nhất, phục vụ đắc lực cho công tác tuyên truyền văn hóa chính trị, xây dựng quê hương, nâng cao đời sống tinh thần, xã hội văn minh, đất nước cường thịnh; trong đó Bộ môn Nhiếp ảnh Nghệ thuật với những nghệ sỹ nhiếp ảnh (NSNA) gạo cội, là những chim đầu đàn cùng xây viên gạch nền móng thành lập Hội VHNT của tỉnh như: Cố NSNA Nguyễn Quang Văn, ông là tác giả của tác phẩm nổi tiếng “Sự trừng phạt đích đáng”, chụp nữ dân quân Hà Thị Nhiên kéo xác máy bay Mỹ ở miền biển Hải Hậu tháng 5/1966. Tác phẩm này đã đoạt Huy chương Vàng quốc tế tại Cộng hòa Dân chủ Đức tháng 3/1970, được báo chí thế giới đăng tải trên nhiều tờ báo, thể hiện tinh thần ý chí quật cường và lòng dũng cảm của dân tộc, được trưng bày tại bảo tàng lịch sử quân sự Việt Nam và nhiều sách ảnh, báo chí trong kho lưu trữ văn học nghệ thuật. Cùng thời còn có cố NSNA, nhà báo Đỗ Dương Uyên, ông là nhà báo lão thành của tờ báo Hà Nam Ninh xưa và Nam Định ngày nay; tận tụy hết mình với nghề, với đồng nghiệp, với cộng tác viên của báo. Tác phẩm “Giúp bà khâu kim” của ông đã được giải Nhì tại Triển lãm toàn miền Bắc 1968, được Huy chương Đồng quốc tế tại Xôphiya (Bungari) 1970; đặc biệt tác phẩm “Sẵn sàng” ở đề tài chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của giặc Mỹ, đã thể hiện đầy đủ của một tác phẩm thời sự và Nghệ thuật, đoạt bằng Danh dự cuộc Triển lãm ảnh báo chí thế giới tại Lahay (Hà Lan) 1966, trong khi với đề tài “Báo chí” các phóng viên Việt Nam hiếm khi được trao giải quốc tế, cùng tác phẩm đó được Hội NSNA Việt Nam tặng giải Đồng hạng kỷ niệm “50 năm Nhiếp ảnh Việt Nam” năm 2003. Trong thời kỳ khởi đầu sự nghiệp Hội VHNT lúc đó, còn có cố nghệ sỹ nhiếp ảnh Tạ Duy An, Hà Khắc Phúc; cũng phải kể đến NSNA, nguyên là cán bộ Tuyên huấn Bộ đội Biên phòng Lã Thượng Sỹ, nhà báo NSNA Đỗ Thị Lý; họ đã cùng nhau vượt qua nhiều khó khăn, thách thức bởi những thiết bị hỗ trợ tác nghiệp ngày ấy còn thô sơ lại quý hiếm.

Năm 1991, Hội NSNA Việt Nam gia nhập Liên đoàn Nhiếp ảnh quốc tế (FIAP), chúng ta có dịp tiếp xúc rộng rãi với những thành tựu văn hóa thế giới, đồng thời giới thiệu với nhân dân các nước những hình ảnh giá trị tốt đẹp, độc đáo của văn hóa Việt Nam; từ đây các cuộc liên hoan, thi ảnh nghệ thuật được tổ chức, bảo trợ của Hội NSNA Việt Nam tới các tỉnh và 9 khu vực trên cả nước, tạo sự cọ sát, phấn đấu của từng Nghệ sỹ Nhiếp ảnh trong và ngoài nước.

Cùng hòa nhịp với những thay đổi trên con đường xây dựng phát triển và hội nhập của đất nước, mùa xuân 1992 và mùa hè 1997 việc chia tách tỉnh Hà Nam Ninh rồi Nam Hà, đồng thời Hội VHNT Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định cũng hình thành, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động của các văn nghệ sỹ nói chung, của nhiếp ảnh nói riêng.

Từ Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII ra đời ngày 16/7/1998 về “*Xây dựng và phát triển Văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc Dân tộc*”, Bộ môn Nhiếp ảnh Hội VHNT tỉnh Nam Định được củng cố, trong lúc phong trào nhiếp ảnh nghệ thuật toàn quốc phát triển mở rộng, là động lực thúc đẩy hội viên nhiếp ảnh Nam Định tích cực sáng tác. Một trang mới nở rộ những gương mặt, tên tuổi của lớp nghệ sỹ trẻ, đoạt nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế như: Nghệ sỹ nhiếp ảnh (NSNA) Trần Thế Long, ông đã đoạt 04 Huy chương Vàng, 02 Huy chương Bạc, 08 Bằng Danh dự quốc tế, 02 giải thưởng Xuất sắc châu Á (ACCU), 01 giải A, 01 giải B, 02 giải C Xuất sắc quốc gia và nhiều giải thưởng toàn quốc, khu vực, các ngành Trung ương; là NSNA Xuất sắc quốc gia (VAPA) và quốc tế (FIAP). Nhắc đến NSNA là thương binh, người Thành Nam ai cũng biết NSNA Bùi Đăng Thanh, ông là thương binh đã để lại nửa cánh tay phải nơi chiến trường Tây Nguyên ác liệt, thời chống Mỹ, khi trở về công tác ở thành phố Nam Định quê hương thứ hai, ông đam mê gắn bó với nhiếp ảnh nghệ thuật đến nay đã gần 50 năm, giành được hơn 40 giải thưởng trong nước và quốc tế.

Nói đến cựu chiến binh, hội viên Hội NSNA Việt Nam, NSNA quốc tế (FIAP) Duy Quang, với hơn 20 năm đảm nhiệm Ủy viên Ban Chấp hành, phụ trách Bộ môn Nhiếp ảnh Hội VHNT của tỉnh, Chi hội Trưởng Chi hội NSNA Việt Nam tỉnh, với gần 40 giải thưởng về nhiếp ảnh trong nước và quốc tế, ông được tặng nhiều Bằng khen, giấy khen của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, của Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, của Hội NSNA Việt Nam và của tỉnh.

Một thời kỳ hoàng kim của nhiếp ảnh nghệ thuật Nam Định cũng phải kể đến NSNA, nhà báo Lương Thế Tuấn, với hàng chục giải Vàng (Nhất) ở các cuộc thi có đề tài, sức cạnh tranh khó, nổi bật là tác phẩm “Bạn cùng trăng” giải Nhất Phụ nữ toàn quốc tại thành phố Hồ Chí Minh, HCB toàn quốc, giải Xuất sắc quốc gia... Người vừa khéo làm kinh tế thời mở cửa, lại vừa sáng tác giỏi, như cố NSNA Phạm Hùng Cường, ông có nhiều giải thưởng đặc biệt trong các cuộc thi lớn cấp quốc gia. NSNA Ngọc Quang lại có cá tính, cách nhìn tinh xảo của con nhà nghề, thể hiện trong mỗi tác phẩm đoạt giải của anh. Nếu nói về sự đam mê đến kỳ lạ, ít ai sánh được NSNA Đinh Hữu Tuyên, với chiếc xe máy rong ruổi khắp đường ngõ, xóm làng, các lễ hội, những giải thưởng đã không phụ lòng say mê ấy và chính ông 3 lần đoạt giải Nhất cuộc thi cấp tỉnh. NSNA Chu Thế Vĩnh ngoài các tác phẩm đoạt giải anh còn có duyên với ảnh báo chí, thời sự và thường xuyên ghi tên tác giả nhiếp ảnh trên các tờ báo của tỉnh.

Đổi mới, phát triển đất nước tiến nhanh bền vững, Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về “*Tiếp tục xây dựng và phát triển Văn học Nghệ thuật trong thời kỳ mới*”. Nghị quyết được triển khai đã tác động mạnh mẽ đến toàn thể hoạt động, đời sống tinh thần trong các tầng lớp xã hội. Đặc biệt, văn học nghệ thuật nước ta có cơ hội tăng tốc, đẩy mạnh hoạt động trên cơ sở hành

lang pháp lý cởi mở, mở rộng giao lưu quốc tế. Nhiếp ảnh nghệ thuật Nam Định tiếp tục được bổ sung những nghệ sĩ mới, trẻ, có nhiều năng lực sáng tác, tiếp thu các thiết bị tiên tiến, đáp ứng kịp thời, nhanh nhạy công nghệ “số hóa”. Nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế tiếp tục ghi dấu ấn cho đội ngũ nhiếp ảnh tỉnh nhà, phải kể đến NSNA Vũ Ngọc Vinh, Ủy viên BCH, Phó trưởng Bộ môn Nhiếp ảnh, anh là nghệ sĩ có phong cách chụp ghi thực, không sắp đặt (Setup), các giải thưởng ảnh nghệ thuật anh giành được đều mang tính thời sự cao. Người viết thơ trong ảnh, đó là NSNA, nhà thơ Mai Quốc Cách, anh liên tiếp 4 kỳ nhận giải thưởng VHNT Lương Thế Vinh 5 năm một lần, ra mắt hai tập thơ liền. Tiếp đến NSNA Trần Văn Hưng, là nghệ sĩ trẻ giành được nhiều giải thưởng trong nước, những tác phẩm đoạt giải đa số anh chụp về biển. Đến với nhiếp ảnh nghệ thuật hơi muộn, vận động viên bóng bàn, NSNA Lã Quý Tráng người săn ảnh thời sự nghệ thuật, dù nắng hay mưa những sự kiện biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao đều có ông góp mặt. Nói đến con nhà nghề, phải kể đến NSNA Lưu Trường Thịnh, anh là chủ cửa hàng ảnh Minilap ngay từ thời kì đầu tiên có máy tráng, in ảnh hiện đại; cũng như NSNA Đinh Trung Thành từng một thời mở cửa hàng, chuyên sản xuất ảnh bằng hệ thống máy công nghệ tân tiến nhất. Những người nông dân, làng nghề trở thành hội viên nhiếp ảnh vì đam mê, cống hiến những tác phẩm ảnh có giá trị giáo dục tinh thần và xây dựng xã hội, đã từng đạt được một số giải thưởng như: NSNA Trần Duy Cát, Nguyễn Đức Huân, Phạm Thanh Bình, Lê Thanh Tôn, Nguyễn Thế Hai, Nguyễn Sơn Hà, Đinh Văn Quân, Đinh Thị Huệ. Là nhà giáo ở các trường học, với vốn thời gian ít ỏi, nhưng các thầy, cô vẫn sắp xếp thời gian nghỉ, miệt mài sáng tác để có giải, có tác phẩm đủ tiêu chuẩn gia nhập Hội VHNT theo quy chế như: NSNA, nhà giáo Vũ Tuấn Khanh, Vũ Thị Minh Châu, Đỗ Ngọc Hà, Vũ Văn Khoa, Vũ Thanh Nam... đều mỗi người một phong cách sáng tác mạnh mẽ và độc đáo.

Có thể nói, tập thể đội ngũ NSNA, Hội VHNT tỉnh Nam Định đã trải qua năm tháng hình thành, xây dựng và phát triển, từ khi chỉ có 7 hội viên ngày đầu thành lập, đến nay Bộ môn nhiếp ảnh đã có 25 hội viên sinh hoạt, trong đó 9 nghệ sĩ là Hội viên Hội NSNA Việt Nam, số hội viên đến nay chưa nhiều so với một số bộ môn chuyên ngành khác trong Hội VHNT, nhưng nhìn về chất lượng để có thể trở thành nghệ sĩ sáng tác ảnh Nghệ thuật, đương nhiên phải cấu thành đủ những yếu tố quan trọng như: lập trường đạo đức đúng đắn, có năng lực chuyên môn, có sức khỏe và điều kiện sáng tác tốt, nhất trí và thực hiện theo Điều lệ hội viên, lại phải có tính đam mê, kiên trì mới phát huy được nhiều tác phẩm chất lượng cao; chính vì vậy khi đã trở thành Hội viên đều được thử thách toàn diện.

Nhìn lại suốt nửa thế kỉ qua, được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo các cấp từ Trung ương tới địa phương, của Ban Chấp hành Hội VHNT và các ban, ngành trong tỉnh, Nhiếp ảnh Nam Định không ngừng phát triển và lớn mạnh. Với hàng

ngàn tác phẩm được trao giải hoặc triển lãm tại địa phương, khu vực và toàn quốc, từ các châu lục trên thế giới, đều có tên tác phẩm của nhiều tác giả hội viên Hội VHNT Nam Định, đã giành được 13 HCV và hàng trăm giải thưởng các thể loại HCB, HCD, Bằng Danh dự, giải Đặc biệt Xuất sắc quốc tế (FIAP); trong đó có 4 nghệ sĩ được phong tước hiệu nghệ sĩ quốc tế. Ở trong nước, Bộ môn Nhiếp ảnh Nghệ thuật Nam Định đã triển khai về các địa phương kết hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin tổ chức các cuộc triển lãm ảnh Thời sự Nghệ thuật tại các huyện: Giao Thủy, Xuân Trường, Hải Hậu, Nghĩa Hưng, Nam Trực, Vụ Bản, Trực Ninh, thành phố Nam Định cùng một số Sở, ban ngành. Phục vụ có hiệu quả cho công tác tuyên truyền bằng hình ảnh: Học tập và lao động, xây dựng đổi mới, giữ gìn an ninh, an toàn xã hội, phát huy những gương người tốt, việc tốt trong các dịp Đại hội Đảng, bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp; phục vụ xúc tiến quảng bá trên cả nước và quốc tế, các điểm du lịch biển, khu sinh thái rừng ngập mặn Ramsar, lễ hội truyền thống, làng nghề đặc sắc vùng miền, các di tích lịch sử lâu đời... Đóng góp nhiều hình ảnh thời sự cho Báo Nam Định, tham gia tích cực phần lớn các tác phẩm đoạt giải và triển lãm tại những cuộc thi ảnh đẹp nghệ thuật do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định tổ chức, với 6 cuộc thi và triển lãm ảnh nghệ thuật “*Đất và Người Nam Định*” Bộ môn đã tổ chức chủ yếu là tự túc, tự trang trải, 7 lần đoạt giải đồng đội khu vực các tỉnh Đồng bằng sông Hồng. Đặc biệt, với phương châm tự đóng góp của tác giả và xã hội hóa, Bộ môn đã xuất bản cuốn sách ảnh nghệ thuật đầu tiên của Nam Định với các tác phẩm đã đoạt giải, triển lãm ở nhiều cuộc thi ảnh nghệ thuật lớn trong nước và quốc tế. Với những thành tích đã đạt được, Bộ môn đã được Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Hội NSNA Việt Nam tặng Bằng khen tập thể, nhiều Nghệ sĩ được tặng giấy khen của Hội VHNT, Bằng khen của tỉnh, của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, của Thủ tướng Chính phủ và Huân chương Lao động Nhà nước trao tặng. Trong nhiều năm liên tục, Bộ môn được Thường trực Ban Chấp hành các khóa đánh giá là đơn vị mạnh toàn diện của Hội.

Từ những thành tích đáng khích lệ trong chặng đường 50 năm qua, nghệ sĩ nhiếp ảnh Nam Định cũng đã phải đánh đổi rất nhiều, trong mọi tác động hoàn cảnh đất nước bị chiến tranh tàn phá, khi còn nhiều khó khăn, thiếu thốn trong đời sống xã hội, do những chính sách cấm vận và cản trở của các nước thù địch trên thế giới; nhưng tất cả nghệ sĩ trong Bộ môn vẫn đoàn kết một lòng, phấn đấu vươn lên, giành nhiều giải thưởng, trong đó phần thưởng cao quý nhất là: Sự tin tưởng của các cấp lãnh đạo Đảng và Chính quyền, được quần chúng nhân dân yêu thích, thưởng thức những giá trị về “*Chân - Thiện - Mỹ*” trong từng tác phẩm đã đăng tải, tuyên truyền. Với mục tiêu phía trước: Nhiếp ảnh Nam Định đồng tâm đoàn kết, ra sức phấn đấu rèn luyện, khắc phục khó khăn, kiên định quan điểm sáng tác để cống hiến và phục vụ xã hội; tiếp tục phát huy khả năng trí tuệ của từng nghệ

sĩ, đổi mới, sáng tạo khai thác, truyền bá các giá trị nhiếp ảnh nghệ thuật, để nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ tổ quốc vì “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*”./.

VĂN XUÔI NAM ĐỊNH (TỪ 1975 ĐẾN NAY) PHÁC THẢO DIỆN MẠO VÀ THÀNH TỰU

Nguyễn Văn Nhượng
Giáo viên Trường THCS Giao Hải - Hội viên Hội VHNT Nam Định

1. Đặt vấn đề

Sau năm 1975 đến nay, Việt Nam bước vào thời kì hoà bình, đất nước thống nhất với bộn bề khó khăn: Hàn gấn vết thương chiến tranh, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, khủng hoảng kinh tế, đổi mới và hội nhập quốc tế một cách sâu rộng, đời sống xã hội phát triển với những biến động sâu sắc và toàn diện... Trong bối cảnh ấy, văn học Việt Nam nói chung và văn học Nam Định nói riêng đã được nuôi dưỡng trong bầu khí quyền trải dài khoảng thời gian 50 năm với rất nhiều gam

màu trắng trẻo, biển cả. Trong mối quan hệ mật thiết, văn học Nam Định có đóng góp không nhỏ vào sự phát triển chung của văn học Việt Nam.

Là một vùng đất giàu truyền thống văn hóa, Nam Định xưa từng nổi danh “*Tụ khí anh hoa*”, có non Côi sông Vực cảnh trí hữu tình, đã chung cất lên những giá trị truyền thống tốt đẹp, những cốt cách rất riêng, không thể trộn lẫn. Không chỉ là nơi sản sinh ra nhiều văn nhân, thi sĩ nổi tiếng, mảnh đất Nam Định, nơi địa linh nhân kiệt, còn là nguồn cảm hứng bất tận cho nhiều tác phẩm văn chương đặc sắc.

Trong dòng chảy văn học Việt Nam, văn học Nam Định - một chi lưu giữa dòng hợp lưu, luôn mang trong mình một vẻ đẹp riêng, cần được nghiên cứu, khám phá và phác họa đầy đủ. Đặc biệt, vẻ đẹp đó được thể hiện khá đậm nét trong văn xuôi, nổi bật với những con người Nam Định tinh tế, tài hoa mà cần cù, nhẫn nại; dũng cảm, kiên cường mà vị tha, nhân nghĩa; tự trọng, lạc quan mà giàu hoài bão ước mơ; thật thà, thủy chung mà giàu ý chí, niềm tin, khát vọng...

Cho đến nay, ngoài những khảo cứu, sưu tầm di tích lịch sử văn hóa, danh nhân đã được chú trọng thì mảng nghiên cứu phê bình văn học mang tính quy mô, chuyên sâu hiện còn khá ít ỏi, chưa được chú trọng, chưa đủ sức lột tả hết diện mạo và thành tựu văn học Nam Định nói chung và văn xuôi Nam Định từ sau 1975 đến nay nói riêng. Điều này đã tạo ra một khoảng trống rất lớn cần được lấp đầy. Đã tròn một nửa thế kỷ trôi qua, nền văn học nghệ thuật sau giải phóng (1975 - 2025), trong khuôn khổ giới hạn, bài viết dưới đây sẽ phác họa những nét chính về bối cảnh lịch sử, xã hội, sự thay đổi trong đời sống văn học; những gương mặt tiêu biểu của văn xuôi Nam Định, thành tựu về thể tài, chủ đề sáng tác và phong cách nghệ thuật.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh lịch sử, xã hội và đặc điểm văn học Việt Nam sau năm 1975

Sau năm 1975, văn học Việt Nam trải qua những biến đổi quan trọng, chịu ảnh hưởng sâu sắc từ bối cảnh lịch sử, xã hội và những chuyển đổi tư duy trong sáng tác. Sau 1975 chiến tranh kết thúc, đất nước thống nhất, bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước. Tuy nhiên, xã hội phải đối mặt với muôn vàn khó khăn từ hậu quả chiến tranh, khủng hoảng kinh tế và tình hình quốc tế phức tạp. Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc và phía Tây Nam, chính sách cấm vận... diễn ra khiến đất nước gặp thêm nhiều hy sinh, mất mát. Cùng với đó nền kinh tế quan liêu, tập trung bao cấp đã khiến cho đời sống nhân dân ngày càng khó khăn như khan hiếm lương thực, hàng hóa...; tâm lý xã hội vẫn tiếp tục theo quán tính trước 1975 là luôn hướng về tinh thần chung, đề cao tập thể và nhiệm vụ cách mạng. Văn học phản ánh không khí chiến thắng và xây dựng xã hội chủ nghĩa mang tính sử thi, lãng mạn nhưng dần bộc lộ tính hình thức, thiếu sức sống.

Từ 1986, công cuộc đổi mới bắt đầu được khởi xướng đã mang lại những thay đổi lớn về kinh tế, chính trị, tư tưởng và xã hội: Mở cửa, hội nhập quốc tế, chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xã hội đặt ra những vấn đề mới về con người, đạo đức, văn hóa. Trong bối cảnh ấy, văn học bước vào thời kỳ đổi mới với sự đa dạng về đề tài và phong cách. Với tư duy cởi mở, đổi mới nghệ thuật, đề cao tiếng nói cá nhân và sáng tạo nên chủ đề bao trùm được phản ánh thời kỳ này là đời sống cá nhân, xã hội thời hậu chiến, hiện thực đương đại và các giá trị nhân văn. Đến giai đoạn hiện nay, văn học tiếp tục phản ánh những chuyển động xã hội và tâm tư của con người trong bối cảnh toàn cầu hóa.

2.2. Nam Định và vai trò của văn học Nam Định trong dòng chảy văn học Việt Nam

Nam Định nằm ở phía Nam của đồng bằng sông Hồng. Nhà Trần dấy nghiệp từ vùng đất Tức Mặc (nay thuộc thành phố Nam Định). Đây là vùng đất có thể “Long ngoạ”, phát tích đế vương và khanh tướng. Người xưa coi đây là đất “*Địa linh - Nhân kiệt*”. Vì lẽ, đã sinh ra những nhân kiệt nổi tiếng võ công văn trị kể từ thời đại nhà Trần. Mảnh đất Nam Định có sự hợp dung của 3 luồng tư tưởng: Phật giáo, Nho giáo, Thiên Chúa giáo. Sự hòa đồng trên đã đi vào đời sống văn hóa làng xã của Nam Định. Trong đó, tư tưởng Phật giáo Trúc Lâm - một tông phái mang tục thờ Đức Thánh cha và Đức Thánh mẫu là nổi bật và độc đáo bậc nhất. Kế thừa những giá trị truyền thống, mỗi thôn, làng ở Nam Định đều có những quy tắc, hương ước riêng thấm đượm tình thân ruột thịt, tình làng nghĩa xóm. Họ đang cùng chung tay xây dựng nông thôn mới giàu bản sắc, bình yên, tươi đẹp, văn minh hiện đại dẫn đầu cả nước.

Ngay khi đạo học còn phôi thai, Nam Định đã trở thành đất học, đất thi thơ. Từ mảnh đất này, nhiều người đã trở thành những trí thức có tài năng, những nhà văn hoá, nhà văn lớn như: Nguyễn Hiền, Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Nhân Tông, Đào Sư Tích, Lương Thế Vinh, Trần Bích San, Trần Tế Xương, Sóng Hồng, Vũ Khiêu, Nguyễn Bính, Vũ Cao, Đặng Thế Phong, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Bính, Đoàn Văn Cừ, Nguyễn Hồng, Trần Dần, Chu Văn, Nguyễn Khải, Nguyễn Thi, Vũ Tú Nam, Bế Kiến Quốc, Vũ Quần Phương... Từ thế kỉ XXI trở lại đây, văn học Nam Định, tiếp tục được nối dài với nhiều tác giả khá thành danh...

Số lượng tác giả văn học tỉnh Nam Định từ sau 1975 đến nay khá đông đảo. Hiện có khoảng 70 nhà văn, nhà thơ đang sinh hoạt trong Hội Văn học Nghệ thuật (VHNT) tỉnh. Họ có sức viết rất dồi dào. Tiêu biểu có các tác giả thơ như: Phạm Trọng Thanh, Đỗ Phú Nhuận, Phạm Trường Thi, Trần Hồng Giang, Nguyễn Thế Kiên, Trần Văn Lợi...; văn xuôi có: Chu Văn, Nguyễn Hồng, Sao Mai, Nguyễn Khải, Nguyễn Khắc Phục, Xuân Trình, Nguyễn Thi, Vũ Tú Nam, Nguyễn Khắc Phục, Trần Thị Nhật Tân, Nguyễn Đức Hoà, Trần Quốc Tiến, Lê Hoài Nam, Nguyễn Danh Khôi, Mai Tiến Nghi, Nguyễn Bồng, Lã Thanh An,

Phạm Hồng Loan, Trung Phương, Lê Hà Ngân...

Các tác phẩm văn học kết tinh diện mạo văn học tỉnh Nam Định từ đầu thế kỷ XXI đến nay rất phong phú với đủ các thể loại như: thơ, trường ca, truyện ngắn, bút ký, tản văn, tiểu thuyết (riêng truyện ngắn đã có trên 200 tác phẩm)... đã in trên các báo, tạp chí trung ương địa phương. Mỗi người một phong cách, một cách thể hiện làm nên diện mạo đặc sắc của văn học Nam Định trong những năm qua. Độc giả không chỉ gặp lại những cây bút quen thuộc lâu năm mà còn được gặp nhiều những cây bút mới thành danh không chỉ trên đất Nam Định mà cả trên văn đàn cả nước. Tác phẩm văn xuôi tiêu biểu, có thể kể đến: các tiểu thuyết *Gặp gỡ cuối năm*, *Điều tra về một cái chết*, *Một cõi nhân gian bé tí*, *Cha và các con và...*, *Thượng đế thì cười*, *Một chặng đường* của Nguyễn Khải; các tiểu thuyết *Đất mặn*, *Bông hoa trắng*, *Sao đổi ngôi*, *Giáp mặt* của Chu Văn; Nguyên Hồng có loạt tiểu thuyết *Khi đưa con ra đời*, *Thù nhà nợ nước*, *Núi rừng Yên Thế* và tập hồi kí *Những nhân vật ấy đã sống với tôi*; các tiểu thuyết *Gặp gỡ cuối năm*, *Điều tra về một cái chết*, *Một cõi nhân gian bé tí*, *Cha và các con và...*, *Thượng đế thì cười*, *Một chặng đường*, *Sông rừng*, *Lá về mây*, *Tiếng gọi rừng xa*, *Sáng tối mặt người* của Sao Mai; tiểu thuyết *Thời tiết ngày mai* của Xuân Trinh, bộ 3 tiểu thuyết *Thăng Long ký*, *Bay qua cõi chết*, *Hồn độn* của Nguyễn Khắc Phục; các tập truyện *Sống với thời gian hai chiều*, *Mùa xuân tiếng chim* của Vũ Tú Nam; Trần Thị Nhật Tân với các tiểu thuyết *Dòng xoáy*, *Chân trời*, *Mây trắng*; các tiểu thuyết *Những đêm huyền ảo*, *Danh tiếng và bóng tối*, *Mỹ nhân nơi đồng cỏ*, *Hạc hồng* của Lê Hoài Nam, tiểu thuyết *Cỏ và cát* của Nguyễn Danh Khôi; tiểu thuyết *Lính trơn*, *Đông trùng hạ thảo*, tập truyện ngắn *Nợ nhân gian* của Mai Tiến Nghị; tập truyện ngắn *Của thiên trả địa* của Nguyễn Bổng; tập ký *Trở về* của Phạm Hồng Loan; tập tản văn *Giấc hoa*, tập truyện ngắn *Gieo hoa* của Lê Hà Ngân; tập truyện ngắn *Nợ*, tiểu thuyết *Những con vịt cánh sẻ*, *Đường về xứ đạo* của Trần Hồng Giang,...

Có thể khẳng định đóng góp chủ công, nổi bật và bề thế trên bình diện của văn xuôi Nam Định chính là lĩnh vực tiểu thuyết và truyện ngắn.

2.3. Một số nét phác thảo về diện mạo và thành tựu của văn xuôi Nam Định từ 1975 đến nay

2.3.1. Giai đoạn 1975 - 1985

Sau 1975 đất nước thống nhất bước vào thời kỳ tái thiết, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh khó khăn do hậu quả chiến tranh vừa đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Văn học chủ yếu vẫn mang tính sử thi, tập trung ca ngợi cách mạng, chiến tranh giải phóng và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hình tượng con người lý tưởng là người anh hùng, tập thể, gắn với nhiệm vụ cách mạng. Tuy đã có bước tìm tòi nhưng văn học vẫn nằm trong quán tính của giai đoạn trước đó, đề tài chiến tranh và khuynh hướng sử thi vẫn nổi trội, chi phối nền văn học.

Giai đoạn này, văn xuôi Nam Định tự hào với nhiều tên tuổi lớn, đã khẳng định vị trí trên văn đàn như: Chu Văn, Nguyên Hồng, Sao Mai, Nguyễn Khải, Xuân Trinh, Nguyễn Thi, Vũ Tú Nam, Nguyễn Khắc Phục, Đặng Huy Hải Lâm. Đội ngũ các nhà văn này chủ yếu tập trung vào thể mạnh ở lĩnh vực tiểu thuyết. Chu Văn (1922 - 1994) là nhà văn, tuy sinh tại Thái Bình, là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam nhưng khoảng thời gian ông sống và làm việc nhiều ở Nam Định. Ông làm Trưởng ty văn hoá tỉnh Nam Định, Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Hà Nam Ninh, thuộc lớp người viết đến với nghề từ trách nhiệm công dân, một cây bút tiểu thuyết có nghề, có thành tựu, chiếm vị trí cao trong nền văn xuôi hiện đại. Sau tiểu thuyết *Bão biển* (1969), giai đoạn này ông có 3 tiểu thuyết *Đất mặn* (1975), *Bông hoa trắng* (1977), *Sao đổi ngôi* (1984). Nhà thơ Phạm Trọng Thanh đánh giá: “Thành đạt ở tiểu thuyết, truyện ngắn... nhưng nhà văn Chu Văn lại khởi đầu sự nghiệp văn chương từ thi ca... Chất liệu thực tế ngôn ngôn, vốn sống dày dặn, tài năng văn chương cất cánh, ông là nhà văn thành đạt chậm nhưng vững chãi, bền thế”.

Nhắc đến nhà văn Nguyên Hồng (quê thành phố Nam Định), người đọc thường nghĩ ngay đến một nhà văn có tuổi thơ vô cùng bất hạnh, cay đắng. Từ những tác phẩm đầu tay, Nguyên Hồng đã hướng ngòi bút về những người nghèo khó, gần gũi mà ông yêu thương với một sự cảm thông sâu sắc, với tâm hồn của một người từng trải. Ông được ví như "một Mác-xim Go-rơ-ki của Việt Nam", là “nhà văn của phụ nữ và trẻ em”, hai đối tượng này xuất hiện nhiều trong các tác phẩm của ông giống như hình ảnh của ông và người mẹ thuở nhỏ. Ông luôn bền bỉ sáng tác các thể loại như tiểu thuyết, thơ, hồi kí. Nổi bật nhất là những tác phẩm tiểu thuyết sử thi nhiều tập *Thù nhà nợ nước* (1981), *Núi rừng Yên Thế* (1993) cùng tiểu thuyết *Khi đưa con ra đời* (1976), tập hồi kí *Những nhân vật ấy đã sống với tôi* (1978).

Nhà văn Xuân Trinh, quê Ý Yên, tuy nổi danh ở lĩnh vực kịch bản sân khấu nhưng ông vẫn là một nhà văn đích thực được biết đến với tiểu thuyết *Thời tiết ngày mai*, viết 1983. Các tác phẩm của ông có tính thời sự cao, tập trung vào vấn đề dân chủ hóa đời sống kinh tế - xã hội, đề cao tính chân thật và tính nhân văn.

Trong cuộc đời sáng tạo của mình, nhà văn Nguyễn Khắc Phục, quê Trực Ninh, có nội lực viết và sức làm việc vào loại "khủng", gồm 12 cuốn tiểu thuyết, 12 kịch bản phim, 70 kịch bản sân khấu. Bộ 3 tiểu thuyết ông tâm đắc là: *Thăng Long ký*, *Bay qua cỏi chết* và *Hồn độn*, cùng với 8 cuốn tiểu thuyết với bề dày gần 5.000 trang sách, trong đó có 5 cuốn từng “vang bóng một thời”: *Học phí trả bằng máu*, *Thành phố đứng đầu gió*, *Đỉnh lũ*, *Cuối xuân*, *Châu thổ* và 3 cuốn tiểu thuyết mới: *Ngôi đền*, *Thuyền nhân*, *Dưới bóng ngô đồng*. Văn ông riết róng, phơi bày không khí chốn quan trường, mổ xẻ tận xương cốt cái ác, căn bệnh “hậu chiến thắng”.

Nhà văn Sao Mai (tên thật là Tân Khải Minh), quê Ý Yên, nổi tiếng với nhiều tiểu thuyết, truyện ngắn và phóng sự. Văn ông mộc mạc, chân chất nhưng sang trọng. Trong tổng số trên 30 tác phẩm của Sao Mai đã xuất bản có hàng chục tiểu thuyết, nhiều luận đề được đánh giá là mang tính văn học và lý luận cao. Tác phẩm tiêu biểu của ông ở thời kì này có *Tìm đất* (ký sự, 1966), *Làng Cao* (tiểu thuyết, 1972), *Sông rừng* (tiểu thuyết, 1980), *Mắt chim le* (tập truyện 1983), *Lông chim nhận* (tập truyện, 1985). Văn chương Sao Mai luôn gắn liền với số phận con người, hết sức bình dị và lời cuốn.

Trong lịch sử văn học nước nhà, giữa thời khốn khó, có hai nhà văn nổi tiếng nhất về cách cư xử khí khái với cuộc sống của chính mình. Nhà văn Nguyên Hồng và nhà văn Sao Mai, hai người đã rời Hà Nội, một về vùng quê heo hút Yên Thế, một lên tận Thanh Sơn để lập nghiệp, mưu sinh và viết văn với những đồng nhuận bút còm, không nhận lương của Hội Nhà văn.

Nhà văn Nguyễn Khải, được biết đến ở nhiều thể loại như: truyện ngắn, tiểu thuyết, ký sự, kịch đồng thời là nhà văn có 2 tác phẩm nổi tiếng có trong sách giáo khoa phổ thông là *Mùa lạc* và *Một người Hà Nội*. Các sáng tác của Nguyễn Khải thể hiện sự nhạy bén và cách khám phá riêng của nhà văn với các vấn đề xã hội, năng lực phân tích tâm lý sắc sảo, sức mạnh của lý trí tinh táo, chủ yếu tập trung vào các chủ đề về nông thôn trong quá trình xây dựng cuộc sống mới, về bộ đội trong những năm chiến tranh chống Mỹ, về những vấn đề xã hội - chính trị có tính thời sự và đời sống tư tưởng, tinh thần của con người hiện nay trước những biến động phức tạp của đời sống. Nguyễn Khải đã góp phần tạo nên sự chuyển động của văn học theo hướng mới với tiểu thuyết *Gặp gỡ cuối năm* (1983), *Thời gian của người* (1985).

Nhà văn Nguyễn Thi (tên thật là Nguyễn Hoàng Ca, bút danh khác là Nguyễn Ngọc Tấn), quê Hải Hậu. Sáng tác của Nguyễn Thi thuộc nhiều thể loại như thơ, bút ký, truyện ngắn, tiểu thuyết... Các tác phẩm chính được sưu tầm trong cuốn *Truyện và ký* xuất bản năm 1978. Trong đó có những truyện nổi tiếng như *Đôi bạn*, *Người mẹ cầm súng*, *Mẹ vắng nhà*, *Những đứa con trong gia đình*... Cuộc đời nhiều bất hạnh, hoàn cảnh riêng đầy éo le đã tạo nên ở Nguyễn Thi một tâm hồn giàu suy tư, hiểu đời, hiểu người sâu sắc. Ông đặc biệt gắn bó với nhân dân miền Nam bằng một tình cảm thủy chung, giàu ân nghĩa mà ông muốn trút cả vào những trang viết của mình. Có thể nói Nguyễn Thi là một nhà văn của người nông dân Nam Bộ, những con người hồn nhiên, yêu đời, bộc trực, căm thù ngàn ngạt đối với quân cướp nước. Ông là cây bút có biệt tài phân tích tâm lý con người, có khả năng nhập sâu vào nội tâm nhân vật của mình, tạo nên những trang viết vừa giàu chất trữ tình vừa đầy chất sống hiện thực, với những hình tượng, những tính cách gân guốc, có cá tính mãnh liệt. Ông có nhiều tác phẩm đưa vào sách giáo khoa được bạn đọc các thế hệ đón nhận và ghi nhớ.

Nhà văn Vũ Tú Nam được xem là cây bút gạo cội, một cây đa cây đề thành công trong làng văn ở cả hai lĩnh vực, viết cho người lớn và trẻ em. Ông đã để lại cho đời những áng văn đẹp, giàu cảm xúc, cô đọng, được viết nên từ chính tấm lòng yêu quý và trân trọng thế hệ trẻ. Giai đoạn này ông có các tác phẩm: *Sống với thời gian hai chiều* (tập truyện - ký, 1983), *Mùa xuân tiếng chim* (truyện ngắn, 1985).

Ra khỏi cuộc chiến tranh, trước một hiện thực mới, văn học ngay sau giải phóng bước vào giai đoạn trầm trở tìm đường. Khoảng thời gian này, nhà văn Nguyên Ngọc gọi là “khoảng chân không trong văn học”. Các sáng tác của Nguyễn Khải, đặc biệt là của Xuân Trình đã trực diện tấn công vào những tiêu cực, trì trệ trong xã hội, mở ra cho văn học những hướng tiếp cận mới với hiện thực nhiều mặt của cuộc sống, chuẩn bị cho văn học vào thời kì đổi mới tiếp theo.

2.3.2. Giai đoạn 1986 - 1991

Năm 1986, Đại hội lần thứ VI của Đảng công cuộc đổi mới được khởi xướng toàn diện, đưa đất nước sang một thời kì mới, kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường, mở cửa và hội nhập. Đổi mới đã thổi một luồng gió lớn vào đời sống văn học nghệ thuật với tinh thần đổi mới tư duy, nhìn thẳng vào sự thật. Xã hội có nhiều thay đổi, bắt đầu nhìn nhận lại các vấn đề lịch sử và con người từ nhiều góc độ khác nhau. Văn học đổi mới về tư duy nghệ thuật, thoát khỏi lối viết sử thi, thiên về phản ánh đời sống cá nhân và hiện thực xã hội. Nhân vật văn học trở nên đa chiều hơn, mang những trăn trở, bi kịch cá nhân. Nhiều tác phẩm phản ánh hiện thực đời sống nông thôn, đô thị và con người thời kỳ chuyển đổi nhằm nhận thức lại hiện thực với cảm hứng phê phán mạnh mẽ trên tinh thần nhân bản.

Văn xuôi Nam Định giai đoạn này vẫn tiếp tục khẳng định thành tựu với các tác giả như: Chu Văn (*Giáp mặt*, tiểu thuyết, 1986), Sao Mai (*Lá về mây*, tiểu thuyết, 1986; *Tiếng gọi rừng xa*, tiểu thuyết, 1990); với sức viết dồi dào Nguyễn Khải có hàng loạt tác phẩm như: *Điều tra về một cái chết* (tiểu thuyết, 1986), *Vòng sống đến vô cùng* (truyện, 1987), *Một cõi nhân gian bé tí* (tiểu thuyết, 1989), *Một người Hà Nội* (tập truyện ngắn, 1990), *Cha và các con và...* (tiểu thuyết, 1990), Nguyễn Khắc Phục với các tiểu thuyết *Thành phố đứng đầu gió* (tập 2, 1986-1989), *Khát vọng* (1986), *Điệp khúc hy vọng* (tiểu thuyết, 1987), *Giọt nước mắt cuối cùng* (1989), *Cuối xuân* (tiểu thuyết 2 tập), Đặng Huy Hải Lâm với tiểu thuyết *Thành phố bên sông Đào* (1986)... Xuất hiện nhiều gương mặt mới như nhà văn Kim Ngọc Diệu với tập truyện *Con anh vũ biết nói* (1987), Trần Quốc Tiến với tiểu thuyết *Cuộc vật lộn lúc rạng đông* (1990). Đặc biệt giai đoạn này, xuất hiện nữ nhà văn gây tiếng vang trên văn đàn cả nước, đó là nhà văn Trần Thị Nhật Tân (thành phố Nam Định) với tiểu thuyết *Dòng xoáy* (2 tập, 1989 và 1991). Cuốn tiểu thuyết ngay khi ra đời đã gây xôn xao dư luận, cho đến nay, nó vẫn đóng đinh vào cuộc đời bà về chuyện chống tiêu cực trong ngành giáo dục. Ngòi bút của bà còn cất lên tiếng nói cho những thân phận nghèo, những người bất hạnh. Lê Hoài Nam

(Nghĩa Hưng) tham gia quân đội từ thời kháng chiến chống Mỹ, năm 1987 chuyển ngành về làm Phó chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Nam Định. Ông đã đoạt nhiều giải thưởng truyện ngắn, tiểu thuyết của Tạp chí *Văn nghệ quân đội*, báo Văn nghệ, Hội Nhà văn, xuất bản 25 cuốn sách và nhiều kịch bản phim được độc giả đón nhận và yêu mến. Tiêu biểu ở thời kì này, ông có tiểu thuyết *Những đêm huyền ảo* (1988).

Nhìn chung giai đoạn này các tác giả đã có nhiều đổi mới, tìm tòi trong cách viết, phát huy cá tính sáng tạo và phong cách cá nhân của nhà văn, tiếp cận cuộc sống trên bình diện đời tư, thể sự, phản ánh sâu sắc bức tranh hiện thực cuộc sống với nhiều mảng màu sáng tối, phức tạp.

2.3.3. Giai đoạn 1992 đến nay

Đất nước tiếp tục hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường, mở rộng giao lưu văn hóa. Sự bùng nổ của công nghệ thông tin và mạng xã hội làm thay đổi phương thức sáng tác và tiếp nhận văn học. Văn học trở nên đa dạng, phong phú về đề tài, thể loại, cách viết: từ chiến tranh, lịch sử, đến đời sống đô thị hiện đại và vấn đề toàn cầu hóa; đề cao cái tôi cá nhân, khám phá tâm lý và số phận con người; xuất hiện nhiều tác phẩm thể nghiệm, văn học mạng và tác phẩm dịch thuật.

Giai đoạn này văn học tiếp tục chứng kiến sức viết dồi dào, bền bỉ, già dặn của nhà văn Nguyễn Khải với loạt tác phẩm ở nhiều thể loại: *Sư già chùa Thắm và ông đại tá về hưu* (tập truyện vừa, 1993), *Một thời gió bụi* (truyện ngắn, 1993), *Hà Nội trong mắt tôi* (tập truyện ngắn, 1995), *Chút phần của đời* (truyện ngắn và kịch, 1999), *Chuyện nghề* (1999), *Nắng chiều* (tập truyện ngắn, 2001), *Hãy đi xa hơn nữa* (tập truyện ngắn thiếu nhi, 2002), *Mẹ và các con* (tập truyện ngắn thiếu nhi, 2002), *Sống ở đời* (tập truyện, 2003), *Ký sự & Kịch* (2003), *Thượng đế thì cười* (tiểu thuyết, 2003), *Nghề văn cũng lắm công phu* (truyện - tạp văn, 2003), *Vòng tròn trống rỗng* (kịch, 2003), *Một chặng đường* (tiểu thuyết, 2005), *Đi tìm cái tôi đã mất* (tùy bút, 2006). Nhà văn Sao Mai có tiểu thuyết *Tuyển tập Sao Mai* (2003), *Sáng tối mặt người* (2003); nhà văn Vũ Tú Nam có *20 truyện ngắn* (1994), *Mây hồng* (1998); nhà văn Trần Thị Nhật Tân tiếp tục nghiệp viết với các tiểu thuyết *Chân trời* (2005), *Mây trắng* (2013) giàu hơi thở cuộc sống và chất chứa hy vọng.

Từng là người lính vào sinh ra tử trong chiến tranh ác liệt, nhà văn Lê Hoài Nam vẫn tiếp tục với vốn sống và sức viết dồi dào. Bên cạnh các tiểu thuyết: *Danh tiếng và bóng tối* (2008), *Mỹ nhân nơi đồng cỏ* (2017), *Cuộc đời xa khuất* (2019); *Khắc tình với thần chết* (2023), *Thanh xuân như cỏ* (2024) và tập *Truyện ngắn Lê Hoài Nam*, (2022) ông vẫn luôn trăn trở, day dứt đến số phận, cuộc đời của những người lính từ thời chiến đến thời bình qua tập truyện ngắn *Hành trình của người lính* (2016). Những hiểu biết về đạo Kito của nhà văn cũng được thể hiện sâu rộng, mới mẻ trong tập truyện ngắn *Bữa tiệc ly* (2014) và tiểu thuyết *Hạc hồng* (2019).

Đề tài lịch sử được ông khai thác và thể hiện ở cách viết rất mới mẻ qua tiểu thuyết *Mỹ nhân nơi đồng cỏ* (2017). Mạch cảm xúc về người lính vẫn được nhà văn tiếp nối trong hàng loạt các tác phẩm như: *Hành trình của người lính*, *Đi qua Gạc Ma đến đảo Sinh Tồn*, *Bến sông tuổi thơ*...

Từ đầu thế kỉ XXI đến nay, văn xuôi Nam Định có một đội ngũ sáng tác đông đảo với gần 30 hội viên đang sinh hoạt trong bộ môn văn xuôi của Hội Văn học Nghệ thuật. Tiêu biểu có các nhà văn Hữu Anh (3 tiểu thuyết), Bùi Ngọc Dinh (2 tiểu thuyết, 1 tập truyện), Nguyễn Đức Hoè (3 tập truyện), Trần Kim Lung (5 tập truyện thiếu nhi, 1 tập truyện lịch sử), Lê Hoài Nam (25 tiểu thuyết và tập truyện ngắn), Trần Quốc Tiến (5 tiểu thuyết, 1 tập truyện), Đặng Huy Hải Lâm (9 tiểu thuyết, 2 tập truyện), Nguyễn Bồng (2 tập truyện, 2 tập tản văn), Vũ Ngọc Khánh (2 tập truyện), Vũ Minh Xuyên (4 tập truyện, 1 tiểu thuyết), Lưu Tuấn Hùng (1 tập truyện, 2 tập ký), Nguyễn Văn Soạn (1 tập truyện, 1 tập ký), Trần Thị Nhật Tân (3 tiểu thuyết), Mai Thanh (1 tiểu thuyết, 2 tập truyện), Mai Tiến Nghi (2 tiểu thuyết, 3 tập truyện), Lã Thanh An (2 tập truyện), Trương Ngọc Hùng (4 tập truyện), Phạm Hồng Loan (1 tập truyện, 1 tập kí, tản văn), Trần Hồng Giang (2 tiểu thuyết, 3 tập truyện), Trung Phương (2 tiểu thuyết, 4 tập truyện), Lê Hà Ngân (3 tập truyện, 2 tập tùy bút, tản văn)... Đặc biệt, sự xuất hiện các cây bút trẻ nhiều hứa hẹn thuộc thế hệ 8X như: Hoàng Thị Thu Hà, Phạm Thị Huệ, Hoài Thương, Nguyễn Thị Thu,... đã mang đến sự tươi trẻ, niềm hi vọng tiếp nối cho văn xuôi Nam Định ở chặng đường phía trước.

Trong giai đoạn này, mười năm đầu văn học dường như chững lại, ở vào trong trạng thái chuyển động âm thầm của cuộc “trở dạ”. Sau đó do nhu cầu đổi mới mạnh mẽ được hình thành và nuôi dưỡng trước đó, văn xuôi bước vào giai đoạn đổi mới chính nó, văn học trở về với đời sống thường nhật và vĩnh hằng, đổi mới cả về hình thức nghệ thuật, phương thức thể hiện và thể tài. Thể loại tiểu thuyết và truyện ngắn được mùa với các tên tuổi như Trần Quốc Tiến, Mai Tiến Nghi, Nguyễn Đức Hoè, Nguyễn Bồng, Lã Thanh An, Trần Hồng Giang, Lê Hà Ngân,... Đặc biệt, vùng đất Hải Hậu quy tụ khá đông đảo các cây bút với nhiều phong cách đa dạng, đặc sắc, “được mùa” với nhiều giải thưởng của trung ương và địa phương như các nhà văn Mai Tiến Nghi, Nguyễn Bồng, Lã Thanh An, Trung Phương, Phạm Hồng Loan, Lê Hà Ngân,... Những nhà văn này tích lũy được một vốn chất liệu về cuộc sống nông nghiệp nông thôn phong phú, sâu sắc, kết hợp với sức viết dồi dào, khát vọng văn chương lớn lao,... đã tạo nên một vùng văn học với nhiều cá tính, giọng điệu đặc sắc, hiếm hoi, tiếp sức nhiều kinh nghiệm, năng lượng, tình yêu nghề cho các cây bút trẻ. Nhà văn Mai Tiến Nghi để lại dấu ấn đậm nét trong việc khám phá, nhìn nhận lại sự khốc liệt và hiện thực của cuộc chiến tranh trong tiểu thuyết *Lính tron*, đồng thời phản ánh chân thực hiện trạng tiêu cực trong xã hội đương thời trong tinh thần phê phán quyết liệt và

tính nhân văn cao cả trong tiểu thuyết *Đông trùng hạ thảo* (tiểu thuyết đoạt giải thưởng tiểu thuyết 5 năm trao giải một lần của Hội Nhà văn Việt Nam), truyện ngắn *Mùa cua rận* viết về chiến tranh và hậu chiến của nhà văn Mai Tiến Nghị đã được dịch, in thành sách phát hành ở Mỹ năm 2019. Hai nhà văn Nguyễn Bổng và Phạm Hồng Loan đoạt giải của Hội Văn học Nghệ thuật Trường Sơn, nhà văn Lê Hà Ngân 3 lần được trao giải truyện ngắn, bút ký do Hội Nhà văn phối hợp với các đơn vị Bộ đồng tổ chức.

Xét ở góc độ tác giả và số lượng tác phẩm, văn xuôi giai đoạn này có độ mạnh về sức sáng tạo của đội ngũ nhà văn, đánh dấu độ tinh, sự nhạy bén và thành công vượt bậc về chất lượng tác phẩm. Các tác phẩm đã đi sâu khám phá hiện thực cuộc sống và xã hội hiện đại với nhiều biến đổi, khám phá chiều sâu tâm hồn và thân phận con người trong các chiều cạnh khác nhau, đem đến cho độc giả những thông điệp nhiều cảm xúc và giá trị nhân văn sâu sắc.

3. Kết luận

Văn học sau 1975 vận động theo hướng dân chủ hoá, phát triển phong phú, đa dạng, hướng tới tính hiện đại, sự thức tỉnh ý thức cá nhân trên tinh thần nhân bản, sự khám phá cuộc sống, xã hội và con người trong tính muôn vẻ của đời sống hằng ngày, trong các mối quan hệ thế sự và đời tư hết sức phổ biến,... là nền tảng tư tưởng và cảm hứng chủ đạo, bao trùm nền văn học.

Hiện thực cuộc sống đổi mới, phát triển và hội nhập đã và đang tạo ra những tiền đề cơ bản và niềm tin để mỗi văn nghệ sĩ nâng tầm tư tưởng - nghệ thuật, đổi mới mạnh mẽ tư duy sáng tạo, đóng góp nhiều tác phẩm có giá trị, phản ánh cuộc sống con người và đất nước trong giai đoạn phát triển mới.

Nam Định được coi là một vùng đất "*địa linh - nhân kiệt*", có truyền thống khoa bảng và văn hóa, các lễ hội lâu đời,... đã trở thành nguồn cảm hứng sáng tác dồi dào cho nhiều tác giả. Đặc biệt, bức tranh sinh hoạt của vùng đồng bằng Bắc Bộ với nét văn hóa đặc trưng thấm đượm trong văn học, nổi bật là văn xuôi, xuất hiện nhiều cây bút thành danh với nhiều giải thưởng lớn, cao quý về văn học, nghệ thuật (5 nhà văn nhận giải thưởng Nhà nước gồm: Nhà văn Sao Mai, Xuân Trinh, Nguyễn Khắc Phục, Vũ Tú Nam, Chu Văn; 3 nhà văn nhận giải thưởng Hồ Chí Minh như: Nhà văn Nguyễn Khải, Nguyễn Thi, Nguyễn Hồng).

Hòa vào dòng chảy chung của văn chương cả nước, không thể không kể đến sự đóng góp to lớn của các nhà văn tỉnh Nam Định. Ngày nay, văn xuôi Nam Định tiếp tục hội nhập và phát triển từ các khuynh hướng văn học lớn trong nước, trở thành một phần không thể tách rời của văn học Việt Nam, vừa mang những nét riêng độc đáo vừa góp phần làm phong phú và sâu sắc hơn diện mạo văn học dân tộc. Mối quan hệ này thể hiện sự đan xen giữa tính địa phương và tính dân tộc trong văn học, góp phần xây dựng một nền văn học Việt Nam đa dạng và giàu bản sắc. Bên cạnh những thành công ở thể loại tiểu thuyết, truyện ngắn viết về đề tài

nông nghiệp nông thôn, nông dân,..., thì đề tài lịch sử còn khá mờ nhạt, thể loại kí thường ít xuất hiện. Trong khi Nam Định với lịch sử hào hùng ba lần đánh thắng quân Nguyên Mông cùng những phong tục tập quán truyền thống lâu đời và đặc sắc... là mảnh đất màu mỡ cung cấp chất liệu sáng tác dồi dào cho văn học nhưng trên thực tế vẫn còn thiếu vắng những tác phẩm xứng tầm.

Văn hóa văn nghệ nói chung và văn học nghệ thuật nói riêng đã góp phần to lớn trong việc tham gia nâng cao đời sống tinh thần và cổ vũ các hoạt động chính trị, văn hóa xã hội của địa phương. Từ lâu, văn học nghệ thuật đã thực sự trở thành “sức mạnh nội sinh”, “động lực phát triển và kiến tạo tâm hồn xã hội”; chứa đựng sức mạnh to lớn ở các phương diện cổ vũ, ngợi ca cái đẹp, đấu tranh với cái xấu, song thời gian qua vẫn chưa có những nghiên cứu, đề xuất mô hình phát triển và cách thức triển khai cụ thể trên địa bàn. Với ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng như vậy, rất cần chính quyền, trực tiếp là cơ quan Sở Văn hoá tỉnh Nam Định quan tâm chăm lo, đầu tư nhiều hơn nữa cho sự phát triển của sự nghiệp văn học nghệ thuật./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. *Hội VHNT tỉnh Nam Định, Văn nghệ sĩ Nam Định, 2022, (Kỷ yếu lưu hành nội bộ).*
2. *Nguyễn Văn Long, Lã Nhâm Thìn (đồng Chủ biên), Văn học Việt Nam sau 1975, những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy, NXB Giáo dục, 2006.*
3. *Mai Tiến Nghi, Bộ môn Văn xuôi, 5 năm một chặng đường thắng lợi, Tạp chí Văn nhân, quý IV, 2022, tr.36-38.*
4. *Website: baotangvanhoc.vn; vi.wikipedia.org.*

ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG VIỆC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG

Nguyễn Văn Thanh

Phó Trưởng phòng Quản lý Văn hoá, Sở VH-TTDL Nam Định

Chuyển đổi số là xu hướng tất yếu trong phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn hiện nay. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc tháng 11/2021, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đề ra 6 nhiệm vụ cần phải làm, trong đó có nội dung: Xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số, làm cho văn hóa thích nghi, điều tiết sự phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cụ thể hóa nhiệm vụ này, ngày 31/12/2021 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 3611/QĐ-BVHTTDL phê duyệt Chương trình chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Với sự phát triển

về công nghệ thông tin hiện nay, việc chuyển đổi số với nghệ thuật biểu diễn nói chung và nghệ thuật truyền thống nói riêng là vô cùng quan trọng vừa bảo tồn, gìn giữ vừa mở rộng, giao lưu, phát huy các giá trị văn hóa, quảng bá hình ảnh đất nước con người Việt Nam ra thế giới. Với công nghệ số, khán giả có thể nghe đi nghe lại những bài hát, làn điệu để tìm hiểu chuyên sâu về âm nhạc. Việc bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống cũng gồm cả việc truyền thông ở trong nước và quốc tế, làm cho người trẻ yêu hơn văn hóa nghệ thuật, nhất là những giá trị nghệ thuật truyền thống.

Nam Định là một mảnh đất có bề dày lịch sử văn hóa lâu đời, nơi lưu giữ và phát triển nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống đặc sắc. Nổi bật trong số đó có thể kể đến nghệ thuật hát chèo, ca trù, múa rối nước và các làn điệu dân ca, dân vũ mang giá trị văn hóa đặc sắc, có sức hấp dẫn khách du lịch, đặc biệt là khách quốc tế. Trong đó, “Nghĩ lễ châu văn của người Việt” đã được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của quốc gia, Di sản văn hóa “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Nam Định cũng là nơi sản sinh ra nhiều tác giả, đạo diễn, nghệ sĩ tài năng như Nghệ sĩ Nhân dân (NSND) Kim Liên, Quang Chí; Nghệ sĩ Ưu tú (NSUT) Trịnh Quang Khanh, Thanh Hương, Bích Thực, Đào Quang... và các NSUT trẻ: Diệu Hằng, Thanh Vân, Đăng Khoa, Ngọc Hùng, Thanh Nga, Phi Hùng (Chèo), Thanh Hằng, Thu Thủy (Cải lương), Thùy Linh, Hồng Ngát, Quang Nhất (Kịch nói)... Các tác giả, đạo diễn hoạt động trong lĩnh vực sân khấu không chuyên như: Phạm Khải Hoàn, Hoàng Trúc Long, Ninh Hoài Long, Trần Lộc... Nhiều tác phẩm sân khấu có chất lượng cả về nội dung tư tưởng và chất lượng nghệ thuật, được công chúng yêu nghệ thuật truyền thống đón nhận; tiêu biểu như các vở: “Bản tình ca viết dở”, “Hải âu trắng”, “Đợi đến bao giờ” (Kịch nói); “Bến nước Ngũ Bò”, “Huyền Trân Công chúa”, “Oan tình Lệ Chi Viên”, “Nàng Công chúa nhà Trần” (Cải lương); “Không phải là vụ án”, “Gò đồng mối”, “Thánh Mẫu”, “Ông Trạng kỳ tài” (Chèo)... Các vở diễn không chỉ đi sâu vào những vấn đề lịch sử, chính trị mà còn tập trung vào các vấn đề thời sự xã hội với phong cách dàn dựng mới mẻ, nhằm hướng đến tiếp cận khán giả trẻ. Nhiều tác giả, đạo diễn, diễn viên có nhiều tác phẩm, công trình nghệ thuật được thu, phát sóng trên Đài Tiếng nói Việt Nam và nhận được nhiều giải thưởng cao trong các cuộc thi, hội diễn do Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, các cơ quan Trung ương, địa phương phát động, tổ chức. Đã có 8 nghệ sĩ: NSUT Diệu Hằng, NSUT Thùy Linh, NSUT Thanh Hằng, nghệ sĩ Đoàn Minh Phương, Phạm Văn Minh, Văn Thị Năm, Trần Quang Nhất, Phan Phi Hùng vinh dự được nhận Giải thưởng VHNT Lương Thế Vinh tỉnh lần thứ VIII (2016-2020). Với tài năng, phẩm chất và sự cống hiến nghệ thuật không ngừng

nghe, các nghệ sĩ đã góp phần đưa Nam Định trở thành một trong những địa phương có nghệ thuật sân khấu mạnh trong cả nước.

Trong những năm qua, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định đã thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật tiếp tục được tăng cường, thực hiện nghiêm các quy định tại Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn và các văn bản có liên quan. Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh và Triển lãm và Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh đã tổ chức sáng tác, dàn dựng nhiều chương trình nghệ thuật, vở diễn, chương trình, tiết mục nghệ thuật có chất lượng phục vụ nhiệm vụ chính trị, mừng Đảng, mừng Xuân được tổ chức nhân dịp diễn ra các sự kiện lớn của tỉnh và đất nước. Ngoài ra, các đơn vị cũng tham gia dàn dựng tiểu phẩm, trích đoạn có nội dung tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội, phong trào xây dựng nông thôn mới, biểu diễn tuyên truyền ngoại khóa tại các trường học về chương trình biển đảo quê hương, phòng chống ma túy học đường, tổ chức lưu diễn phục vụ nhân dân trong và ngoài tỉnh góp phần định hướng tư tưởng, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh ở địa phương.

Trước sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin, mạng Internet, văn hóa nghệ thuật đứng trước những cơ hội và nhiều thách thức. Các loại hình nghệ thuật truyền thống gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, kinh phí, kịch bản, khán giả... Tuy nhiên, với tình yêu nghệ thuật và niềm đam mê sáng tạo, các nghệ sĩ Nam Định luôn học hỏi, thể nghiệm những hướng đi mới phù hợp với nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của công chúng, từng bước đưa nghệ thuật truyền thống tiếp cận các đối tượng khán giả. Những năm gần đây, lực lượng nghệ sĩ, diễn viên của Nam Định ngày càng được trẻ hóa, bảo đảm tính kế thừa trong đội ngũ cán bộ, nghệ sĩ, diễn viên để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu mới. Nhiều nghệ sĩ trẻ tài năng đã dần chiếm được tình cảm yêu mến của khán giả. Để tồn tại và phát triển trong môi trường nghệ thuật hiện nay, đòi hỏi sân khấu truyền thống phải hoạt động chuyên nghiệp hơn. Mọi khâu từ chọn vấn đề, xây dựng kịch bản đến dàn dựng, diễn xuất, thiết kế sân khấu, âm thanh, ánh sáng... phải được đầu tư có chiều sâu, đột phá nhưng vẫn phải giữ được “hồn cốt” nghệ thuật truyền thống của dân tộc. Trong đó, gắn các hoạt động dàn dựng, biểu diễn nghệ thuật sân khấu truyền thống (chèo, cải lương, hát văn) với sự phát triển văn hóa, du lịch của tỉnh và hội nhập quốc tế. Chú trọng nâng cao chất lượng nghệ thuật các chương trình, vở diễn đảm bảo các yếu tố dân tộc, hiện đại, gần gũi với công chúng, nhất là giới trẻ. Quan tâm ứng dụng công nghệ, kỹ thuật hiện đại vào các chương trình, vở diễn; chú trọng quảng bá các tác phẩm nghệ thuật truyền thống trên các nền tảng mạng xã hội tạo ra sân chơi mới lành mạnh cho các hoạt động văn hoá, văn nghệ. Qua không gian mạng, tạo cơ hội cho những người yêu âm

nhạc có cơ hội kết nối, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm biểu diễn, góp phần thúc đẩy phong trào văn nghệ quần chúng phát triển đa dạng, bền vững.

Là một nghệ sĩ có sức ảnh hưởng lớn trong cộng đồng hát chèo, thời gian qua, NSUT Nguyễn Thị Diệu Hằng, Giám đốc Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nam Định thường xuyên chia sẻ các bài hát chèo, hát văn, các bản ngâm thơ do chị thể hiện trên các nền tảng mạng xã hội như: Ngâm thơ “Những bông hoa máu giữa trùng khơi” nhân dịp Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7); hát văn “Nam Định quê tôi”; hát chèo “Nguyện lời sắt son” nhân ngày Quốc khánh (2/9)... đặc biệt, trong những ngày tháng 7 năm 2024, cả đất nước đau buồn đón nhận tin đồng chí cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng qua đời. Để tri ân những công lao đóng góp của đồng chí cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng với đất nước, nhiều văn, nghệ sĩ đã sáng tạo các tác phẩm ở nhiều loại hình nghệ thuật như nén tâm nhang dâng lên nhà lãnh đạo hết lòng vì nước, vì dân. Tại Nam Định, NSUT Diệu Hằng đã thể hiện bài hát chèo “Mãi mãi ơn Người” (thơ: Bùi Anh Dũng; chuyển thể chèo: Nguyễn Sỹ Sang). Điều đặc biệt, không phải biểu diễn trên sân khấu chèo quen thuộc, NSUT Diệu Hằng đã kỳ công thu âm và dựng thành clip hoàn chỉnh nhạc phẩm để phát trên các nền tảng mạng xã hội. Ngay sau khi đăng tải trên Youtube, ca khúc chèo “Mãi mãi ơn Người” đã có hơn 2.000 lượt xem. Trên trang Facebook cá nhân, ca khúc được thể hiện từ giọng hát da diết, truyền cảm của NSUT Diệu Hằng cũng thu hút hàng chục nghìn lượt xem và hàng trăm bình luận thể hiện sự xúc động, tiếc nuối của khán giả về sự ra đi của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Các tác phẩm dưới sự thể hiện của NSUT Diệu Hằng đều có đặc trưng trong phong cách biểu diễn của chị như: vang, rền, nền, nảy và gọi hồn trong từng cách nhả câu, chữ, qua đó tạo cảm xúc lắng đọng cho khán giả. Với mong muốn quảng bá nghệ thuật hát chèo, hát văn đến đông đảo công chúng, NSUT Diệu Hằng đã thử sức sử dụng các nền tảng mạng xã hội và thấy hiệu quả rõ rệt. Gần đây, chị đã phát livestream trên Facebook một số buổi tập thực tế của các nghệ sĩ, nhạc công Nhà hát Nghệ thuật Truyền thống tỉnh. Qua các buổi livestream, người yêu chèo có thể tham khảo kinh nghiệm biểu diễn, hỏi đáp các thắc mắc về kỹ thuật hát, từ đó áp dụng hiệu quả vào thực tiễn. Từ đó tính tương tác, sự lan tỏa sâu rộng là những ưu điểm rất lớn của các nền tảng mạng xã hội hiện nay. Bởi vậy, nếu áp dụng đúng cách, đây sẽ là sân chơi nghệ thuật lành mạnh, góp phần vun đắp các hạt nhân văn nghệ ở các địa phương.

Trải qua gần 40 năm gắn bó nghệ thuật, gia tài âm nhạc của NSUT Kiều Khắc Dư, Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh có hơn 400 ca khúc với các loại hình âm nhạc: dân gian, đương đại, phổ thơ. Thời gian qua, NSUT Kiều Khắc Dư thường xuyên sử dụng các nền tảng mạng xã hội Youtube và Facebook để chia sẻ các sáng tác của mình với đông đảo công chúng. Hàng loạt các ca khúc ca ngợi vẻ đẹp quê hương Nam Định của NSUT Kiều Khắc Dư ngoài biểu diễn thực tế,

phát sóng trên truyền hình còn được chia sẻ rộng rãi trên các nền tảng mạng xã hội để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng khán thính giả như: “Thành Nam quê tôi”, “Nam Định phố xưa”, “Một thoáng Thành Nam”, “Nam Định vào xuân”, “Về với miền đất thiêng”, “Muôn đời Tổ quốc lưu danh”... Bằng cảm xúc chân thành, sâu nặng được khơi nguồn từ vốn dân ca, dân vũ mang bản sắc của quê hương Nam Định và những trải nghiệm của cuộc sống, Nhạc sĩ Kiều Khắc Dư còn soạn lời cho các làn điệu hát Văn với hàng trăm tác phẩm. Trên các nền tảng mạng xã hội Facebook và Youtube của NSUT Kiều Khắc Dư, người yêu âm nhạc dễ dàng tìm thấy các nhạc phẩm hát văn do ông đăng tải.

Ngoài xu thế của nghệ thuật truyền thống, Nam Định còn là nơi có phong trào văn hoá, văn nghệ quần chúng phát triển mạnh. Theo số liệu thống kê sơ bộ, toàn tỉnh hiện có hơn 900 đội, câu lạc bộ (CLB) văn nghệ quần chúng; trong đó, cấp huyện, thành phố có hơn 20 đội, CLB; cấp xã, phường, thị trấn có gần 200 đội, CLB; cấp thôn, xóm, tổ dân phố có hơn 700 đội, CLB cùng hàng trăm tổ, đội, CLB văn hóa, văn nghệ ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học. Mỗi CLB có từ 10-30 thành viên ở mọi lứa tuổi, thành phần xã hội tham gia, trong đó có những thành viên đam mê văn nghệ, am hiểu về các loại hình nghệ thuật, nhạc cụ dân tộc và bản sắc văn hóa địa phương làm hạt nhân. Mỗi năm, các đội, CLB trong tỉnh tổ chức từ 500-800 buổi sinh hoạt, biểu diễn. Thời gian qua, các CLB, tổ đội văn nghệ ngoài sinh hoạt gặp mặt luyện tập định kỳ còn tổ chức nhiều hình thức giao lưu văn nghệ online trên các nền tảng mạng xã hội. Xã Giao Hải, huyện Giao Thủy hiện có nhiều CLB văn hóa, nghệ thuật gồm: chèo, trống hội, kèn đồng, múa lân - rồng... Từ đầu năm 2024, trang Fanpage “CLB Kèn đồng - Trống hội xã Giao Hải” ra đời với mục đích chia sẻ các tiết mục biểu diễn của CLB tới đông đảo công chúng. Vào dịp hội làng Kiên Hành mừng 5 tháng Giêng hàng năm, CLB đều tham gia biểu diễn; đồng thời CLB được mời biểu diễn ở nhiều sự kiện văn hóa, chính trị như: Đại hội đại biểu Phụ nữ huyện, Đại hội đại biểu Phụ nữ tỉnh, Đại hội Thể dục thể thao huyện, Ngày hội Văn hóa - Thể thao truyền thống huyện, các hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào xây dựng nông thôn mới... Các tiết mục đa dạng của CLB Kèn đồng - Trống hội xã Giao Hải đều được phát trực tiếp trên Fanpage của CLB và thu hút đông đảo khán giả theo dõi.

CLB Chèo - Dân ca Nam Định là một trong các CLB văn nghệ hoạt động sôi nổi trên nền tảng mạng xã hội Facebook. Hiện nay, CLB có gần 2.000 thành viên là những người yêu thích các làn điệu chèo, hát văn tại Nam Định và các tỉnh, thành phố lân cận. Các thành viên trong CLB giao lưu sinh hoạt văn nghệ đều đặn vào các buổi tối qua trang Fanpage “CLB Chèo - Dân ca Nam Định”. Để nâng cao chất lượng các buổi livestream, các tiết mục biểu diễn của các thành viên trong CLB đều được đăng ký cụ thể với Ban quản trị Fanpage. Sau khi lựa chọn các thành viên, tiết mục đã đăng ký, Ban quản trị Fanpage CLB sẽ sắp lịch và thông

báo chính thức giờ phát sóng livestream để các thành viên khác đón xem, cổ vũ. Mặc dù mới thành lập từ đầu năm 2024, nhưng đến nay, Fanpage của CLB Chèo - Dân ca Nam Định đã có hàng trăm buổi livestream phát các tiết mục của các thành viên trong CLB.

Có thể nói, trong thời đại bùng nổ công nghệ số, văn hoá nghệ thuật đã trở thành công nghiệp văn hoá. Việc ứng dụng công nghệ không còn là giải pháp tạm thời mà là cầu nối hữu hiệu giữa tác giả, tác phẩm với công chúng. Việc quảng bá tác phẩm qua nền tảng online dần trở nên phổ biến với nhiều văn nghệ sỹ hiện nay, cũng như phong trào văn nghệ nở rộ trên các nền tảng mạng xã hội đã tạo hiệu ứng tích cực, trở thành sân chơi văn hóa lành mạnh của những người đam mê nghệ thuật. Từ các buổi sinh hoạt văn nghệ “online”, các hạt nhân văn nghệ được bồi đắp thêm kinh nghiệm, qua đó hoàn thiện bản thân khi biểu diễn trên các sân khấu thực tế. Hơn hết, văn nghệ trên sân khấu “online” hay ngoài đời thực đều phát huy là phương thức hiệu quả tuyên truyền các khu dân cư, các gia đình thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nếp sống văn minh trong cộng đồng. Trong thời gian tới, để tiếp tục ứng dụng chuyển đổi số trong việc bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Thứ nhất, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển nghệ thuật biểu diễn. “Cần xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực phục vụ hoạt động biểu diễn nghệ thuật, trong đó cần có sự hài hòa, đồng bộ giữa đào tạo nhân lực sáng tác, biểu diễn với đội ngũ ứng dụng công nghệ cung cấp các dịch vụ liên quan để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ văn hóa về biểu diễn nghệ thuật. Trong đó, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực, tạo cơ hội để nghệ sỹ được tiếp cận các nền biểu diễn nghệ thuật tiên tiến. Đồng thời cũng cần lựa chọn ứng dụng công nghệ để phù hợp với từng loại hình biểu diễn, đặc biệt là việc bảo tồn nghệ thuật truyền thống”.

Thứ hai, phát huy tính tích cực của hệ thống thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, quảng bá các giá trị nghệ thuật truyền thống. Tăng cường việc sử dụng công nghệ thông tin, mạng internet, nền tảng xã hội trong tuyên truyền, quảng bá các tác phẩm nghệ thuật truyền thống để định hướng tư tưởng và thẩm mỹ cho quần chúng Nhân dân, đặc biệt là các tầng lớp thanh niên, thiếu niên góp phần đấu tranh chống lại sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại, gây hủy hoại đạo đức xã hội.

Thứ ba, đầu tư, huy động nguồn lực cho phát triển nghệ thuật biểu diễn, đặc biệt nguồn tài chính để mua sắm trang thiết bị, nền tảng công nghệ phục vụ cho sáng tạo, biểu diễn nghệ thuật. Nhà nước cần đầu tư những chương trình trọng điểm, kết hợp với xã hội hóa.

Thứ tư, xây dựng và thực hiện chiến lược, đề án phát triển nghệ thuật biểu

diễn nói chung, ứng dụng khoa học, công nghệ vào phát triển nghệ thuật biểu diễn nói riêng nhằm tận dụng và hội nhập xu thế phát triển của Cách mạng công nghiệp 4.0./.